



# THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France  
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359  
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy



*Xã luận*

ISSN 1145-9557 Số 170 - Năm thứ 16, tháng 05-2003

## Iraq sau Saddam Hussein

Có lẽ còn hơi sớm để nói Iraq sẽ như thế nào sau Saddam Hussein, nhưng cuộc chiến Iraq đã chấm dứt và một nước Iraq mới đã bắt đầu.

Cuộc chiến này đặt ra một loạt vấn đề nghiêm trọng và có lẽ là cuộc chiến tác động lên thế giới nhiều nhất từ sau thế chiến 2, hơn cả hai cuộc chiến Afghanistan, hơn cả cuộc chiến tranh Việt Nam.

Trước hết nó tạo ra khủng hoảng trong luật pháp và đạo lý thế giới. Hoa Kỳ đã bắt chấp Liên Hiệp Quốc đem quân đánh một quốc gia khác, chiếm đóng nước này để thành lập một nhà nước khác theo ý mình. Liên Hiệp Quốc đã bị biên tế hóa. Hơn lúc nào hết, thế giới cần một luật pháp quốc tế và một định chế để bảo đảm sự thực thi của luật pháp này. Thế giới cần Liên Hiệp Quốc, nhưng một Liên Hiệp Quốc khác. Tổ chức Liên Hiệp Quốc hiện nay thiếu sự chính đáng. Nó chấp nhận ngay cả những quốc gia bạo ngược và nó cũng thường bị sử dụng như một diễn đàn để các quốc gia bảo vệ những quyền lợi ích kỷ của mình. Một thí dụ là Liên Hiệp Quốc đã không dám lên án việc chính quyền Fidel Castro đàn áp thô bạo những người đối lập dân chủ tại Cuba. Người ta sẽ không ngạc nhiên về sự hèn nhát này nếu biết rằng hiện nay chủ tịch ủy ban nhân quyền của Liên Hiệp Quốc không ai khác hơn là đại diện của Qadafi. Một thí dụ khác là ba nước Pháp, Đức và Nga đã mở cả một chiến dịch chống Hoa Kỳ nhân danh luật pháp quốc tế nhưng thực sự là để bảo vệ những hợp đồng mà họ đã ngầm ký kết với Saddam Hussein ngay trong lúc Iraq còn chính thức bị phong tỏa. Nước chống Mỹ ôn ào nhất là Pháp đã gửi bộ trưởng tư pháp đến Hà Nội để long trọng dự lễ kỷ niệm hai năm ngày khánh thành "Tòa Nhà Luật Pháp" (La Maison du Droit) đầu năm nay vào giữa lúc chính quyền Hà Nội bắt giam hàng loạt những người dân chủ và sử dụng tòa án như một dụng cụ khủng bố.

Liên Hiệp Quốc chỉ có sự chính đáng, và do đó có uy quyền, nếu nó thực sự đại diện cho những giá trị đạo đức của thời đại : tự do, dân chủ và nhân quyền.

Chắc chắn sẽ còn nhiều khó khăn nhưng cuối cùng thì một chế độ dân chủ cũng sẽ được thành lập tại Iraq và sự kiện này sẽ làm thay đổi hẳn bộ mặt của thế giới. Các lực lượng khủng bố và Hồi giáo quá khích vừa mất đi một đồng minh cột trụ. Hai nước dung túng khủng bố khác là Syria và Iran đã giật mình và đang tìm cách để hòa dịu với Hoa Kỳ. Các tổ chức khủng bố nếu không bị tiêu diệt hẳn thì cũng suy yếu hẳn đi trong một thời gian ngắn. Không phải là một sự tình cờ mà Yasser Arafat đã phải nhượng bộ, bỏ nhiệm làm thủ tướng và nhường phần lớn quyền hành cho một nhân vật ôn hòa chủ trương đối thoại thành thật với Do Thái. Cuộc khủng hoảng Do Thái - Palestine có nhiều hy vọng sẽ được giải quyết và đó sẽ là một chấn động lớn đối với hầu hết các chính quyền Á Rập. Cho đến nay, nói chung, tất cả các chính quyền này đều độc tài, thối nát, bất lực và tham nhũng. Tất cả đều đã khai thác sự hận thù Do Thái để che lấp những thành tích bi đát về mọi mặt của mình. Một khi sự sống chung hòa bình đã được thực hiện giữa Do Thái và Palestine tất cả các chính quyền này đều sẽ khủng hoảng nặng, sẽ phải cố gắng cải thiện để thích nghi, một số sẽ bị đào thải. Cả thế giới Á Rập sẽ trải qua một giai đoạn sôi động cho đến khi cả vùng Trung Đông được dân chủ hóa. Sự thay đổi này tại Trung Đông, có thể diễn ra rất sớm, sẽ là một sức đẩy mãnh liệt cho trào lưu dân chủ trên thế giới.

Cuộc chiến Iraq đã mở ra một giai đoạn khủng hoảng cần thiết để xét lại và thiết lập lại một trật tự thế giới mới : trật tự không dựa vào sức mạnh của một số nước lớn mà đặt nền tảng trên một luật pháp quốc tế mà mọi chính quyền dù muốn hay không cũng phải tôn trọng bởi vì thể hiện những giá trị mà mọi người trên trái đất này đều chia sẻ : tự do, dân chủ và nhân quyền.

**Thông Luận**

## Mọi sự không còn như trước

Bài Tin



\*Vượt quá mọi phỏng đoán lạc quan nhất \* Ba ông tướng Hà Nội nhõ tàu \*  
\* Nỗi lo chung của Hồ và Nông \* Họ nhà "độc" : quá đắt thế kỷ ! \*

Chế độ Saddam Hussein ở Iraq đã sụp đổ. Nó sụp đổ nhanh trong có ba tuần lễ, vượt quá dự đoán của những người lạc quan nhất.

Mặc dù vẫn còn những tranh cãi trong giới chính trị và công luận quốc tế về tính chính đáng của cuộc tiến công quân sự của liên quân Mỹ-Anh, về tính hợp pháp quốc tế và vai trò của Liên Hp Quốc trong cuộc chiến tranh lật đổ một chính quyền độc đảng tàn bạo bậc nhất thế giới hiện tại, đông đảo nhân dân thế giới hòa chung trong niềm hoan vui mừng khôn xiết. Với mọi con người tiến bộ, dân chủ, yêu hòa bình, trái đất như đẹp hơn hôm qua, cuộc sống đáng sống hơn, trái đất như sạch sẽ hơn, bầu trời như trong xanh hơn. Thế giới đã loại bớt đi một tên đồ tể khát máu hung hãn.

Những cảnh nhân dân Iraq chào đón liên quân với những nụ cười rạng rỡ ; những nhà tù đầy vết máu dân lành, những dây thừng treo cổ, phòng giam tối om 6 mét vuông từng chứa hơn một chục người tù, một trại giam còn danh sách 997 tù chính trị vừa bị thủ tiêu, những lâu đài nguy nga của Saddam với phòng vệ sinh có bồn tắm, vòi nước mạ vàng, bãi xe nằm dưới lòng đất của công tử Uday con trai cả Saddam chứa gần một nghìn chiếc xe ô-tô toàn loại sang... là những chi tiết làm tăng thêm ý nghĩa của niềm vui khi một triều đại phản dân hại nước bị quật đổ.

Trong nhiệm vụ xây dựng lại Iraq, muôn vàn khó khăn ngổn ngang : những tàn phá của chiến tranh, di sản của một chế độ gia đình trị hung bạo, những mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo đan xen, mối quan hệ phức tạp với các nước láng giềng do lịch sử để lại, tham vọng của các nước lớn đối với một nước giàu tiềm năng dầu mỏ và có vị trí chiến lược ở trung tâm Trung Đông... Thế nhưng có một điều chắc chắn là trong thời đại hiện nay, nhân dân Iraq trải qua thể nghiệm một chế độ gian ác bậc nhất, có một quân đội lớn mạnh vào "hàng thứ tư của thế giới" (!), những sư đoàn thiện chiến, hàng vạn vệ binh tuyệt đối trung thành, có đảng Baath có hàng triệu đảng viên độc quyền lãnh đạo... vậy mà tất cả đều tan biến, rã nát như đồng giấy bản trong cơn mưa rào, nhân dân ấy tất sẽ tự mình thức tỉnh để xây dựng nên một chế độ tiến bộ, chưa toàn bích thì chí ít cũng hơn hẳn chế độ tàn bạo thối nát vừa rẫy chết. Mọi sự đối với nhân dân Iraq đã thay đổi tận gốc, không còn gì như hôm qua nữa. Đúng là một cuộc đổi đời.

Sau cuộc đổi đời ở Iraq, đối với các chế độ độc đoán, độc đảng cùng chung một bản chất với chế độ Saddam - từng là bạn bè thân thiết của Baghdad cũ - tình hình cũng không còn như trước. Đây là một nét rất thú vị, động viên mọi người phấn đấu cho trào lưu dân chủ trên toàn thế giới.

Chỉ mới bốn tuần lễ trước đây, bộ máy tuyên truyền chính thức của Hà Nội - các báo *Nhân Dân*, *Quân Đội Nhân Dân*, *An Ninh Thế Giới*, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình Việt Nam - đều lên giọng tố cáo mạnh mẽ chiến tranh "xâm lược" của Mỹ-Anh, đề cao "tổng thống Saddam Hussein", dự đoán liên quân sẽ sa lầy thảm hại trước cuộc kháng chiến kiên cường (!) và cuộc chiến tranh du kích đô thị đầy sáng tạo (!) của nhân dân Iraq ; ba viên tướng là thượng tướng Lê Ngọc Hiền, trung tướng Trần Xuân Trường và trung tướng Nguyễn Đình Ước uốn lưỡi cảnh báo như đinh đóng cột rằng quân Mỹ-Anh sẽ vấp phải cuộc kháng chiến lâu dài vô hạn, sẽ bị tiêu diệt trên quy mô lớn, quyết định chiến trường là bộ binh, là du kích quân chứ không phải là kỹ thuật quân sự hiện đại, còn lên lớp ám chỉ rằng Mỹ "ngu lâu", không rút ra được bài học Việt Nam ! Với kiểu tuyên truyền có chỉ đạo, có định hướng một chiều, họ chỉ hý hửng đưa tin quân Anh-Mỹ bị lạc trong sa mạc, máy bay lên thẳng Mỹ bị tai nạn, tên lửa Mỹ bắn nhầm máy bay Mỹ, tù binh Mỹ bị bắt, các cuộc biểu tình chống Mỹ ở một số nơi... để rồi cuối cùng khi chế độ Saddam tan biến, họ ú ớ không còn biết ăn nói ra sao nữa ! Thật chẳng cái đại nào giống cái đại nào !

Điều thú vị là trên vỉa hè ở Sài Gòn và trong các cửa hàng giải khát ở Hà Nội, dân chúng cùng thanh niên, sinh viên - trong bàn luận thời cuộc và cả trong đánh cá cược - đã hầu như bác bỏ dứt khoát các luận điệu chính thống vô vắn của nhà cầm quyền ; họ dự đoán thời cuộc theo cảm nghĩ ngay thật và suy luận tỉnh táo của mình. Các bản tin đặc biệt về Iraq do Việt Nam Thông Tấn Xã phát hành về chiều bị ế ẩm vì không còn đáng tin cậy ; họ hiểu ra rằng chỉ có đài phát thanh RFI, BBC, RFA tiếng Việt, các đài vô tuyến truyền hình CNN, BBC của Mỹ, Anh mới đưa tin nhanh, đủ và đúng. Sự thật bị cắt xén, sàng lọc không còn là sự thật. Thật là một vô đau cho các phương tiện thông tin đại chúng của chính quyền độc đoán, dịp này tự mình đã xuẩn dại làm mất hết giá trị bản thân trước công chúng. Sau sự kiện Iraq, họ làm sao rửa mặt cho sạch sẽ đây ! Phải chăng mất niềm tin đối với công chúng, với nhân dân, với tuổi trẻ ham nhận thông tin trung thực... là mất hết !

Theo tin từ trong nước, cơn khối chuyện vui. Và đây mới là điều đáng mừng hơn cả. Qua sự sụp đổ của triều đại Saddam ở Iraq, chế độ độc đoán độc đảng lơ lảo còn rớt lại ở vài nước đã bị chấn động, giảm giá trông thấy. Chế độ độc đoán độc đảng ở Damascus (Syria) vội nộp mạng mấy tên tay chân của Saddam đến nương thân ; chế độ độc đoán ở Teheran (Iran) thanh minh luôn kiểm soát chặt biên giới, không nhúng tay vào nội bộ Iraq ; chế độ "quân chủ

cộng sản" ở Bình Nhưỡng cùng với Bắc Kinh liền dìm dọng nhận đả mạt ngay với Hoa Kỳ... Rõ ràng mọi sự đều đối khác sau khi cái chế độ độc đoán tàn bạo ở Iraq sụp đổ.

Một sự trùng hợp lý thú. Ngày 9-4-2003, đúng lúc bức tượng lớn nhất của Saddam Hussein ở giữa Baghdad bị giật đổ gãy đôi lăn kềnh, đánh dấu sự cáo chung của một chế độ độc đoán dìm máu dân lành, thì hai anh em cùng họ hàng nhà "độc" ở châu Á : Hồ Cẩm Đào và Nông Đức Mạnh gặp nhau ở Bắc Kinh. Đây là cuộc "khẩu thủ" - lễ cúi đầu hàm ý phục tùng, khuất phục theo nghi thức các triều đại xưa - đầu tiên của tổng bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam sau khi Hồ Cẩm Đào nhận chức tổng bí thư Đảng Cộng Sản Trung Quốc ; không có thông cáo chung, chỉ vắn vụn một tin ngắn của Tân Hoa Xã : Trung Quốc mong muốn thực hiện sớm hiệp định biên giới trên biển và hoàn thành hiệp định về đánh cá chung ; hai bên lo rằng tình hình thế giới sẽ diễn biến xấu sau cuộc chiến Iraq. Một nghiêm lệnh cho Việt Nam phải thỏa mãn tham vọng của đại Quốc và một tiếng thở dài chung nào nề đưa ma một chế độ anh em cùng gia đình họ "độc".

Độc đoán độc đảng Ả Rập hay độc đoán độc đảng cộng sản thì cũng chỉ là một mô hình. Giống nhau như những giọt nước ! Cũng là chỉ có đảng ta là đúng, là chính nghĩa, là yêu nước ; chỉ có lãnh tụ đảng ta là xứng đáng được sùng bái, dựng tượng, xây lăng ; bầu cử đảng ta chọn, dân ta bầu, luôn đạt 90 đến 99,98% (như Saddam đạt trong cuộc bầu tổng thống gần đây nhất) là chuyện đương nhiên; tự do báo chí ở Iraq giống hệt như ở Việt Nam và Trung Quốc : chỉ có báo của đảng Baath, chỉ có đài phát thanh của chế độ do quý tử của Saddam nắm chặt, không một tiếng nói nào cho tư nhân ; tự do tôn giáo là cấm kỵ, chỉ có tôn giáo Quốc doanh là duy nhất ; cũng không hề có tù chính trị - vì ai cũng tuyệt đối trung thành với đảng và lãnh tụ (!) - chỉ có bọn phạm pháp hình sự...

Hồ Cẩm Đào và Nông Đức Mạnh lo lắng, lòng dạ không yên. Vì dù cho có đổi mới, mở cửa, tự do chút ít về Kinh tế thì độc đoán vẫn là độc đoán, độc đảng vẫn là độc đảng, giả dối vẫn là giả dối, nhân dân vẫn không có quyền sống tự do như ở các nước dân chủ chân chính. Điều mà bộ chính trị ở Bắc Kinh hay Hà Nội lo sợ không phải chế độ hiện hành sẽ bị liên quân nào đó kéo vào tiến công quật đổ như ở Iraq, điều mà không một người Việt Nam yêu nước nào mong muốn và cho phép ; điều họ sợ chính là ở chỗ nhân dân, quân đội, cán bộ, tuổi trẻ trong nước qua sự kiện Iraq, đã nhìn ra rất rõ nhiều sự thật bị che giấu ngay trên đất nước mình. Sự thật rành rành ra đó : cái ổn định của chế độ độc đoán chỉ là cái vỏ bề ngoài ; chính quyền dựa trên bạo lực, đàn áp và lừa dối là cực kỳ ẻo lả ; các công cụ đàn áp nhân dân bề ngoài hùng hổ, chỉ trung thành giả tạo với đảng và nhà nước, khi lâm sự có thể tan biến, rã ngũ hay đứng về phía dân tộc và nhân dân ; những con số trúng cử theo cung cách bầu cử tiền chế, kiểu đảng cử dân bầu, 80, 90, gần 100%, thực chất chỉ là "rỗng ruột" khi có thử thách hiểm nghèo ; ảnh, biểu ngữ, tượng đài dù đồ sộ, sặc sỡ, trưng ra khắp nơi không bao giờ thay thế được

## Thơ

Gửi các binh sĩ Iraq và liên quân Mỹ-Anh



### Phản chiến

Tổ quốc trong anh máu thấm tận nguồn  
Tổ quốc chúng gào đầu lưỡi  
Hãy cảnh giác !  
Khi anh đâm mình máu mê trận mạc  
chúng đưa con du học nước ngoài  
rúc kín lâu đài du hí trên ngai  
Hãy cảnh giác !  
Bọn mặt bự đẽo mồm  
thời nào chẳng nhân danh Tổ quốc  
cao giọng hùng hồn không tiếc máu xương  
máu xương lấy đổ nghiệp đế vương

Hãy cảnh giác !  
Sau chiến tranh chúng lại chiến tranh  
cuộc chiến tranh một phía  
Người sống sót trở về oằn lưng sưu thuế  
Chúng lấy máu đúc vàng  
độc quyền ngự trị nghênh ngang  
độc quyền nghĩ  
độc quyền nói  
độc quyền ráo trội  
Dân đen chỉ một quyền được... đói  
và thêm nữa là quyền sợ hãi  
triền miên  
Hãy cảnh giác !  
Dân đen  
Cảnh giác !  
Lòng ta yêu vô cùng Tổ quốc  
Chúng luôn moi làm bẫy đánh lừa  
sập lại chính đời ta  
đến cả cháu ta  
vào kiếp chó  
canh túi vàng chúng nó.

*Bài Minh Quốc*

Đà Lạt 4-4-2003

niềm quý yêu chân thật trong lòng đồng đảo nhân dân...

Từ ngày một chế độ độc đoán vững mạnh một thời đổ sập ở Trung Đông, mọi sự trên thế gian không còn như trước. Niềm tin ở tự do, dân chủ, ở quyền sống trong nhân phẩm của loài người tăng lên. Các thế lực độc đoán độc đảng mất ăn mất ngủ, lo nghĩ đến số phận mình, tìm mưu kế hồng thích ứng với thời cuộc mới.

Nổi lên một chân lý : không một kẻ nào dù gian hùng đến đâu, không một chế độ nào dù hung hãn đến đâu, có thể đương đầu với những bước đi của lịch sử mang giá trị phổ quát của thời đại : Tự do và Dân chủ. Mọi họ nhà "độc" đều quá đát của thế kỷ.

*Bài Tin*

Paris, tháng 4-2003

# Hai bài học lớn cho Việt Nam từ Iraq

Tôn Thất Thiện

## Độc tài và chiến tranh

Trong thời gian gần đây, như là trong hai tháng vừa qua, khắp nơi trên thế giới mọi người nhìn tivi đều hồi hộp theo dõi những biến chuyển dẫn đến chiến tranh giữa Hoa Kỳ và Iraq. Trong những biến chuyển này, có hai sự kiện nổi bật :

1. Iraq đã bị tàn phá quy mô do sự tấn công ô ạt của quân đội Hoa Kỳ, đặc biệt là của không quân, sử dụng những vũ khí tối tân hạng như ; chế độ Saddam Hussein đã sụp đổ một cách nhanh chóng và toàn vẹn ;

2. Sự sụp đổ này tạo ra một tình trạng vô chính phủ, dân chúng tự do cướp bóc trong cảnh

hỗn loạn hoàn toàn ; đồng thời, các dịch vụ công cộng (điện, nước, chuyên chở, bệnh viện) bị giảm hoặc ngừng hoạt động. Phần khác, cũng vì không có an ninh, an toàn nên chợ búa, các tiệm, đều phải đóng cửa, và dân chúng lâm vào cảnh khốn cùng, gây ra một tình trạng thiếu thốn nguy cấp.

Hai sự kiện trên đây là những sự kiện đáng làm cho chúng ta đặc biệt chú ý và suy ngẫm.

Cuộc chiến giữa Iraq và Hoa Kỳ có nhiều nguyên do. Một trong những nguyên do chính là chế độ Saddam Hussein là một chế độ độc tài hạng nặng. Quyền lực của Saddam tuyệt đối. Đảng Baath, đảng chính quyền, là công cụ của ông ta. Cùng với đảng này, Saddam áp đặt lên dân chúng Iraq một chế độ độc tài toàn trị và khủng bố tàn ác theo mô hình của chế độ Stalin. Tính cách khủng bố và tàn ác này được phơi bày ra sau khi chế độ sụp đổ, và dân chúng dám nói lên những gì mình đã chịu đựng hay mục kích trong 35 năm Saddam cầm quyền.

Nhưng điểm đáng để ý như là : vì nắm quyền tuyệt đối trong nước, không gặp trở ngại gì, muốn làm gì thì làm, Saddam bị rơi vào tâm lý tương tự trong sự đối xử với quốc tế. Ông ta không những đã dùng bạo lực tàn bạo đối với dân Iraq các vùng Shi'it và Kurd, mà còn gây chiến với Iran và Kuwait để thị uy. Hai cuộc chiến này đã gây thiệt hại lớn cho Iraq : cuộc chiến với Iran đã làm cho Iraq chết hàng trăm ngàn người và cuộc chiến với Kuwait đã đưa đến sự can thiệp mãnh liệt của Hoa Kỳ. Nhân danh Liên Hiệp Quốc, Hoa Kỳ đã cầm đầu một lực lượng lớn, đánh bại Iraq và áp đặt nhiều điều kiện chế tài gắt gao.

Saddam đã dùng đủ cách, đủ kế để tránh né thi hành những chế tài của Liên Hiệp Quốc. Ông ta đã ngăn cản không cho phái đoàn thanh tra của Liên Hiệp Quốc kiểm soát việc giải giới Iraq, đặc biệt là sự chế tạo các vũ khí hóa học, vi trùng hay nguyên tử, có thể giết hại nhiều

người. Sau vụ Trung Tâm Thương Mãi Quốc tế ở New York bị quân khủng bố Ben Laden tấn công vào tháng 9 năm 2001, Hoa Kỳ rất lo ngại bị tấn công lần nữa, nên rất gắt gao về việc đòi giải giới các quốc gia có thể đe dọa trực tiếp hay gián tiếp Hoa Kỳ, trong đó có Iraq.

Saddam tin rằng Hoa Kỳ không làm gì Iraq được vì Liên Hiệp Quốc không để cho Hoa Kỳ tấn công mình. Và quen toàn quyền, và vì quen được mọi người sợ mình, ông ta không chịu nghe những lời cảnh cáo của các lãnh đạo các nước. Đây là một bài học mà chế độ độc tài đã học được sau khi quá trễ : nắm bá quyền trong nước không hẳn

là nắm luôn được bá quyền trên trường quốc tế ; trong nước không ai đánh bại được mình không có

nghĩa là ở ngoại quốc cũng vậy. Ông ta lại tin rằng quân đội và các lực lượng khác của ông ta mạnh lắm, và Hoa Kỳ không dễ dàng đánh bại ông được. Độc tài đã dẫn Saddam đến độc đoán, kiêu căng và mù quáng, rồi dẫn đến sụp đổ. Nhưng cùng với sự sụp đổ này, rất nhiều cơ sở của Iraq cũng bị dội bom và tàn phá. Nhiều binh sĩ đã chết vô ích vì bom đạn, một số thường dân cũng bị chết lây, hay thương tích nặng. Nói chung, cuộc chiến với Hoa Kỳ là một tai họa lớn cho quốc gia và nhân dân Iraq. Nó là hậu quả trực tiếp do chế độ độc tài mù quáng của Saddam gây ra.

## Chính trị hóa và hỗn loạn

Một trong những cảnh làm cho mọi người xem tivi phải để ý và suy ngẫm là cảnh dân chúng cướp bóc tràn lan, có thể nói là vui vẻ, và tự do. Không những họ ôm đầy hai tay, mà còn mang xe bò, xe ô tô, và ngay cả xe cam nhông, chở đi những đồ cướp bóc. Đặc biệt hơn nữa là họ không tỏ ra ngại ngùng, e dè gì cả, và không gặp một sự ngăn chặn nào, tuy rằng trên đường phố có quân đội Mỹ qua lại.

Lính Mỹ chỉ nhìn, không can thiệp, vì nhiệm vụ của họ là lùng đánh lực lượng quân sự Iraq chớ không phải làm cảnh sát bảo vệ tài sản công cộng hay tư nhân, và họ được lệnh không can thiệp. Về phần Iraq, tất cả những lực lượng có nhiệm vụ duy trì an ninh trật tự công cộng đều vắng mặt ; những người này đang lẩn trốn vì sợ dân chúng hành hung, vì là những đại diện của một chính quyền độc ác bị dân chúng thù ghét. Thật ra cũng không còn ai điều khiển họ nữa, những người lãnh đạo và các cấp chỉ huy cơ quan công quyền đã lạnh chân bỏ trốn trước rồi.

Dưới thời Saddam, tất cả các cơ quan hành chính, kể cả cảnh sát, đều bị chính trị hóa hoàn toàn. Các trưởng cơ quan đều là người thuộc đảng Baath của Saddam. Họ đã dựa thế Saddam và đảng Baath để hiệp đáp, sách nhiễu và

bóc lột dân chúng. Họ chỉ tồn tại và hoành hành được khi Saddam còn nắm quyền. Một khi Saddam đã bị lật đổ thì họ tất nhiên biết rằng dân chúng sẽ trừng phạt họ, và đã lần trốn hết. Kết cục là các cơ quan hành chính, nhất là cảnh sát, đều mất đầu và mất hiệu lực. Trong thủ đô Baghdad, cũng như tại các thành phố và thị trấn khác, các cơ sở nhà nước đều bị bỏ ngỏ, mặc cho dân chúng tràn vào cướp phá.

Một đặc điểm của sự cướp bóc này là dân chúng chỉ nhắm vào những cơ quan, công sở nhà nước : các dinh thự của Saddam và những nhân viên cao cấp trong chính quyền, các cơ sở công cộng. Đối với người dân, sống hàng chục năm trong cảnh đói rách trong khi các kẻ cầm quyền dùng tài sản của quốc gia để xây cất dinh thự nguy nga để sống một cách đế vương, những cửa cải đó là đồ ăn cắp của dân, nghĩa là của họ, và hành động cướp bóc của họ chỉ là lấy lại những gì mà họ đã bị ăn cắp. Do đó, mọi người tha hồ cướp bóc, không ai cảm thấy thấy tội lỗi hay lương tâm cắn rứt gì cả.

Về dịch vụ công cộng (điện, nước, chuyên chở, y viện), tình hình cũng hỗn loạn. Các cơ sở, một phần bị bom đạn làm hư hỏng, một phần bị cướp bóc, nhất là các bệnh viện, hoàn toàn thiếu an ninh và nhân viên phụ trách. Thiếu an ninh vì, như đã thấy ở trên, lực lượng cảnh sát bảo vệ bỏ trốn ; thiếu nhân viên phụ trách vì trong tình trạng chiến tranh, cơ sở bị bom đạn, không ai dám đến sở làm ; thêm nữa, các trưởng nhiệm sở là những người được bổ nhiệm vì lý do chính trị, cũng đã bỏ trốn cả rồi. Do đó, mọi phục vụ công cộng đều ngưng trệ.

Điều này cho thấy, nếu những cơ sở hành chính và chuyên môn đều bị chính trị hóa thì dễ dẫn đến hỗn loạn, gây khốn đốn cho dân, khi chế độ độc tài sụp đổ, khủng hoảng chính trị và xã hội là điều không tránh khỏi.

Thử so sánh tình trạng Iraq ngày nay với tình trạng Việt Nam trong thời gian 1945-1975. Trong khoảng thời gian này, Việt Nam đã xảy ra nhiều vụ thay đổi chính quyền, nhưng xã hội Việt Nam đã không rơi vào cảnh hỗn loạn, cướp bóc qui mô và trắng trợn như Iraq ngày nay sau khi chế độ Saddam bị loại. Đó là vì hành chính và các cơ sở chuyên môn của Việt Nam đã không bị chính trị hóa. Nếu có thay đổi là ở cấp thượng tầng, các cơ quan hành chính, kể cả ngành cảnh sát, và chuyên môn vẫn sinh hoạt bình thường trong thời gian chuyển tiếp. Nhưng trong tình trạng Việt Nam hiện nay, không có gì bảo đảm xã hội Việt Nam có được may mắn như trước khi chế độ cộng sản sụp đổ.

### **Trách nhiệm của những người cộng sản lý tưởng**

Tình trạng Việt Nam hiện nay tương tự như tình trạng Iraq dưới chế độ Saddam và đảng Baath. Các cơ quan nhà nước đều bị chính trị hóa hoàn toàn. Không những thành viên các cơ chế thuần túy chính trị, như nội các, quốc hội, và các tổ chức ngoại vi như Mặt Trận Tổ Quốc, mà tất cả các cơ quan hành chính, cùng các cơ sở chuyên môn đều nằm trong tay những đảng viên đảng cộng sản. Trong nhân quan của dân chúng họ là người của chế độ cộng sản, đại

diện của đảng, chia sẻ quyền hành, lợi lộc của quốc gia với nhau. Khi chế độ tan rã, hay đột ngột bị lật đổ trong một biến cố - có thể xảy ra một cách bất ngờ và đột ngột, thành phần nhân sự này đều bị coi như là "người của chế độ" sẽ tự động lần trốn ; trật tự công cộng và các cơ quan hành chính, cùng dịch vụ công cộng, đương nhiên là sẽ thiếu người đảm nhiệm, cảnh hỗn loạn và cướp bóc là điều tất yếu sẽ diễn ra.

Muốn tránh tình trạng trên đây, chính quyền đương nhiệm phải phi chính trị hóa ngay các cơ quan hành chính, kể cả cảnh sát, và các cơ sở chuyên môn phòng hờ khi gặp biến cố thay đổi chế độ đột ngột, bộ máy quốc gia vẫn có thể tiếp tục bảo đảm an ninh, gìn giữ trật tự và cung cấp những dịch vụ cần thiết trong thời gian chuyển tiếp.

Ai có thể làm được những việc trên đây ? Đó là những người cộng sản lý tưởng ở trong, hay ngoài, chính quyền, có đủ tư cách nhất để làm việc đó. Chắc họ cũng đã nhìn thấy cảnh hỗn loạn và cướp bóc ở Iraq trên tivi, và không muốn tình trạng đó xảy ra ở Việt Nam khi xảy ra tình trạng khản trương. Họ có trách nhiệm vận động tránh cho đất nước tình trạng của Iraq tháng 4-2003.

Việc làm trên đây nay tương đối dễ hơn trước, vì ngày nay ai cũng chấp nhận, không công khai thì ngầm ngầm, rằng chế độ "xã hội chủ nghĩa" Việt Nam bắt buộc phải chấm dứt vì, theo Mác, một chế độ đã mang trong lòng hạt nhân thay đổi không sớm thì muộn xã hội đó sẽ bị thay thế. Đó là một quy luật phát triển xã hội. Và đã là "quy luật" thì không chế độ nào thoát khỏi.

Những người cộng sản còn chút lương tâm và lòng yêu nước, hãy chuẩn bị sự thay đổi chế độ xảy ra êm thấm.

*Tôn Thất Thiện*

Ottawa, tháng 4-2003

"Thế chế của Việt Nam phải là thế chế dân chủ đa nguyên, tôn trọng mọi khác biệt và dành chỗ đứng ngang nhau cho mọi người và cho mỗi người. Nhà nước phải thực sự tôn quyền, cho phép các địa phương tự tổ chức sinh hoạt của mình theo những điều kiện đặc biệt. Nhà nước tự coi như có sứ mệnh phục vụ xã hội dân sự và tạo điều kiện để xã hội dân sự phát triển và đem lại phúc lợi cho đất nước. Nhà nước đặt nền tảng trên thỏa hiệp thay vì xung khắc, không áp dụng một cách máy móc nguyên tắc thiếu số phục tùng đa số. Nhà nước coi công bằng xã hội là một ưu tư thường trực. Nhà nước dân chủ đất nước phải là một nhà nước nhẹ, tuyệt đối tôn trọng và thực thi luật pháp, tập trung vào sứ mệnh hòa giải những tranh chấp, trọng tài các quan hệ trong xã hội dân sự và chế tài những vi phạm".

*(Thành Công Thế Kỷ 21, cf. Tóm lược, tr.134).*

**Đọc và cổ động Thông Luận**

*Tham khảo :*

## **Iraq : lịch sử và trầm tích**

*Nguyễn Ngọc*

Theo lời kể trong *Sáng Thế Ký* (Genèse), từ vườn Địa Đàng trở ra bốn nhánh sông lớn trong đó có hai dòng sông Tigris và Euphrates tạo thành vùng Mesopotamia, gọi là Lưỡng Hà, gồm các thảo nguyên phì nhiêu nhờ đất phù sa mà sau này là lãnh thổ Iraq ngày nay. Cũng theo *Kinh Thánh*, đất Ur, ngày nay là thành phố Samer ở miền nam Iraq, xưa là sinh quán của Abraham, tổ phụ của người theo đạo Thiên Chúa và dân tộc Do Thái.

Khoảng năm 4.000 trước công nguyên, đã hiện hữu ở Mesopotamia một nền văn minh sớm sủa nhất của loài người với các thị quốc, chữ viết và văn bản đầu tiên. Vào khoảng 3.000 năm trước công nguyên, vùng đất này trở thành trung tâm của các vương quốc cổ đại người Sumeria, người Akhadi Semetic, người Babylon và người Assyria. Năm 538 trước công nguyên, Mesopotamia bị đại đế Ba Tư (tức Iran) là Cyrus xâm chiếm rồi sau đó, năm 331, rơi vào tay đại đế Alexander. Tới năm 637-640 sau công nguyên, nó bị người Ả Rập xâm lăng và Baghdad trở thành thủ đô của các Kha-líp (vua) Hồi giáo. Năm 1258, xứ này bị quân Mông Cổ cướp phá tàn tệ và trong suốt ba thế kỷ 16, 17 và 18, nó là đối tượng tranh đi đoạt lại giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Ba Tư. Quyền bá chủ trên danh nghĩa thuộc về Thổ Nhĩ Kỳ năm 1638, nhưng chỉ bị cai trị trực tiếp từ 1831. Trong Thế chiến 1, người Anh chiếm đóng hầu hết vùng Mesopotamia và được Hội Liên Quốc ủy trị năm 1920.

Năm 1932 người Anh đặt tên vùng Mesopotamia thành Iraq và cho quốc gia mới mẻ này tuyên bố độc lập với chế độ quân chủ lập hiến, lấy Baghdad làm thủ đô ; nguyên thủ quốc gia là một vị vua thuộc dòng Hashemite, cũng là dòng vua đang cai trị tại Jordan.

Lãnh thổ Iraq giống hình tam giác, rộng 437.521 cây số vuông, gồm núi, sa mạc và các thung lũng phì nhiêu. Những quốc gia láng giềng của Iraq ở phía đông là Iran, phía bắc là Thổ Nhĩ Kỳ, phía tây là Syria và Jordan, phía nam là Saudia Arabia và Kuwait. Trung tâm Iraq là một thung lũng bao la nằm giữa sông Tigris và sông Euphrates. Phía tây sông Euphrates là một vùng sa mạc khô cằn và trên vùng đông bắc là dãy núi trùng điệp.

Dân số Iraq vào khoảng 24 triệu người và Iraq là quốc gia duy nhất trong thế giới Ả Rập có đa số người dân thuộc hệ phái Hồi giáo Shi'ite. Hai nhóm sắc tộc chính là Ả Rập (75-80%) và Kurd (15-20%), Thổ, Assyria và các sắc tộc khác (5%). Bên cạnh ngôn ngữ chính thức là tiếng Ả Rập còn có tiếng Kurd ; ngoại ngữ chính là tiếng Anh. Số người biết đọc biết viết : 60%. Tôn giáo chính là Hồi giáo (Shi'ite 60-65% và Sunni 32-37%), Kitô giáo và các tôn giáo khác (3%). Thủ đô Baghdad có khoảng 5 triệu dân.

Iraq là quốc gia sản xuất dầu hỏa hàng đầu thế giới

(hơn hai triệu thùng mỗi ngày), ngoài ra Iraq còn có kỹ nghệ hóa chất, dệt, vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm. Việt Nam là một trong những bạn hàng chủ yếu của Iraq về dầu đã lọc và lúa gạo. Trước cuộc chiến tranh vùng Vịnh 1991, có hàng ngàn công nhân Việt Nam đã được sang Iraq làm việc trong các ngành dầu hỏa và xây dựng.

Nhân đây cũng xin được có đôi dòng về dân tộc Kurd. Ktrd là sắc dân vô tổ quốc đông đảo nhất thế giới bị các cường quốc bỏ quên sau Thế chiến 1 khi phân định lại làn ranh giữa các quốc gia và dân cư tại Trung Đông và châu Phi. Hiện nay có khoảng 30 triệu người Kurd sinh sống trên một vùng đất rộng lớn (gần 500.000 km<sup>2</sup>) dọc vùng biên giới các quốc gia bao quanh Iraq về phía bắc : 16 triệu người tại Thổ Nhĩ Kỳ, 20% dân số ; 7 triệu tại Iran, 7% dân số ; 4 triệu tại Iraq, 17% dân số ; 1 triệu tại Syria, 3% dân số ; hơn 100.000 người tại Armenia và khoảng 2 triệu người khác đang tị nạn tại khắp nơi trên thế giới. Họ có ngôn ngữ riêng, mưu sinh bằng việc trồng ngũ cốc, bông gòn. Hầu hết dân Kurd theo đạo Hồi nhưng khác biệt về ngôn ngữ, y phục, phong tục và không có những cấm đoán nghiêm ngặt đối với phụ nữ như tại các nước Ả Rập mà họ cư ngụ.

Trong Thế chiến 2, người Anh chiếm đóng lần nữa lãnh thổ Iraq vì năm 1941 Rachid Ali Al-Gaylani lãnh tụ quốc gia này có lập trường thân Khối Trục (Đức-Ý-Nhật). Năm 1945, Iraq là hội viên sáng lập Liên Minh Ả Rập. Sau đó, năm 1948, quân đội Iraq tham gia các đạo quân Ả Rập trong cuộc chiến với Do Thái ở Palestine.

Ngày 4-4-1939, vua Ghazi I bị tử nạn xe hơi, ấu vương Faisal II lên nối ngôi, lúc đó mới bốn tuổi. Faisal cùng hai nhiếp chính là Abdul-illah (chú) và Nuri Al-Said lãnh đạo Iraq cho tới tháng 7-1958 thì bị giết trong một cuộc đảo chánh chớp nhoáng, do tướng Abdul Karem Kassim chỉ huy, chấm dứt chế độ quân chủ và chính sách thân phương Tây. Kassim nỗ lực lấp bằng hố sâu ngăn cách giữa người giàu người nghèo và bắt đầu liên kết với những quốc gia cộng sản. Sáu năm sau, Kassim bị giết trong cuộc đảo chánh 8-3-1963 do đảng Ba'ath Hồi giáo (đảng Phục Hưng, còn gọi là đảng Ba'ath Xã hội Chủ nghĩa), tổ chức. Tháng 11-1963, Abdul Salam Arif làm một cuộc đảo chánh khác loại các đảng viên Ba'ath ra khỏi Hội Đồng Cách Mạng.

Năm 1966, Abdel Salam Arif cùng một số bộ hạ bị tử nạn trong một vụ rơi máy bay trực thăng. Em ông, Abdul Rahman Arif lên thay và năm 1967 đắc cử tổng thống. Tháng 7-1968 Abdul Rahman Arif bị một nhóm sĩ quan thuộc đảng Ba'ath, do thiếu tướng Ahmad Hasan al-Bakr và chỉ huy phó là Saddam Hussein (hay Saddam Husayn) chỉ huy, lật đổ. Nhóm này áp đặt một chế độ cai trị hà khắc và độc đoán nhằm chấm dứt mấy chục năm bất ổn chính trị kể từ sau Thế chiến 2. Đứng đầu là một tổng thống chủ tịch Hội đồng Lãnh đạo Cách mạng kiêm chủ tịch Hội đồng Chính phủ. Trong một cuộc bầu cử tháng 5-1978, liên minh giữa Đảng Cộng Sản Iraq và hai đảng của người Kurd suýt giành được chính quyền vì được đa số nhưng đảng Ba'ath liền ra tay đàn áp, nhiều đảng viên cộng sản bị hành quyết, thành phần đối lập bị tù đầy hàng chục năm mà

không cần xét xử. Ngày 16-7-1979, Saddam Hussein lên cầm quyền và Iraq trở thành chế độ cộng hòa độc đảng, chịu nhiều tai tiếng về áp bức, vi phạm nhân quyền và đe dọa khủng bố bậc nhất trên thế giới.

Dưới thời Saddam Hussein, Iraq là quốc gia sản xuất dầu hỏa lớn nhất thế giới, số tiền thu được thay vì được dùng để phát triển đất nước, Saddam Hussein dùng để thành lập một quân đội hùng mạnh nhất trong khu vực.

Tranh chấp về quyền kiểm soát thủy lộ Shatt-al-Arab trên tả ngạn sông Tigris giữa Iraq và Iran trở thành cuộc chiến tranh toàn diện ngày 20-9-1980, khi Iraq xâm chiếm phía tây Iran. Cuộc chiến kéo dài tám năm, làm hơn một triệu rưỡi người thiệt mạng, không phân thắng bại để rồi kết thúc bằng một cuộc ngừng bắn cuối năm 1987 do Liên Hiệp Quốc dàn xếp. Cả Iran lẫn Iraq đều dùng hơi độc để tàn sát nhau. Riêng Iraq còn dùng nó để tàn sát hàng chục ngàn người Kurd tại Halabja năm 1988.

Hai năm sau, tháng 7-1990, tổng thống Saddam tuyên bố lãnh thổ Kuwait thuộc Iraq. Các nhà lãnh đạo Ả Rập đã cố sức hòa giải nhưng thất bại. Ngày 2-8-1990, Iraq xua quân chiếm đóng Kuwait, dựng lên một chính phủ bù nhìn. Liên Hiệp Quốc phản ứng bằng cách áp đặt những biện pháp phong tỏa kinh tế Iraq, buộc Iraq rút quân nhưng không thành công. Ngày 18-1-1991, lực lượng Liên Hiệp Quốc dưới quyền tướng Mỹ Norman Schwarzkopf, tổng tư lệnh, tung ra chiến dịch Bão Sa Mạc và trong chưa đầy một tuần lễ đã giải phóng Kuwait. Năm 1991, Liên Hiệp Quốc ấn định một khu vực cấm máy bay ở miền bắc Iraq để bảo vệ dân Kurd. Năm 1992, thành lập thêm khu vực cấm máy bay ở miền nam như một vùng đệm giữa Iraq và Kuwait.

Tuy thảm bại trong cuộc chiến vùng Vịnh, nhà độc tài Hussein vẫn không nhụt chí. Ông nghiền nát những cuộc nổi dậy của người Hồi giáo Shi'ite lẫn người Kurd và vẫn siết chặt gọng kìm trên dân chúng Iraq. Kể từ năm 1990, Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc áp đặt cấm vận, không cho Iraq xuất cảng dầu hỏa ngoại trừ chỉ để trao đổi thực phẩm và thuốc men. Bất chấp những suy sụp do lệnh cấm vận gây ra, Hussein tiếp tục thách thức các điều khoản của hiệp định ngừng bắn. Ông phát động một chiến dịch tuyên truyền cả trong lẫn ngoài nước rằng tình trạng nghèo khổ của nhân dân Iraq là do chủ tâm của Hoa Kỳ chứ không phải là vì ông không chịu đáp ứng các điều khoản qui định của Liên Hiệp Quốc để được hủy cấm vận.

Ngày 13-11-1997, Iraq trục xuất các thành viên người Mỹ trong đoàn thanh tra Liên Hiệp Quốc được giao nhiệm vụ xác định rằng Iraq đã phá hủy mọi vũ khí nguyên tử, hóa học, sinh học và tên lửa. Theo hiệp ước ngừng bắn năm 1991, Liên Hiệp Quốc sẽ hủy lệnh cấm vận nếu Iraq tuân giữ hiệp ước đầy đủ. Căng thẳng đã kéo dài suốt mấy tháng liền và Hoa Kỳ bắt đầu củng cố sự hiện diện quân sự của mình ở Kuwait. Tháng 2-1998, tổng thư ký Liên Hiệp Quốc Kofi Annan cố dàn xếp một giải pháp hòa bình nhưng suốt trong nhiều tháng, Baghdad tiếp tục đòi phải bỏ lệnh cấm vận mới cho đoàn thanh tra Liên Hiệp Quốc vào Iraq. Cuối cùng, tháng 8-1998, Hussein quyết định chấm dứt hẳn việc thanh tra của Liên Hiệp Quốc. Lần này, Hoa

Kỳ chọn giải pháp ngoại giao nhằm trói tay Iraq hơn là đe dọa bằng vũ lực. Tháng 9-1998, Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc nhất trí bỏ phiếu không thảo luận vấn đề bỏ cấm vận cho tới khi nào Iraq chịu hợp tác vô điều kiện với phái đoàn thanh tra vũ khí của Liên Hiệp Quốc, nhưng trưởng đoàn thanh tra, Richard Butler, ngày 15-12 cho biết Iraq không giữ đúng lời hứa. Hoa Kỳ và Anh bắt đầu oanh tạc dữ dội trong bốn ngày và, kể từ đó, cả hai phát động đều đặn cuộc chiến làm tiêu hao khả năng quân sự của Iraq bằng cách không tập vào các mục tiêu quân sự của Iraq trong hai vùng cấm máy bay. Những cuộc đánh phá này kéo dài trong suốt trong mười hai tháng trời.

Qua năm 2000, đoàn thanh tra vũ khí Liên Hiệp Quốc, ban đầu có tên là UNSCOM sau đổi thành UNMOVIC khi chính quyền Clinton thừa nhận đã nhận các báo cáo tình báo của các thanh tra vũ khí UNSCOM. Tới mùa thu năm 2000, Baghdad vẫn không cho phái đoàn thanh tra vào Iraq. Cuộc cấm vận Iraq thất bại ; nó không làm suy yếu được Saddam Hussein mà chỉ gây thêm khổ đau tai ương cho dân chúng : hạ tầng cơ sở xuống cấp, bệnh tật và suy dinh dưỡng lan tràn, gần 2/3 dân chúng phải sống nhờ vào chế độ trợ cấp thực phẩm của nhà nước và chỉ số trẻ em chết yểu tăng vọt (5,76% so với Việt Nam là 2,93%).

Sau cuộc tấn công khủng bố ở Mỹ ngày 11-9-2001, tổng thống Bush kêu gọi "thay đổi chế độ" tại Iraq, mô tả nước này cùng với Iran và Bắc Hàn làm thành "trục ma quỷ". Ông cáo buộc Baghdad đồng thời tuyên bố cần có một cuộc tấn công chiếm đóng Iraq vì bốn lý do chính. Đó là Saddam Hussein sở hữu những vũ khí giết người hàng loạt ; ngăn cản đoàn thanh tra vũ khí Liên Hiệp Quốc ; có liên hệ với các tổ chức khủng bố ; và đứng đầu một chế độ chuyên chế, vi phạm nhân quyền.

Các nhà bình luận về chính sách trong và ngoài nước tỏ ra nghi ngờ những cáo buộc ấy và luôn cả việc cho rằng quân sự là giải pháp độc nhất để giải quyết vấn đề Iraq. Thoạt đầu, chính quyền Bush trình bày hành động chống lại Iraq như một phần của cuộc chiến Hoa Kỳ chống khủng bố nhưng không đưa ra được bằng chứng nào cho thấy Iraq có liên hệ với tổ chức khủng bố al-Qaeda. Các nhà bình luận cảnh báo rằng việc chú mục vào Iraq hẳn sẽ làm lệch sự chú tâm vào nguy cơ thật sự là khủng bố và làm hỏng cơ hội có được một giải pháp hòa bình cho cuộc xung đột Do Thái-Palestine. Tới lúc đó tổng thống Bush viện dẫn lý do Iraq đang phát triển các vũ khí hóa học, sinh học, nguyên tử và như thế đủ để biện minh cho một cuộc tấn công chiếm đóng Iraq. Thế giới Ả Rập và đa số các nước châu Âu lên án lập trường điều hâu và đơn phương hành động của Hoa Kỳ. Họ nói rằng muốn có bất cứ hành động vũ lực nào đối với Iraq thì phải có sự chấp thuận của Liên Hiệp Quốc nếu không là vi phạm công pháp quốc tế. Chỉ có Tony Blair, thủ tướng Anh, tuyên bố sẽ hỗ trợ hành động quân sự của Hoa Kỳ. Phản ứng lại lời đe dọa của Bush, Saddam Hussein tiếp tục khước từ sự hiện diện của phái đoàn thanh tra vũ khí Liên Hiệp Quốc và theo đúng cá tính mình, ông ngày càng thách thức ăm ỉ.

Ngày 12-9-2002, Bush nói chuyện tại diễn đàn Liên

Hiệp Quốc, yêu cầu tổ chức này tức thời đưa ra nghị quyết chấp nhận sử dụng vũ lực với Iraq, nếu không Hoa Kỳ chỉ còn cách chọn lựa là hành động riêng rẽ. Thái độ cứng rắn của Bush lôi kéo được sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế. Chỉ vài ngày sau, trước sự ngạc nhiên của mọi người, Saddam Hussein đồng ý cho phái đoàn thanh tra vũ khí quay lại Iraq vô điều kiện. Trong khi Hoa Kỳ công khai nghi ngờ sự không thật thà mà họ gọi là "rành rành" của Iraq thì hành động can dự của Liên Hiệp Quốc ít ra cũng đoàn kết được thế giới trong nỗ lực tìm giải pháp chính trị chứ không phải giải pháp quân sự đối với Iraq.

Ngày 8-11-2002, Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc nhất trí đưa ra nghị quyết 1441 qui trách Iraq vi phạm các đòi hỏi của Liên Hiệp Quốc, không cho đoàn thanh tra Liên Hiệp Quốc tự do thanh sát và buộc Saddam Hussein phải đưa ra bằng chứng là không sản xuất hoặc tàng trữ các vũ khí hủy diệt tập thể. Cuộc thanh tra kéo dài hơn ba tháng mà không tìm thấy bằng chứng cụ thể nào về các loại vũ khí đó.

Cùng thời gian ấy, Hoa Kỳ và Anh dàn quân ở Kuwait, cương quyết đòi giải giới Iraq. Cộng đồng thế giới phản ứng lại, yêu cầu phải có nghị quyết của Liên Hiệp Quốc mới được dùng vũ lực. Đầu tháng 3-2003, Anh đệ trình lên Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc bản dự thảo nghị quyết cho phép sử dụng vũ lực với Iraq. Trong 15 hội viên của Hội Đồng, ngoài Anh và Mỹ, chỉ có Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha ủng hộ bản dự thảo; Nga, Đức, và Trung Quốc phản đối còn Pháp thì đe dọa dùng quyền phủ quyết.

Thấy không thông qua nổi, Anh rút lại bản dự thảo và tuyên bố rằng những hệ lụy của Nghị quyết 1441 đủ biện minh tính hợp pháp của việc Mỹ và Anh động binh. Bush tuyên bố ngoài mục tiêu giải giới Iraq còn thêm mục tiêu thay đổi chế độ Saddam Hussein. Trước tình hình càng lúc càng căng thẳng, hội nghị Liên Minh Ả Rập đề nghị Hussein nên lưu vong và sẵn sàng cho tá túc nhưng bị từ chối. Ngày 16-3, Bush ra tối hậu thư cho Hussein trong vòng 48 giờ phải rời khỏi chính quyền và đi lưu vong nếu không sẽ phát động cuộc chiến. Hussein ngoan cường ở lại. Ngày 17-3, phái đoàn thanh tra vũ khí Liên Hiệp Quốc rời Iraq. Ngày Thứ sáu 20-3-2003, liên quân Mỹ và Anh bắt đầu chiến dịch "Giải phóng nhân dân Iraq" với giai đoạn một là "Xử tử Saddam Hussein". Họ oanh tạc dữ dội dinh thự của Hussein và các mục tiêu quân sự khắp Iraq, sang ngày 21-3, đổ bộ vào miền nam Iraq qua ngã Kuwait, cùng với sự tham chiến của Úc.

Trong khi tại các thành phố lớn trên khắp địa cầu, đặc biệt tại thế giới Ả Rập, bùng lên những cuộc biểu tình chống chiến tranh hoặc phản đối hành động của Hoa Kỳ, mà họ gọi là "xâm lược Iraq" hoặc "đổ máu lấy dầu hỏa", thì liên quân Mỹ Anh Úc được sự ủng hộ của Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, các nước Đông Âu và hơn 40 nước khác, trong đó có 15 nước giấu tên.

Thế giới sau chiến tranh lạnh tiềm ẩn quá nhiều nguy cơ do đủ loại mâu thuẫn gay gắt ở khắp nơi và cách giải quyết cục bộ của các nhà nước và các tầng lớp xã hội. Các công ty đa quốc gia ở nước phát triển và các tập đoàn

cường quyền toàn trị ở nước đang phát triển đua nhau trục lợi tình trạng chập chững của quá trình toàn cầu hóa vốn không thể đảo ngược.

Thêm vào đó là hố sâu giữa giàu và nghèo, xung đột văn hóa và sĩ diện tôn giáo, tranh chấp quyền lợi kinh tế và sức mạnh chênh lệch giữa các siêu cường trước đây, sự suy yếu của Liên Hiệp Quốc, tham vọng áp đặt trật tự thế giới mới của một Hoa Kỳ đang độc tôn, nan đề giữa cái gọi là chiến đấu bảo vệ chủ quyền quốc gia và tranh đấu đòi quyền sống cho người dân đang bị áp bức. Bên cạnh đó là sự sách động quỷ quyệt của những phần tử quá khích tôn giáo, cực đoan chính trị hoặc cố bám víu quyền lực. Tất cả những điều vừa liệt kê đều không ít thì nhiều quặn vào biến cố Iraq.

Dù chiến sự ở Iraq đã chỉ xảy ra trong một thời gian hữu hạn nhưng kinh nghiệm Việt Nam cho thấy nó để lại hậu quả toàn diện và vô lường trong một thời gian vô hạn. Riêng tại Iraq, ngoài những tai ương khủng khiếp do bom đạn gây ra, cuộc chiến này còn làm hư hại, thất tán một số di tích văn hóa.

Như đã trình bày ở đầu bài, Iraq là nơi bắt đầu mọi nền văn minh với những thành phố đầu tiên của loài người, chữ viết và văn bản đầu tiên, những tư tưởng đầu tiên trong mối quan hệ giữa con người với thượng đế và là trung tâm của các đế quốc cổ đại nên tại đó có tới hơn 25.000 địa điểm khảo cổ nổi tiếng. Khắp đất nước Iraq chứa đựng những di chỉ và tài liệu văn hóa tiên khởi của loài người mà chúng ta hiện đã tìm thấy hoặc đang khai quật.

Gia tài văn hóa cổ đại ấy sẽ ra sao trước sức mạnh vũ khí của con người hiện đại? Vấn đề đó đã được đề cập tới trong cuộc họp tháng Giêng vừa qua tại Washington giữa các quan chức Lầu Năm Góc và các nhà khảo cổ chuyên về văn hóa và tác phẩm nghệ thuật Iraq. Kết quả Lầu Năm Góc đưa thêm 100 địa điểm khảo cổ quan trọng vào danh sách các mục tiêu không được bắn phá. Và ngay tại Iraq, các quan chức, người đảm trách các chuyên đề và nhân viên các nhà bảo tàng đều thề sẽ đích thân và hết mình canh giữ các địa điểm quan trọng cùng các vật phẩm để không cho bất cứ bên nào phá hủy hoặc cướp bóc như từng xảy ra tại Afghanistan hơn hai thập niên trước đây. Nhưng khi chiến sự chấm dứt, bảo tàng viện lớn nhất ở Baghdad đã bị cướp phá tan hoang. Ngoài những đồ vật bị lấy đi, có những cổ vật quý hiếm bị đập vỡ tan tành. Sự thiệt hại văn hóa tuy ít hơn Afghanistan nhưng vẫn là một mất mát lớn không thể bù đắp của nhân loại.

*Nguyễn Ước*  
(Toronto, 29-3-2003)

#### Tài liệu tham khảo :

- Britannica 2003, CD.
- Countries of the World, A.J.Hawthorn, Nxb Coles Ltd. Canada, 1981.
- Time Almanac 2003.
- Nhật báo *The Toronto Star* số ra ngày Thứ bảy 22-3-2003.
- Bản đồ đất đai Iraq lấy từ CNN.com



28 năm sau ngày 30-4-1975

## Tiến tới một văn hóa tổ chức

*Nguyễn Gia Kiểng*

Một chuyên gia thường có dịp về Việt Nam nói : "Cứ mỗi sáu tháng tôi về Việt Nam là tôi thấy một nước khác". Anh này muốn nói là Việt Nam thay đổi rất nhanh chóng. Anh ta nói câu này cách đây ba năm. Giờ này chắc anh ấy không còn nói như vậy.

Tuy nhiên Việt Nam quả thực đã thay đổi rất nhiều từ sau ngày 30-4-1975. Lúc đó đại đa số đồng bào miền Bắc còn phải ăn đói, ăn độn và chưa biết đi xe đạp. Ngày nay cuộc sống tại miền Bắc đã cao gấp năm hoặc mười lần. Miền Nam sau những năm đầu bị đất cũng đã hồi phục và nói chung đã vượt qua mức sống trước ngày 30-4-1975. Con người cũng đã tự do hơn, nhận một lượng thông tin vừa lớn hơn vừa trung thực gấp nhiều lần trước đây, trong nhiều trường hợp đã dám nói thẳng điều mình nghĩ. Nói chung, xã hội dân sự Việt Nam đã có sức sống và ngày càng giành được một chỗ đứng lớn hơn. Những tiến bộ thực sự này đã khiến một số người, như anh chuyên gia kể trên, nghĩ rằng có thể yên tâm.

Nhưng người ta vẫn có thể rút ra những kết luận sai từ một quan sát đúng, và đây là một thí dụ. Một quốc gia dễ tiến lên từ một suy sụp toàn diện cũng như một cơ thể thường phục hồi nhanh chóng sau một cơn bệnh nặng, nhưng điều đó không có nghĩa là tất cả đều tốt. Vấn đề là phải giữ nguyên được đà tiến trong một thời gian rất lâu dài và phải tiến đúng hướng. Đáng tiếc đó không phải là trường hợp của Việt Nam. Chúng ta còn là một trong những nước nghèo nhất thế giới, kém cả một số nước thuộc Châu Phi Đen. Chúng ta phát triển chậm hơn đa số các nước trong vùng vốn đã hơn chúng ta rất xa, khoảng cách giữa họ và chúng ta dài ra chứ không ngắn lại. Hơn nữa, trong khi họ đang thẳng tiến về tương lai thì chúng ta vẫn còn bị cột chân trong sợi dây xích độc tài tham nhũng và không thể đi xa.

Những tiến bộ thực sự mà mọi người đều thấy là thành quả của một cuộc vật lộn hàng ngày giữa một xã hội Việt Nam đang cố gắng tự giải thoát và một chính quyền cộng sản dùng mọi cách để ngăn chặn. Việt Nam sẽ còn tiến nhanh hơn và lành mạnh hơn gấp nhiều lần nếu không có chế độ cộng sản. Cuộc chiến 30 năm chấm dứt ngày 30-4-1975 đã là một cuộc chiến vô vấn và đã kết thúc một cách phù hợp với bản chất vô vấn của nó. Kẻ thua chắc chắn đã xứng đáng để thua, nhưng kẻ thắng thì quá rõ ràng không xứng đáng để thắng.

Đã có những thay đổi rất quan trọng.

*Chúng ta đã thực sự bước sâu vào giai đoạn hậu cộng sản.* Những gì còn lại của chế độ cộng sản - bóp nghẹt tự do báo chí, đàn áp đối lập, bắt người, xử án và bỏ tù tù tội, v.v. - là những đặc tính chung của mọi chế độ độc tài bạo ngược. Sự kiện này có một hệ luận quan trọng là lần

ranh quốc-cộng đã trở thành hoàn toàn vô nghĩa. Chỉ còn một lần ranh phân biệt giữa một bên là những người dân chủ và một bên là những người muốn duy trì chế độ này để giữ nguyên những đặc quyền đặc lợi. Hai loại người này hiện diện trong cũng như ngoài đảng cộng sản.

*Tham nhũng ngày càng tăng thê.* Chính quyền càng gào thét chống tham nhũng, vận dụng những từ ngữ rất thảm thiết như "quốc nạn", "giặc nội xâm", v.v. thì tham nhũng càng bành trướng mạnh hơn, cả theo bề rộng lẫn chiều cao trong hệ thống chính quyền. Sự kiện này có lô-gích của nó. Tham nhũng là gì nếu không phải là lợi dụng công quyền cho lợi ích cá nhân ? Hai cột trụ của nó là nhà nước quá nhiều quyền hành và sự thiếu vắng tinh thần quốc gia dẫn đến cách hành xử ích kỷ và vô trách nhiệm. Muốn chống tham nhũng thì phải chặt hai cột trụ này. Như vậy, một mặt phải giảm quyền hành của nhà nước (không có quyền thì hà hiếp được ai ?) và xây dựng lại luật pháp minh bạch, giản dị, lương thiện và được tuyệt đối tôn trọng; mặt khác phải bảo vệ và tôn vinh những người yêu nước và quan tâm tới quyền lợi và tương lai của đất nước. Nhưng thực tế là đảng cộng sản nắm tất cả mọi quyền hành, ban hành một luật pháp mơ hồ muốn giải thích cách nào cũng được mà chính quyền sẵn sàng dẫm đạp lên khi cần. Bất cứ ai cũng có thể bị kết tội âm mưu lật đổ chính quyền, hoặc gián điệp. Những người nói lên quan tâm tới đất nước bị bách hại. Nhà nước hiện tại là một nhà nước kênh cang, toàn quyền, toàn trị và tùy tiện, với một luật pháp bất lương được sử dụng không phải để bảo vệ mà để khống chế xã hội ; quan tâm tới đất nước là điều cấm kỵ. Chế độ này không thể chống tham nhũng vì nó là nguyên nhân của tham nhũng. Tham nhũng sẽ triệt tiêu mọi cố gắng và giữ đất nước ở tình trạng thua kém, nhưng tham nhũng sẽ không thể đánh bại được trong chế độ này mà chỉ có thể bị đánh bại cùng với một sự thay đổi chế độ.

Thay đổi chế độ không nhất thiết là phải lật đổ chế độ mà có thể chỉ giản dị là dân chủ hóa chế độ, do chính những người cầm đầu chế độ phát động. Nhưng ở đây có một thay đổi lớn đã xảy ra một cách âm thầm trong nhiều năm qua cần được đặc biệt chú ý, đó là *đảng cộng sản đã mất chính quyền*. Mười sáu năm "đổi mới", từ 1987, đã dần dần tạo ra một lớp người quyền lực mới, những người mà ngôn ngữ dân gian gọi là những "tư bản đỏ". Những người này có tiền và họ có thể mua được tất cả, họ có thể sai khiến các ủy viên trung ương đảng, các bộ trưởng, thứ trưởng, vụ trưởng, đại biểu quốc hội và áp đặt những biểu quyết, quyết định theo ý họ.

Trong viễn kiến sai của ông, Karl Marx đã nhận định một điều đúng là mãi lực cũng là quyền lực, kẻ có tiền là

kẻ có quyền. Chính vì thế mà ông đã đòi xóa bỏ quyền tư hữu. Đó là một quan điểm sai và tai hại như thực tế đã chứng minh, nhưng nó vẫn nằm trong một lô-gích. Đảng Cộng Sản Việt Nam đã thách đố luận lý khi chủ trương kinh tế thị trường mà vẫn từ chối dân chủ, vũ khí duy nhất để tiền không tự động đồng nghĩa với quyền. Cuối cùng chính đảng cộng sản đã là nạn nhân của chọn lựa này. Quyền lực của họ chủ yếu chỉ còn là một hư cấu, một cái vỏ rỗng. Đảng cộng sản đã bị lớp tài phiệt lưu manh khống chế. Trước khi lên làm tổng bí thư, ông Lê Khả Phiêu được một số người đánh giá là cởi mở, trong sạch, có thiện chí và biết lắng nghe những tiếng nói đối lập, nhưng rồi ông Lê Khả Phiêu cũng không quyết định được gì khác hơn là cô lập, cắt điện thoại và quản chế những người dân chủ ôn hòa, lén lút ký hiệp ước biên giới nhường đất và biển cho Trung Quốc, tăng cường Tổng Cục 2, và cuối cùng để cho thân nhân mặc sức vợ vét. Ông Nông Đức Mạnh được coi là một người hiền lành lương thiện, điều này có thể đúng, nhưng từ ngày ông lên "cầm quyền" đàn áp đã chỉ gia tăng một cách hung bạo và thô bỉ. Ông Lê Khả Phiêu đã chỉ có rất ít thực quyền, ông Nông Đức Mạnh hầu như không có gì hết. Từ chỗ *không muốn* dân chủ hóa, đảng cộng sản đã đi đến chỗ *không thể* dân chủ hóa. Ngày hôm nay chính đảng cộng sản cũng cần đấu tranh để giành lại quyền hành. Một điều mà họ còn có thể làm là bãi bỏ những vụ án thô bạo và trả tự do cho những người dân chủ. Họ mất cái gì ? Quyền hành không còn là của họ nữa. Nếu họ không làm thì chỉ vì mù quáng mà thôi. Nếu còn một chút sáng suốt họ phải coi những người dân chủ như những đồng minh khách quan. Ngược lại những người dân chủ cũng cần ý thức rằng đối thủ thực sự hiện nay là bọn tài phiệt lưu manh. Nhận định này đảo lộn những quan hệ cũ : có những người trước đây chống cộng sản bây giờ có thể hợp tác với chế độ vì tiền, ngược lại cũng có những người mà trước đây tin tưởng vào chủ nghĩa cộng sản nay căm thù chế độ vì nó chỉ là dụng cụ của lớp tài phiệt đỏ. Nếu chỉ nhắm vào đảng cộng sản, chúng ta có thể chỉ đánh vào cái bóng. Nông Đức Mạnh có thể bị thay thế, nhưng một tổng bí thư mới cũng sẽ không làm khác hơn Nông Đức Mạnh. Họ không có quyền quyết định, họ chỉ chấp hành.

Việt Nam đã thay đổi nhiều lắm. Tuy nhiên có một điều vẫn không thay đổi sau 28 năm, đó là *vẫn chưa có được một tổ chức dân chủ có tầm vóc*. Sự kiện này phải chất vấn mọi người Việt Nam, trước hết là những người đấu tranh cho dân chủ. Những giải thích quen thuộc từ trước đến nay đều hụt hẫng, ít nhất vô tác dụng.

*Bởi vì không có tổ chức chính trị nào xứng đáng được ủng hộ ? Nhưng tại sao lại không có ? Bởi vì thiếu những người lãnh đạo xứng đáng ?* Càng sai, lãnh đạo chỉ là sản phẩm của một dân tộc. Một nhà phân tích chính trị phương Tây cuối thế kỷ 19 đã từng nói một câu châm biếm để đời: "Trong lúc nước Áo thua trận thì có nhiều Napoléon vẫn phải đi cày ruộng". Cũng thế, trong lúc chế độ Việt Nam Cộng Hòa thua liểng xiểng vì lãnh đạo tồi dở thì có vô số những người đầy khả năng và thiện chí mòn mỏi trong các

chức vụ trường phòng, đại úy. Một dân tộc thông minh biết nhìn ra những người xứng đáng trong vai trò lãnh đạo. Không thiếu những người có khả năng lãnh đạo, nhưng chúng ta không nhận diện được họ vì một lý do văn hóa. Chúng ta coi vai trò lãnh đạo như một phần thưởng cho những người có công, thay vì một trách nhiệm khó khăn đòi hỏi những người có khả năng. Nhưng trong hoàn cảnh bi đát của đất nước hiện nay, ai có công ? Và chúng ta lẫn quẩn trong bế tắc.

*Vì người Việt Nam, thiếu ý chí bất khuất và ít quan tâm tới đất nước ?* Không phải, hay đúng hơn chưa phải, là lý do chính. Quả thực tinh thần dân tộc và ý chí bất khuất của người Việt Nam là một huyền thoại tiện lợi hơn là một thực tế. Những hy sinh dũng cảm của Việt Nam Quốc Dân Đảng sau năm 1930 đã chỉ được tiếp nối bằng một trào lưu của nhạc trữ tình, thơ lãng mạn, tranh ấn tượng. Ngay trong thế chiến 2, một nắm nhỏ người Pháp đã thua trận và mất nước vẫn có thể tiếp tục cai trị Việt Nam một cách tàn bạo, dùng chính người Việt để đàn áp người Việt. Họ đã chỉ bị quân Nhật, chứ không phải người Việt Nam, đánh bại. Hơn ai hết, Đảng Cộng Sản Việt Nam biết rõ điều này bởi vì chính họ đã là những nạn nhân. Sở dĩ Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn tiếp tục cai trị một cách thô bạo như hiện nay là vì họ biết một bí mật : ý chí bất khuất và sự quan tâm với đất nước của người Việt Nam không cao. Tuy nhiên, mặt khác, người Việt Nam đã hồ hởi tham gia Cách Mạng Tháng 8 và đã rất dũng cảm để chống Pháp, chống Mỹ, chống Cộng, chống nhau. Dân tộc nào cũng thế thôi. Nếu chúng ta có kém thì cũng không kém một cách quá đáng đâu. Các dân tộc chịu ách độc tài khác như Trung Quốc, Miến Điện, Bắc Triều Tiên, Cuba, Iraq, Iran, Syria cũng không hơn chúng ta. Vấn đề là quân chúng cần được thức tỉnh và hướng dẫn. Trách nhiệm chính vẫn là của thiểu số có khả năng và ý muốn làm nòng cốt của cuộc vận động dân chủ. Và lại đấu tranh chính trị có những giai đoạn của nó, trong đó giai đoạn vận động quần chúng chỉ đến sau khi đã có một dự án chính trị và một đội ngũ cán bộ nòng cốt, những điều mà chúng ta chưa có. Và nếu nhìn vấn đề như vậy thì khuyết tật lớn của chúng ta ở chỗ khác.

*Trước hết là chúng ta thiếu một thái độ dũng cảm trí thức, dám tìm hiểu, suy nghĩ đến nơi đến chốn, dám nói thẳng, nói thực và nói hết.* Đây là một di sản nặng nề của văn hóa Khổng Mạnh trong đó con người được đánh giá theo bằng cấp và chức vị thay vì thực học, sĩ phu chỉ lập đi lập lại những điều đã cũ kỹ cả nghìn năm và một phát biểu bộc trực có thể là một tai họa cho bản thân và gia đình. Hậu quả cụ thể là chúng ta không có được một thông điệp minh bạch có khả năng thức tỉnh và động viên quần chúng. Thí dụ như vấn đề dân chủ. Không phải quần chúng Việt Nam không muốn dân chủ, trái lại nếu có một cuộc trưng cầu dân ý thì chắc chắn trên 99% cử tri Việt Nam sẽ tán thành dân chủ hóa đất nước. Nhưng họ chưa được thuyết phục tới mức có thể dấn thân và do đó chưa thể vận động được. Người dân cần được thuyết phục rằng dân chủ là một phương thức sinh hoạt tốt nhất cho mọi dân tộc trong mọi

hoàn cảnh và mọi trình độ ; rằng có một qui luật là mức độ dân chủ quyết định mức độ phát triển tối đa mà một quốc gia có thể đạt tới. Nhưng thay vì một thông điệp minh bạch như vậy chúng ta có quá nhiều biện luận mông lung, viển vông những thí dụ hời hợt mà chính người nói cũng không hiểu (như một trí thức gần đây sau cuộc viếng thăm Trung Quốc viết một bài trên một tờ báo có uy tín nói rằng Trung Quốc đã phát triển nhanh nhờ chính sách độc tài toàn trị, những phát biểu kiểu này không chứng tỏ một kiến thức nào mà chỉ là một sự xúc phạm đối với trí tuệ). Trong hoàn cảnh đó làm sao ngạc nhiên khi dân chúng không hưởng ứng nhiệt tình cuộc vận động dân chủ ?

*Khuyết tật trầm trọng nhất đủ để giải thích tình trạng hiện nay là chúng ta thiếu một văn hóa tổ chức.* Chúng ta vẫn thường coi tổ chức là những buổi hội thảo, những cuộc biểu tình, những đêm văn nghệ. Ai làm được những việc đó được coi là người giỏi tổ chức. Chúng ta có một quan niệm rất sơ sài về tổ chức và về chính trị. Hình như chúng ta coi đó là những bộ môn không cần phải học, ai nói cũng được, ai làm cũng được, đúng hay sai tùy tư chất thông minh và kinh nghiệm sống của mỗi người chứ không cần một lý thuyết nào cả. Điều đáng ngạc nhiên là sau hơn một nửa thế kỷ thất bại hình như chúng ta vẫn chưa tỉnh ngộ. Môn tâm lý xã hội không phát triển ở nước ta, nó không được tưởng thưởng, lại cần nhiều từ ngữ đặc biệt ngay trong các ngôn ngữ phương Tây và chưa có tiếng Việt nên ít người học, dù nó không khó và rất cần. Do đó văn hóa căn bản của chúng ta vẫn là một văn hóa lẻ loi, chúng ta không cảm thấy nhu cầu phải sinh hoạt trong một tổ chức, chúng ta nhìn các tổ chức một cách khinh khi. Chúng ta không ý thức được khó khăn của việc thành lập, duy trì và phát triển một tổ chức, nhất là một tổ chức chính trị, rồi hài lòng với những giải thích dễ dàng và quen thuộc, nhưng không đúng, về lý do tại sao chúng ta vẫn chưa có được một tổ chức đối lập dân chủ có tầm vóc.

Văn hóa tổ chức là những kiến thức về bản chất và cuộc sống của một tổ chức. Nó cũng là một cách suy nghĩ và ứng xử trong khuôn khổ của một tổ chức, khiến con người không quên vai trò thành viên có nhiệm vụ bảo vệ và phát triển tổ chức của mình. Một tổ chức là một thực thể riêng, có trí khôn và những yêu cầu riêng, khác với những thành viên của nó. Những vấn đề của một tổ chức khác với những vấn đề cá nhân và gia đình không phải chỉ ở tầm vóc mà ở cả bản chất, cho nên những kinh nghiệm cá nhân và gia đình không áp dụng được cho một tổ chức. Một người rất bình thường trong cuộc sống cá nhân có thể là một thành viên rất không bình thường trong một tổ chức, và những con người rất thông minh có thể tạo ra một tổ chức rất đại khờ. Một đứa trẻ sinh ra phải mất hai mươi năm thực tập toàn thời gian mới tạm biết sống cuộc sống cá nhân và gia đình, nhưng mấy ai có được kinh nghiệm sinh hoạt tổ chức một vài giờ mỗi tuần trong vài năm ? Vì vậy sinh hoạt tổ chức bao giờ cũng lúng túng, đầy thiếu sót. Có điều nơi người Việt chúng ta sự thiếu sót quá trầm trọng. Chúng ta không hiểu rằng gia nhập một tổ chức chính trị là một việc

rất ngoại lệ và tiếp tục sinh hoạt trong tổ chức lại càng ngoại lệ hơn. Một người bình thường có tất cả mọi lý do để không gia nhập một tổ chức nào mà chỉ có rất ít lý do để gia nhập, và một khi đã ở trong một tổ chức thì có nhiều lý do để bất mãn và ra đi hơn là hài lòng và ở lại. Cụm từ "xã hội dân sự" mà chúng ta dùng để chỉ toàn bộ các tổ chức ngoài chính quyền của người dân trong xã hội là dịch từ những cụm từ *civil society, société civile, societas civilitas*. Những cụm từ này cũng có nghĩa là "xã hội văn minh". Việc kết hợp thành tổ chức là hành động của những con người rất văn minh, biết vượt lên cá nhân mình mà kết hợp với nhau để đủ sức làm ra lịch sử thay vì chịu đựng lịch sử, làm tác nhân thay vì tù nhân của lịch sử. Vấn đề kết hợp chỉ đặt ra giữa những con người tự do. Họ cũng phải là những con người rất lớn, không thể hài lòng với khuôn khổ cá nhân hay nhóm nhỏ, chấp nhận mọi hệ lụy để xây dựng một thế lực lớn. Trong mọi kết hợp này, kết hợp chính trị là khó nhất và phức tạp nhất ; trên tất cả mọi loại tổ chức nó đòi hỏi kiên nhẫn, hy sinh và bản lãnh ở mức độ cao nhất. Một tổ chức, nhất là một tổ chức chính trị, luôn luôn có vấn đề. Tổ chức càng phát triển vấn đề càng nhiều và tăng lên không phải một cách tỷ lệ mà một cách lũy thừa với tầm vóc của tổ chức, những vấn đề thực sự dĩ nhiên là có nhưng những vấn đề giả tạo lại càng nhiều hơn. Tổ chức luôn luôn bị đe dọa, khó bảo vệ và phát triển nhưng dễ bị phá hoại và đả thương do cả những đối thủ từ bên ngoài lẫn những ngộ nhận ở bên trong. Chính vì thiếu văn hóa tổ chức mà chúng ta không thấy có nhu cầu tham gia một tổ chức và nếu có tham gia thì cũng thiếu phần xạ tổ chức, không thể chịu đựng những hệ lụy của tổ chức, không hiểu sự phức tạp của tổ chức và cũng không thấy cần phải tìm hiểu thêm. Chính vì thiếu văn hóa tổ chức mà người Việt Nam chưa có được một tổ chức đối lập dân chủ có tầm vóc, mà không hiểu tại sao, cho nên thường đưa ra những giải thích hời hợt và xúc phạm đối với những người đấu tranh cho dân chủ. Ở mức độ quốc gia, sự thiếu sót này đã là một thảm kịch cho nhiều dân tộc. Trên thế giới có những nước rất thiếu tài nguyên mà vẫn dân chủ và phồn vinh, trong khi những nước khác rất được thiên nhiên ưu đãi mà vẫn quần quai trong độc tài, hỗn loạn và lạc hậu. Vấn đề một nguyên nhân : thiếu văn hóa tổ chức, do đó rời rạc, chia rẽ và bất lực.

Ngày hôm nay, sau 28 năm bế tắc, có lẽ là lúc chúng ta cần một suy tư dữ dội về lý do thực sự tại sao của ta vẫn bế tắc. Chúng ta sẽ khám phá ra rằng đó là vì chúng ta thiếu văn hóa tổ chức, nhưng cùng một lúc chúng ta cũng sẽ khám phá ra rằng một vốn liếng vừa phải về văn hóa tổ chức cũng đủ để giải tỏa phần lớn các khó khăn, bởi vì phần lớn những trục trặc làm tê liệt hay tan vỡ một tổ chức cũng là những điều đã được trình bày rõ ràng trong mọi cuốn sách về tâm lý và sinh hoạt tổ chức, chỉ cần biết tới chúng là chúng sẽ không xảy ra hay sẽ không tác hại. Có những điều rất giản dị nhưng nếu không biết thì hậu quả sẽ rất lớn.

*Nguyễn Gia Kiểng*  
(Paris, 30-4-2003)

# Trí thức phải dám nói...

*Thích Tuệ Sĩ*

Kính thưa quý vị,

Hân hạnh gửi đến quý vị một vài ý nghĩa phiến diện về những điều đê nặng tâm trí tôi trong suốt thời gian ở tù. Nhưng điều trước tiên tôi muốn bày tỏ ở đây là sự tri ân của tôi đối với đồng bào hải ngoại, với sự cộng tác của quốc tế, đã can thiệp một cách có hiệu quả khiến cho bản án tử hình dành cho tôi trở thành bản cáo trạng dành cho những người tự cho có quyền xét xử tôi và phán xét những người đã hành động theo lương tâm. Tiếp theo, sự can thiệp đã khiến cho Nhà nước cộng sản Việt Nam phải tuyên bố trả tự do cho tôi. Nhưng nhiều người bạn tù của tôi vẫn còn bị khổ trong các trại tù. Trong số đó có nhiều người bị giam cầm gần 25 năm, vượt quá thời hạn mà luật Hình sự của Nhà nước Việt Nam quy định đối với việc thi hành các bản án giam giữ có thời hạn.

Ở đây, tôi cũng xin bày tỏ sự cảm kích sâu xa đối với các cộng đồng Việt Nam hải ngoại đang đấu tranh cho một nước Việt Nam trong sáng và tự do. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến các nhân sĩ Hòa Lan, trong tình cảm nhân loại đã trực tiếp can thiệp với chính phủ Việt Nam cho tôi được sang thăm viếng đất nước Hòa Lan, để có thể có điều kiện tự do hơn nói lên tiếng nói thầm lặng mà đã một phần tư thế kỷ bị bóp nghẹt.

Trong những năm gần đây, trước cả khi tôi được lệnh phải rời khỏi nhà tù để trở về chùa, có rất nhiều đồng bào ta từ nước ngoài về thăm và càng ngày càng chứng kiến những đổi thay được nói là đáng khích lệ... Khích lệ theo chiều hướng nào, còn tùy theo cách nhìn mỗi người. Riêng tôi, tôi không có được may mắn là chứng nhân trực tiếp trước những thay đổi của đất nước, mặc dù tôi đang sống trong lòng quê Cha đất Tổ. Đó là điều tốt hay xấu, cũng còn tùy cách nhìn của mỗi người.

Mặc dù không có cái may như nhiều đồng bào sau khi sống tự do 15, 20 năm ở nước ngoài về thăm quê, thấy được những đổi thay từ trên thượng tầng, thấy được sự giàu sang của đất nước qua những tiện nghi vật chất từ các khách sạn năm sao dành cho cán bộ cao cấp và khách nước ngoài, từ những tiếp đón niềm nở và linh đình của những nhân vật thuộc thượng tầng xã hội, với những đặc quyền xã hội mà điều kiện chính trị dành cho, nhưng tôi có cái "may mắn" khác - nếu cho đó là may mắn - được sống chung trong một thời gian rất dài với thành phần được xem là "cặn bã" của xã hội. Chính từ xã hội gọi là cặn bã ấy tôi đã chứng kiến những đổi thay trong nhà tù như là ảnh chiếu của những "đổi thay to lớn" của đất nước. Sự chứng kiến đơn giản và dễ hiểu thôi. Cũng như người ta chỉ cần nhìn vào rác rưởi phế thải được dọn ra sân sau mà có thể biết những thứ đã được tiêu thụ ở sân trước. Chúng tôi, một số người từ lâu đã được học tập để thành thói quen suy nghĩ số phận dân tộc từ những đồng rác, đã tự mình đặt thành nhiều câu hỏi cho lương tâm nhân loại, cho ý nghĩa tiến bộ của xã hội

loài người, và trên tất cả là một câu hỏi lịch sử : đất nước đã thấm bao nhiêu xương máu của bao nhiêu thế hệ ông cha và bè bạn để dồn lại thành những đồng rác như thế; những đồng rác càng ngày càng to phình lên một cách khủng khiếp.

Việt Nam đang là một đồng rác khổng lồ. Đó không phải là ý nghĩ riêng của tôi, mà là nhận xét của nhân vật cao cấp nhất của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Đây không phải là ý nghĩa kinh tế. Nó bao trùm tất cả mọi khía cạnh đời sống : văn hóa, chính trị, và cả tôn giáo. Vậy thì, một câu hỏi cần phải được đặt ra cho những ai còn có chút tự trọng dân tộc : tại sao một dân tộc luôn luôn tự hào với truyền thống bốn nghìn năm văn hiến, bỗng nhiên để cho đất nước mình trở thành một đồng rác, kho chứa tất cả những gì xấu xa nhất của nhân loại văn minh ? Nguyên nhân từ đâu và do ai ?

Trong gần mười lăm năm trong tù, điệp khúc tôi phải thường xuyên học tập để ca ngợi tính can đảm của Đảng Cộng Sản Việt Nam : "Cán bộ làm sai, đảng trị... Đảng làm sai, đảng sửa". Tôi cũng thường xuyên trả lời : đó không phải là sự can đảm, mà là thái độ cai trị khinh dân; xem dân như là vật thí nghiệm cho những tư duy không tưởng, học thuyết viển vông của mình.

Tôi cũng thường xuyên bị học tập rằng, chính sách đoàn kết dân tộc của đảng là làm cho "dân tin đảng và đảng tin dân". Tôi cũng thường xuyên trả lời : làm cho dân tin đảng; đó là điều tất nhiên và dễ hiểu thôi vì có đáng tin thì người ta mới tin được ; vì đảng cần được dân tin tưởng để tồn tại, dù chỉ là tin tưởng giả tạo Nhưng "đảng tin dân" có nghĩa là thế nào ? Nếu đảng không tin dân thì đảng xử lý dân như thế nào ?

Câu trả lời thực tế : Cả nước trở thành một nhà tù vĩ đại.

Ngày nay, khi không còn ở trong nhà tù nhỏ như mười lăm năm trước nữa, tôi không còn có điều kiện để được lên lớp chính trị... Tôi hy vọng Đảng Cộng Sản Việt Nam không còn có cái can đảm như xưa, để thử nghiệm học thuyết của mình thêm nhiều lần nữa ; và cũng không thi hành chính sách "đại đoàn kết" như xưa để dân có thể sống tự tại mà không bị đảng nghi ngờ.

Mặc dù có những thay đổi lớn nhìn từ góc độ nào đó, nhưng thực tế tôi biết chắc rằng có một điều không thay đổi. Đó là : đảng cộng sản vẫn tự coi mình là ân nhân của dân tộc và do đó có độc quyền quyết định số phận của dân tộc (mà là ân nhân hay tội đồ gì thì quần chúng và lịch sử trước mặt sẽ phán xét). Đó là điểm khác biệt với các chế độ chuyên chính lừng danh trong lịch sử. Đây cũng chính là nguyên nhân của một trong những điều mà các đảng viên bảo thủ cho là "rác rưởi tư bản". Điều đó là nạn tham nhũng. Bởi vì, quan liêu, hách dịch, thái độ kẻ cả ban ơn, vừa là bản chất và vừa là dưỡng chất của tệ nạn tham nhũng của Việt Nam hiện nay.

Mọi tội phạm xảy ra đều do một bên gây hại và một bên bị hại. Trong tham nhũng, mới nhìn thì không có ai bị hại một cách rõ ràng. Trước mắt, người đưa hối lộ và người nhận hối lộ đều nhận được những điều lợi nhất định. Như vậy người bị hại chính là quần chúng, không đủ đặc quyền

để tham gia nhằm hưởng lợi trực tiếp từ nạn tham nhũng. Nghĩa là những thành phần cùng khốn của xã hội chẳng có gì để cho nên chẳng nhận được gì nên vì vậy họ trở thành nạn nhân. Tính cá biệt của nạn nhân tham nhũng ở Việt Nam hiện tại là do thái độ ban ơn của những kẻ có chức quyền đối với "thần dân" dưới sự cai trị của mình.

Tham nhũng ở Việt Nam không chỉ là thỏa thuận song phương để dành những hợp đồng kinh tế béo bở. Nó còn rút xương tủy của nhân dân; những người cùng khốn phải còng lưng lao động để có tiền đóng thuế. Tham nhũng là gốc rễ của các tệ nạn xã hội khác. Vì nó tổ chức, bao che và nuôi dưỡng chúng. Nó xói mòn mọi giá trị đạo đức truyền thống. Bảo vệ hay phát huy văn hóa dân tộc trên cơ sở đó chỉ là lá chắn cho tệ nạn tràn lan mà thôi.

Tôi nói, tham nhũng là sản phẩm của quyền lực. Bởi vì chính những người dân cùng khốn, là tiếng nói luôn luôn bị áp chế bằng sự dọa nạt, là những người bị trấn áp bởi bạo quyền chuyên chính khốc liệt nhất, nhưng cũng lặng lẽ chịu đựng nhất. Đó là những chứng nhân cho mặt trái của tham nhũng và quyền lực; nạn nhân trực tiếp của tất cả sự áp chế của nó đối với giá trị nhân phẩm.

Có lẽ tôi muốn kể lại đây một câu chuyện thương tâm, để chúng ta hiểu phần nào bản chất tham nhũng trong một chế độ thường tự hào là không có người bóc lột người. Chuyện xảy ra trong trận lụt vào cuối năm vừa qua.

Tại xã Hương Thọ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên, có một gia đình nghèo khổ sống lênh đênh trên một chiếc đò. Khi cơn lụt ập đến, gia đình này là duy nhất có ghe ở địa phương miền núi này, do đó đã vớt được trên 80 người khỏi cảnh chết chìm. Sau nước rút, tỉnh trưởng có vài phái đoàn đến cứu trợ... Các gia đình khác đều nhận được cứu trợ. Chỉ trừ gia đình anh. Lý do: không có hộ khẩu, vì lâu nay gia đình này nghèo quá, phải sống "vô gia cư" phiêu bạt trên các sông suối nên không có hộ khẩu thường trú. Dân làng biết ơn anh, xin chính quyền địa phương cấp hộ khẩu cho. Nhưng thiếu điều kiện nhập hộ: gia đình anh không có đủ 400.000 đồng VN để hối lộ... Khi các thầy của tôi lên cứu trợ, dân làng tự động đến tường thuật sự việc để các thầy giúp đỡ. Các thầy giúp đủ số tiền, nhưng với điều kiện phải giấu kín nguồn gốc. Vì sẽ còn nhiều vấn đề rắc rối khác.

Điều tôi muốn nói ở đây không phải nhắm đến tệ nạn tham nhũng. Mà là nhân cách của gia đình nghèo khổ ấy; và thái độ chịu đựng sự bất công một cách thâm lặng đáng kính phục. Dù sống dưới mức tận cùng khốn khổ, anh vẫn giữ vẹn giá trị nhân phẩm của mình. Làm ơn cho nhiều người, nhưng không kể ơn để được đền bù. Chỉ có dân làng biết ơn và tự động đền đáp. Nhưng dân ai cũng nghèo khổ và lại gặp hoàn nạn như nhau, lấy gì chu cấp cho nhau?

Khắp cả đất nước này, có bao nhiêu trường hợp như vậy. Đó là những cuộc sống ở sản phẩm của quyền lực, sống trong bóng tối của xã hội. Nếu họ không lên tiếng, ai biết họ ở đây. Nhưng họ lại không lên tiếng. Vì không thể, hay vì không muốn? Do cả hai. Điều mà quý vị biết rõ là tôi đang nói chuyện ở đây cũng chỉ là cách nói "lén lút qua mặt chính quyền". Tôi chưa biết ngày mai của tôi ra sao,

## Vài tia sáng khi đọc cuốn sách của Robert Kagan "Về Thiên Đường và Quyền Lực"

Bài viết này có mục tiêu trình bày tóm lược cuốn sách trên đây (1). Đồng thời để kích động những ai chưa biết hãy tìm đọc cuốn sách xuất sắc, cô đọng (103 trang khổ nhỏ theo nguyên bản), súc tích, ngạo mạn và cá mồm ấy. Ngoài ra, sách bao gồm lời giáo huấn cho ai coi trọng mối bang giao quốc tế. Và chứa đựng những yếu tố chiến lược của chính sách ngoại giao Hoa Kỳ hiện thời (biểu hiện trong sự can thiệp ở Iraq) và trong nhiều năm tới.

Trước hết chúng ta phải né tránh cái truyền thống rất Pháp quốc, coi những tư tưởng có thể tóm tắt trong một câu, là thô thiển. Bởi vì những luận thuyết của Robert Kagan, vốn là sử gia, rất đơn giản và trong sáng.

Theo Kagan, Hoa Kỳ khác biệt với Âu Châu trên tất cả những điểm nền tảng về khái niệm "sức mạnh": hiệu lực của sức mạnh; đạo đức của sức mạnh; lợi ích của sức mạnh. Âu Châu tiến triển vượt qua sức mạnh để vào một thế giới luật pháp, qui lệ, ngoại giao, hợp tác và thương thảo quốc tế; do đó, gạt bỏ sự nhờ cậy vào cưỡng chế và bạo lực. Phía Hoa Kỳ còn xa lầy trong những thực tại buồn tẻ và khủng khiếp của lịch sử tựa vào sức mạnh trong một thế giới hỗn loạn, ở đó những qui lệ và luật pháp quốc tế còn mơ hồ, thiếu tin cậy, và một nhãn quan thực dụng, đen trắng phân minh, tỏ ra cần thiết.

Sự kiểm chứng này giải thích những quan điểm khác biệt của Âu Châu và Hoa Kỳ về mọi ý niệm "văn hóa chiến lược": sự phán đoán chiến lược; sự thẩm định những rủi ro và đe dọa; sự chế định giải pháp ứng phó với những rủi ro và đe dọa đó; sự nhận định những quyền lợi trong cuộc; nhãn quan về qui lệ, luật pháp và cơ chế quốc tế.

Những khác biệt về "văn hóa chiến lược" không tự nhiên xuất phát từ dân tộc tính người Âu Châu và người Hoa Kỳ. Nó có nguyên do từ tình trạng lịch sử yếu kém của một bên và hùng mạnh của bên kia. Âu Châu đã được hưởng quá lâu sự bảo vệ quân sự không có thù kim của Hoa Kỳ, đã sử dụng tài nguyên của mình trong các lãnh

khí những điều tôi nói không làm hài lòng Đảng và Nhà nước.

Hoàn cảnh đất nước Việt Nam như thế cho nên dân ta phải chịu quá nhiều đau thương và tủ nhục. Đối với giới trí thức nói riêng, mà xã hội Việt Nam truyền thống rất tôn trọng, điều tủ nhục lớn nhất là họ không thể thay những người dân thấp cổ bé miệng nói lên một cách trung thực tất cả những uất ức, những khổ nhục mà họ phải chịu. Bởi vì, tại Việt Nam ngày nay những người có thể nói thì ngồi bút đã bị cong; những người muốn nói thì ngồi bút đã bị bẻ gãy. Nhưng tôi biết rõ một điều, và điều đó đã được ghi chép trong lịch sử: trí thức chân chính của Việt Nam không bao giờ khiếp như thế.

Trân trọng kính chào quý vị.

Tu Viện Quảng Hương

*Thích Tuệ Sĩ*

Sài Gòn, tháng 3-2003

☞ vực kinh tế xã hội, từ chối mọi đầu tư vào guồng máy quân sự đến mức bất lực khi phải giải quyết các tranh chấp ngay trong địa khu Âu Châu, lại càng bất lực hơn về một cuộc can thiệp quân sự nơi xa.

Tình trạng ấy mới xuất hiện trong lịch sử. Hoa Kỳ, sau khi độc lập, đã có nền ngoại giao tương tự như Âu Châu bây giờ. Thời kỳ đó, Âu Châu lên tiếng bằng sức mạnh lưỡi lê hơn là bằng ngoại giao, bằng sự hợp tác và thương thảo quốc tế. Hoa Kỳ và Âu Châu bắt đầu hoán đổi vị trí kể từ khi Đệ nhất Thế chiến kết thúc (sự xuất hiện của những khái niệm về chính sách hòa dịu, về nền an ninh chung, về hệ thống quốc tế...).

Kagan lượng định một cách triết lý hơn tình trạng hiện tại bằng sự tham chiếu với Kant và Hobbes. Âu Châu có vẻ "theo Kant" trong ước vọng đem ổn định một cách hòa bình, nhờ sức của Đạo đức, tới thế giới hỗn mang và mất trật tự ("Trời đầy sao ở trên tôi và luật đạo đức trong tôi"). Hoa Kỳ tỏ ra "theo Hobbes" trong sự tin tưởng vào một quốc gia mạnh để bảo đảm an ninh cho tất cả bởi vì "người là lang sói đối với người".

Tuy nhiên, Kagan cho rằng lý tưởng mà người Âu Châu bảo vệ là sản phẩm do sự yếu kém của họ hơn là do sự phân tích. Bởi thế những tâm nhìn khác biệt xuất phát từ sự sai biệt gia tăng về Sức mạnh hơn là một tâm trạng hay lý tưởng nào đó. Điều đã thay đổi không phải là tính khí các quốc gia mà là thực tế khách quan của lịch sử đương thời.

Kagan, trong phần kết thúc cuốn sách, kêu gọi một sự điều chỉnh cân bằng bá quyền của Hoa Kỳ bởi những bên liên hệ. Những luận thuyết của Kagan cố gắng hiến một khuôn khổ phân tích bang giao quốc tế không thiếu sự hấp dẫn và minh bạch tiết lộ một liên tục lịch sử trong tâm trạng Hoa Kỳ.

Dù sự phân tích về bản chất sức mạnh không có chiều hướng mới mẻ (2), nó không kém thích hợp trong trạng huống sự việc quốc tế hiện tại. Chirac đã chứng minh điều này khi "mắng mỏ" một cách thô bạo tương đương với sự ngạo mạn của chính quyền Bush, những ứng viên vào Liên Hiệp Âu Châu đã bênh vực Hoa Kỳ trong vấn đề Iraq !

Thực là sự dĩ nhiên khi nói về bá quyền của Hoa Kỳ. Rõ ràng là Hoa Kỳ sử dụng một quyền thống trị theo thực tế trong mọi ngăn chứa của cuộc chơi chính trị : sức mạnh chính trị, sức mạnh quân sự, sức mạnh kinh tế, sức mạnh kỹ thuật và sức mạnh văn hóa. Tuy nhiên, theo đúng truyền thống chân chính Hoa Kỳ, Kagan cho rằng Hoa Kỳ sử dụng bá quyền ấy một cách nhân hậu. Một trong những quốc phụ sáng lập, Benjamin Franklin, đã nói rằng chính nghĩa của Hoa Kỳ là chính nghĩa của nhân loại. Một vị khác nói đến "định mệnh hiển nhiên" (*manifest destiny*). Sau cùng, Kissinger kể lại trong cuốn *Ngoại Giao* rằng Truman nói với ông : sau khi chiến thắng các địch thủ, Hoa Kỳ giúp đỡ họ tái thiết và phát triển, dân chủ hóa và gia nhập liên minh các quốc gia ; và chỉ có Hoa Kỳ có thể làm như vậy.

Song tất cả không hoàn mỹ trong thế giới tốt đẹp nhất. Chúng ta biết rằng ngay trước khi chiến sự đình chỉ ở Iraq, nhiều xí nghiệp Hoa Kỳ gần cận chính quyền Bush đã nhận

được những giao kèo về công trình tái thiết Iraq. Kinh tế gia Hoa Kỳ, Paul Krugman, ghi nhận là "Trên hầu hết các diện của chính sách đối nội và đối ngoại, quyền lợi của đại kinh doanh đã chi phối sự việc". Clausewitz hầu như hoàn toàn có lý : chiến tranh là sự tiếp tục của chính trị và kinh doanh dưới phương tiện khác !

Chúng ta chứng kiến từ vài năm nay sự lộ dạng của một nền hòa bình Hoa Kỳ (*Pax Americana*) với :

- sự truyền bá một chủ thuyết nào đó trên bình diện chính trị, với các khái niệm về dự phòng, về an ninh, về nhân phẩm, về phát triển kinh tế : câu khởi đầu tài liệu nhan đề là "nền an ninh quốc gia của Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ" thực không có gì trong suốt hơn "*Những cuộc đấu tranh lớn trong thế kỷ thứ 20 giữa tự do và độc tài chấm dứt với thắng lợi quyết định của các lực lượng tự do và của một mô hình duy nhất có thể chấp nhận cho sự thành công của quốc gia : tự do, dân chủ, và tự do kinh doanh*" ;

- những mảnh lời tinh tế trên bình diện kinh tế củng cố và làm bền vững bá quyền của Hoa Kỳ đối với thế giới, như tính lưu động của tiền vốn, tự do thương mại, hối xuất đồng Mỹ kim và vị trí của nó như ngoại tệ dự trữ, những món vay mượn quốc tế trên cơ sở Mỹ kim với hối xuất thay đổi, v.v. (3).

Sức mạnh ấy cung cấp cho Hoa Kỳ phương tiện thể hiện một chính sách có thể tóm tắt là "chúng tôi dự chơi nếu luật chơi do chúng tôi ấn định và nếu chúng tôi có thể ngưng chơi khi chúng tôi muốn".

Cuốn sách của Kagan đặt vấn đề cho chúng ta một cách lành mạnh về tình trạng những cường quốc của thế giới hiện tại. Nó đề nghị một cách nhìn vào thực tại của thế giới không đến nỗi quá thiên lệch. Nó có thể là một công cụ để hiểu biết Hoa Kỳ và để hợp tác với Hoa Kỳ.

Việt Nam có một truyền thống khôn khéo lâu đời để sống chung với một lân quốc vừa mạnh vừa oai vệ. Trong trạng huống thế giới của Kant, sẽ là một lá bài tốt nếu Việt Nam biết rút tĩa từ đó những dữ kiện căn bản để thích nghi với những thách đố đặt ra bởi Hoa Kỳ và những cường quốc khác. Và để ấn định, sắp đặt một chiến lược quốc gia khiến cho Việt Nam đạt tới một vị trí xứng đáng và danh giá trên đấu trường quốc tế ; và một chính sách thỏa đáng, hữu hiệu và công bình về sự phát triển nền kinh tế quốc gia. Không có phẩm cách quốc gia và công bình kinh tế, mọi chính sách quốc gia đều vô hiệu.

*Link Sơn*

*LTS : Nguyên văn bằng Pháp ngữ : Quelques lumières à la lecture du livre de Robert Kagan "Of paradise and Power".  
Nghiêm Văn Thách dịch.*

Chú thích :

- (1) Ấn bản Pháp ngữ : "*La Puissance et la Faiblesse*", Plon, Paris, 2002.
- (2) Maurice Duverger, trong một bài báo *Le Monde*, trả lời những chỉ trích của Pháp về việc ném bom Bắc Việt, xác định rằng phát-xít là một vấn đề phương tiện, không phải tâm trạng.
- (3) Tư liệu của giáo sư Robert Wade, London School of Economics and Political Science.

# Xã hội dân sự và phát triển quốc gia

Phạm Việt Vinh

*LTS : Gần đây, đã bắt đầu có những trí thức trong nước lên tiếng đòi hỏi Việt Nam phải xây dựng một xã hội dân sự. Dự án chính trị Thành Công Thế Kỷ 21 của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên cũng nhìn nhận xã hội dân sự là hình thức tổ chức của một chế độ thực sự dân chủ. Tuy vậy, ít nhất là về mặt lý thuyết tổng quát, xã hội dân sự vẫn còn là một khái niệm tương đối mới mẻ ; trong khi đó, nó lại có một vai trò vô cùng quan trọng, thậm chí có tính sống còn cho sự phát triển quốc gia - đặc biệt là đối với các nước còn chậm tiến như Việt Nam. Với cách nhìn như vậy, vào tháng 7 năm 2000, hiệp hội "Chính sách phát triển" của các tổ chức phi chính phủ Đức (Verno), Quỹ Nhà thờ Tin lành Đức ("Bánh mì cho thế giới"), và năm Quỹ Viện (Stiftung) thuộc các chính đảng lớn nhất của Đức đã được yêu cầu điều trần tại Quốc hội Liên bang về chủ đề "Vai trò của xã hội dân sự đối với sự phát triển bền vững của các quốc gia đang phát triển". Buổi điều trần tập trung vào tám chủ đề, trong đó có hai chủ đề phổ quát là nhận diện xã hội dân sự và vai trò của nó đối với sự phát triển bền vững của các quốc gia. Sau đây là một vài trích dịch do Phạm Việt Vinh thực hiện.*

## 1. "Xã hội dân sự" - một công thức phát triển xã hội mới ? (Lời mở đầu của Peter Weiss, nghị sĩ, thành viên ủy ban hợp tác phát triển kinh tế của Quốc hội Liên bang)

Trước hết, xã hội dân sự được hiểu như là một đời sống xã hội diễn ra trong khoảng giữa nhà nước và thị trường; hoặc là nói rất chung, thì đó là hoạt động xã hội của nam nữ công dân, của các hội nhóm và các tổ chức xuất phát từ ý nguyện riêng, không phụ thuộc vào mục đích của nhà nước và những tính toán kinh doanh. Ngay tại nước Đức, người ta có thể phân biệt rất rõ lĩnh vực này về nội dung và khái niệm : Các hoạt động xã hội dân sự được diễn ra trong "khu vực thứ ba" của xã hội, hoặc nói theo tiếng Anh, trong "non profit sector".

Ngày nay, không một hội thảo hoạch định chính sách phát triển nào thiếu vắng thuật ngữ "xã hội dân sự". Ai không muốn bị coi là lạc hậu, đều phải công nhận vai trò to lớn của xã hội dân sự đối với sự phát triển bền vững, lâu dài và phải đề cao việc thúc đẩy xã hội dân sự như là một nhiệm vụ quan trọng trong chính sách phát triển. Liệu tất cả những cái đó chỉ là một mẫu mốt thời thượng ? Suy cho cùng thì bao giờ cũng vậy, tất cả các thảo luận chính sách phát triển đều được đánh dấu bởi việc chúng xoay quanh các khái niệm mới, hoặc có vẻ là mới. Vậy thì đằng sau khái niệm "xã hội dân sự" ẩn chứa những gì ? Nếu cứ theo lời của nhiều chuyên gia về chính sách phát triển, thì xã hội dân sự, hoặc ít hoặc nhiều, phải được coi là một công thức thần kỳ.

## 2. Phải định nghĩa ra sao về xã hội dân sự ? (Điều trần của tiến sĩ Reinhard Hermle, chủ tịch Hiệp hội Verno)

Tại nước Đức, từ cuối những năm 80 của thế kỷ 20, các tranh luận khoa học xã hội bắt đầu đi sâu vào danh từ "xã hội dân sự". Khái niệm này được dựa vào những tiêu chí truyền thống khác nhau về mặt lý thuyết dân chủ. Khi mà năng lực giải quyết các vấn đề xã hội và khuyến khích sự thăng tiến xã hội của nhà nước càng ngày càng trở nên không phù hợp, và vai trò của các tác nhân phi chính phủ ngày càng trở lên quan trọng trong tiến trình phát triển, thì ý nghĩa của xã hội dân sự đã tăng dần sức mạnh so với thế đứng chủ đạo của nhà nước.

Cho đến nay, "xã hội dân sự" vẫn là một khái niệm chưa được định nghĩa một cách phổ quát. Do sự mờ ảo về mặt lý thuyết này, chúng ta không thể minh định những khác biệt mang tính nguyên lý giữa xã hội dân sự trong một nước đang phát triển và xã hội dân sự trong một nước công nghiệp.

Nhiều khi, người ta mang đặt nhà nước ra đối diện với bộ phận tư nhân. Trong khi việc xếp những tổ chức xã hội như : chính phủ, quốc hội, các cơ quan quản lý nhà nước, các chính đảng vào khu vực nhà nước nói chung là khá dễ dàng, thì việc định chế "khu vực tư nhân" lại rất khó khăn, do cái vỏ cách ngăn "phi chính phủ" của nó khá là mỏng mảnh. Nguyên cố là bởi "khu vực tư nhân" được cấu thành từ những hãng xưởng kinh tế tư nhân (khu vực lợi nhuận) và một thành tố rộng lớn khác gồm những cơ quan, hiệp hội và những nhóm chung mục đích - trong đó có cả những tổ chức phi chính phủ (khu vực phi lợi nhuận). Vì không có mục đích lãnh chiếm hoặc chia sẻ quyền lực nhà nước, và cũng không nhằm theo đuổi lợi ích kinh tế (thị trường), nên những tổ chức thuộc khu vực phi lợi nhuận sẽ tạo ra một thành tố xã hội riêng, tách biệt hẳn và khác biệt hẳn so với những thành tố theo đuổi mục đích quyền lực nhà nước hoặc lợi nhuận thị trường. Thành tố phi lợi nhuận này được gọi là xã hội dân sự.

Xã hội dân sự, trước hết, chỉ là một cấu hình khái niệm; nó không chứa đựng một hình thái tổ chức đã được phân loại, và cũng không vội vã dẫn ra những mục tiêu chung cho những hiệp đoàn, hội nhóm. Vì vậy, việc đưa ra một phân tuyến sắc nét - ví dụ như giữa các tổ chức phi chính phủ và các phong trào xã hội, là một điều không cần thiết. Đó cũng là một đặc điểm cấu trúc của xã hội dân sự, khi mà người ta không thể định nghĩa nó trước hết là theo những nguyên tắc thành tố hình thức. Điểm quyết định là những mục tiêu cụ thể của các tổ chức và câu hỏi : các tổ chức đó đại diện cho những quyền lợi nào, của ai ? và theo đuổi những quyền lợi đó thông qua những biện pháp nào, hoạt động nào ? Với cách nhìn của chúng tôi, thì về mặt cơ chế, các tổ chức được định hướng theo những tiêu chí cơ bản như hòa bình, công lý, nhân quyền, dân chủ và sự ổn vững môi sinh, là những thành tố của một xã hội dân sự.

Nhưng, ngay cả khi từng tổ chức hoặc tác nhân riêng lẻ của xã hội dân sự không chủ đích thực thi quyền lực chính trị (theo nghĩa thống trị của nhà nước), thì do được gắn với

những định hướng cơ bản trên, chúng cũng phải có những mục tiêu chính trị xã hội rõ ràng, với tư cách là những tổ chức phát triển, môi sinh, phụ nữ, nhân quyền, tôn giáo, hoặc là những hội địa phương, phong trào người du cư, hiệp hội nông dân và hiệp hội nghề nghiệp. Điều dễ nhận thấy ở đây là một dải công việc rộng lớn và đa dạng.

Xuất phát điểm cho công việc (của xã hội dân sự) thường thường là sự đáp ứng những nhu cầu (cơ bản) hay là việc đưa ra xã hội những sản phẩm dịch vụ dưới hình thức tự tổ chức. Về nguyên tắc, điều này diễn ra như là một phản ứng đối với sự thiếu hụt của nhà nước. Ngoài những công việc có thể gọi chung là dịch vụ như trên, thành viên xã hội dân sự cũng thực thi chức năng chính trị đại diện cho quyền lợi của các nhóm công dân bị thiệt thòi khi đưa ra những đề xuất chính sách để giải quyết vấn đề và tác động đến điều kiện chính trị nói chung. Như vậy, chúng cũng có một vai trò quan trọng trong việc đòi hỏi và thúc đẩy tinh thần trách nhiệm của nhà nước đối với công dân của mình, và qua đó, sẽ xác định lại chức năng của nhà nước.

Dù còn nhiều điều chưa rõ ràng, nhưng khái niệm xã hội dân sự dưới đây- được nhìn theo góc độ của các tổ chức phát triển phi chính phủ, sẽ giúp chúng ta rất nhiều. Khái niệm xã hội dân sự này :

- chỉ ra những danh giới rõ rệt, một bên là những hoạt động kinh tế tư nhân hướng theo lợi nhuận, bên kia là những hoạt động chính trị hướng vào việc chiếm lãnh và thực thi quyền lực nhà nước ;

- định ra một khu vực đa dạng gồm những hội nhóm và tổ chức khác nhau. Những thành tố này có thể sẽ trở thành những đảm bảo quan trọng cho một chính sách phát triển bền vững và trong khuôn khổ hợp tác của các cơ quan nước ngoài, cần phải được ưu tiên trợ giúp tùy theo thực chất của từng tổ chức ;

- cần phải tiến tới tầm cỡ độc lập về mặt chính trị xã hội, và qua đó, các tổ chức có một tiềm năng quan trọng phục vụ cho tiến trình phát triển dân chủ ;

- mô tả vai trò các thành tố "dân chủ tham gia" như là một bổ khuyết cho các cơ quan "dân chủ đại diện" ;

- có khả năng tiến tới tầm cỡ toàn cầu thông qua việc nối kết với những tổ chức xã hội dân sự khác trên thế giới.

Như vậy, việc xác định thực chất khái niệm xã hội dân sự và chỗ đứng của các tổ chức trong xã hội dân sự phụ thuộc vào câu hỏi, rằng tổ chức đó đảm nhiệm vai trò đại diện quyền lợi chính trị xã hội, và qua đó, có ảnh hưởng chính trị ở mức độ nào. Theo cách nhìn của chúng tôi thì việc cộng tác giúp đỡ (các nước đang) phát triển phải được ứng dụng một cách có chất lượng và phù hợp với chính sách phát triển- tức là chỉ tập trung vào những tổ chức quan tâm tới sự phát triển lâu dài mang tính xã hội, môi sinh, khuyến khích quần chúng và sát thực tế với mục tiêu thực thi một cách toàn diện nhân quyền và dân chủ.

### **3. Vai trò của xã hội dân sự đối với sự phát triển lâu dài tại các nước đang phát triển (Điều trần chung của năm Quỹ Viện thuộc các chính đảng lớn nhất tại CHLB Đức)**

Dân chủ hóa luôn luôn là một tiến trình lâu dài về văn hóa xã hội và cấu trúc tổ chức. Hai nhân tố này đòi hỏi một cấu hình có tính trách nhiệm cao trong một quốc gia đang phát triển. Nhận thức trên đây quyết định quan hệ cộng tác của các Quỹ Viện chính trị trong hoạt động toàn cầu. Dân chủ không thể bị áp đặt. Dân chủ liên quan tới toàn bộ xã hội. Chỉ một nhà nước đủ mạnh mới có khả năng thực thi và gìn giữ những điều kiện dân chủ và "quản trị hay" cho công dân. Nhưng, những nhân tố cơ bản cho một nền dân chủ lại chỉ có thể phát sinh và phát triển trong một xã hội dân sự. Dân chủ tham gia không chỉ có nghĩa là tham dự bầu cử, mà còn có nghĩa tham gia trực tiếp vào đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội. Việc chống đói nghèo, những đóng góp giáo dục đào tạo, sự trợ giúp những hoạt động kinh tế trong nông nghiệp, kinh doanh và dịch vụ, những biện pháp đảm bảo bình đẳng nam nữ, những cơ quan truyền thông độc lập, viện nghiên cứu độc lập, văn phòng độc lập, và những hiệp hội đại diện quyền lợi sẽ thúc đẩy chủ nghĩa đa nguyên.

Xã hội dân sự và những tổ chức của nó chính là vốn (capital) xã hội và là "chất keo" của xã hội, nhưng không được phép bị lạm dụng để trở thành vật bù đắp cho những thiếu hụt về cấu trúc dân chủ trên bình diện quốc gia và quốc tế. Chúng cũng không thể bị dùng làm giải pháp lẩn tránh để cứu nguy cho những nhà nước yếu kém, bất lực. Xã hội dân sự và những tổ chức của nó đưa ra những sản phẩm phục vụ xã hội và trong nhiều trường hợp, chúng là những tuyên ngôn chính trị cho những đòi hỏi cấp bách của xã hội. Thêm nữa, chúng chính là sự nhắc nhở, cảnh cáo và giám sát các chính sách nhà nước.

Một xã hội dân sự năng động đóng vai trò quyết định cho một sự phát triển lâu dài. Điều này cũng liên quan đến bản chất của chính quyền các nước đang phát triển – thông thường là những nhà nước tập quyền và có một cấu trúc kém dân chủ. Nó thường dẫn đến một thực tế là một nhóm tương đối nhỏ (giai tầng chính quyền) kiểm soát và lạm dụng nhà nước vì lợi ích riêng một cách có hệ thống trong hàng chục năm liền, trong khi nhiều thành phần xã hội khác bị lãng quên hoặc thậm chí có thể bị kỳ thị. Đối với những thành phần bị thiệt thòi này, một xã hội dân sự lớn mạnh sẽ tạo cho họ sự lắng nghe và giúp cho họ tiếp cận mạnh hơn đối với các quá trình quyết định chính sách. Việc này cải thiện sự tham gia chính trị và làm tăng hiệu năng của các hoạt động nhà nước.

Dân chủ và chống nghèo đói là những mục tiêu cần phải được xây dựng và trợ giúp lâu dài. Việc ổn vững dân chủ lại cần thời gian và một sự trợ giúp kiên trì, nhưng nhanh nhậy. Sự trợ giúp này phải phù hợp với những vấn đề cụ thể và có khả năng phản ứng linh hoạt với tình hình địa phương.

Công tác trợ giúp phát triển của các Quỹ Viện chính trị, với nhiệm vụ then chốt là khuyến khích dân chủ, được dựa trên những nguyên tắc :

- Khuyến khích dân chủ không đồng nghĩa với việc chuyển giao một mô hình đã có sẵn. Một mặt, nó phải



## SARS và SRVN

SARS thì ai cũng biết, và ai cũng sợ. SRVN thì, dù không nghe thường, nhưng nhiều người Việt cũng biết, và hàng triệu người cũng sợ. Nó là chữ tắt của Social Republic of Viet Nam, tên Anh ngữ của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Cái tên này đặc biệt lắm, nhiều lúc muốn thêm cho nó chữ "A" hoa đằng trước để thêm chính xác (Anti-Social đó bạn). Hồi nó mới ra đời thì ở Việt Nam cũng có một loại người xuất hiện mà người ta thường gọi là "cách mạng 30". Trong một bài diễn văn chào mừng những chủ nhân mới ở Sài Gòn, một ông Ba Mười nọ đã gặp mình ca tụng... "Việt Nam Cộng Hòa" ! Biết mình đã hổ, ông thêm ngay "Xã Hội Chủ Nghĩa" - thật tài tình và đầy sáng tạo.

Tên nước Việt Nam Cộng Hòa... Xã Hội Chủ Nghĩa này cũng tình cờ thấy xuất hiện trong một bài viết (quên mất tên) của ông PCT - thầy dạy Triết ở đại học Vạn Hạnh xưa. Dĩ nhiên không phải vì nhầm lẫn.

Chí lớn và... trí bé cũng có khi "gặp" nhau đó chứ.

Riêng SARS và SRVN đã húc vào nhau trong một hoàn cảnh khá tự nhiên. Bệnh lần đầu được bác sĩ Carlo Urbani của Tổ Chức Y Tế Thế Giới phát hiện ở Hà Nội hồi tháng 2-2003. Bệnh nhân và nạn nhân đầu tiên là ông Johnny Cheng, một thương nhân đến từ Hongkong. Do tiếp xúc với bệnh nhân để định bệnh, chính bác sĩ Carlo Urbani cũng đã từ trần một tháng sau đó. Ông đã chết vì tận tụy với bệnh nhân. Ông chết vì đã cố gắng hết sức mình để cứu sống người khác. Bác sĩ Urbani đã chết một cái chết cao cả. Bác sĩ Urbani đã chết một cái chết kỳ lạ. Cái chết đã làm cho vô số người không hề quen biết ông phải nhỏ lệ thương tiếc xót xa như chính người thân của họ đã chết.

Lần theo bước chân của người thương nhân quá cố đã dẫn các nhà chuyên môn đến một khách sạn ở Hongkong, rồi một khách trú từ Hoa Lục... rồi cuối cùng là nơi xuất xứ của căn bệnh : tỉnh Quảng Đông ở phía nam Trung Hoa. Điều làm thế giới y khoa kinh hãi là người khổng lồ Trung

Hoa đã biết có căn bệnh này từ tháng 11-2002, nhưng đã cố ý ếm nhem không cho ai biết.

Ếm nhem vốn là quốc sách của các nhà nước cộng sản. Nếu chuyện ếm nhem tin tức về một bệnh dịch không phải là quốc sách thì chắc phải được họ xem là một thói quen tốt của giới lãnh đạo Đảng. Thà ếm lằm chừ không tiết lộ lằm mà. Vả lại đó là chuyện... nội bộ, cần gì phải công bố cho ai.

Nhưng cái thói ếm nhem lần này đã làm thiệt hại cho Trung Cộng nhiều vô kể. Tiếng nói chính thức của nhà nước đã thật sự trở thành trò cười ra nước mắt cho quốc tế. Và cái quốc tế "không can thiệp vào nội bộ" này cũng học được một bài học nho nhỏ : ngó lơ cho các nhà nước ếm nhem để họ mặc tình ếm nhem thì có ngày mình... chết.

Tiếng nói chính thức của nước Tàu Cộng này cũng bị buộc phải học lấy thói quen hay xin lỗi - một thói quen vốn vắng bóng trong văn hóa nước này. Hết xin lỗi về việc đã ếm nhem căn bệnh suốt mấy tháng trời, nay lại phải hối tiếc việc đã không "thành thật khai báo" về con số tử vong và người bị nhiễm bệnh ở Bắc Kinh. Con số gần chục lần nhiều hơn con số chính thức trước đây. Người quân tử (khôn - không thềm nhất ngôn) hay nói đi nói lại này biết rằng đó là chuyện bỉ mặt lãnh đạo lắm. Vì lẽ đó, phải có vài đứa bị bãi chức. Kết quả là ông bộ trưởng Y Tế, và thị trưởng Bắc Kinh phải đi kiểm việc khác.

Theo tường trình của John Pomfret từ Bắc Kinh, đăng trên *Washington Post*, và đăng lại trên nhật báo *Sydney Morning Herald* hôm 21-4-2003 thì chuyện ếm nhem là có chỉ thị của nhà nước. Các bác sĩ ở Bệnh Viện Hữu Nghị Hoa-Nhật thuật lại rằng một nhóm 30 bệnh nhân SARS đã bị dồn vào xe cứu thương trước khi phái đoàn của Tổ Chức Y Tế Thế Giới đến thăm. Một bệnh viện khác cũng tống 40 bệnh nhân SARS vào hơn 30 xe cứu thương. Lối một viên chức y tế cao cấp cho biết rằng "Việc này nhằm tránh bị WHO phát hiện. Chúng tôi chở họ chạy vòng vòng Bắc Kinh. Đó là lệnh của chính quyền Bắc Kinh. Nhưng chính quyền trung ương có biết hay không thì chúng tôi không rõ, chúng tôi nghĩ họ biết". ("It was done to avoid detection by the WHO - we drove the patients around Beijing. We

phù hợp với những điều kiện chính trị, xã hội, văn hóa và kinh tế đang có tại nước sở tại, mặt khác, nó phải được chuyển tải bởi những tác nhân chính trị xã hội quan trọng ; có nghĩa là không thể có một kiểu mẫu cố định cho chất lượng hoạt động của xã hội dân sự.

- Nền tảng quyết định của dân chủ là hệ thống luật pháp, hiến pháp dân chủ và từ đó là những biện pháp tương ứng để phân chia quyền lực và kiểm tra quyền lực. Đồng thời, việc khuyến khích dân chủ của các Quỹ Viện chính trị phải đi xa hơn những nhận thức cơ cấu kỹ thuật về sự "tạo lập dân chủ". Vì thế, dân chủ hóa không phải là sự chuyển tải những cố gắng mang tính cơ cấu cứng nhắc, mà phải là quá trình cơ chế hóa những phương pháp tham gia chính trị và cân đối quyền lợi trong hòa bình, hòa giải.

- Dân chủ, quyền tham gia chính trị và phát triển kinh tế là những điều kiện của nhau, và vì vậy, không được

phép phân tích, đánh giá chúng một cách tách biệt.

- Dân chủ cơ chế (như quy định hiến pháp, sự thi đua giữa các đảng phái, ứng cử, bầu cử và cơ cấu tổ chức) là điều kiện gốc và là môi trường cho những tiến trình dân chủ. Nhưng, đối với nền dân chủ sống động, thì một chương trình dân chủ tối thiểu cho bầu cử tự do và một sự đảm bảo hiến pháp cho nhân quyền vẫn là chưa đủ. Không có sự trợ đỡ của cấu trúc xã hội dân sự, không có sự cộng tác đa phương giữa nhà nước, chính trị và những đại diện xã hội, và không có những thành tố cơ bản của một nền văn hóa chính trị dân chủ (như tôn trọng những nguyên tắc hành xử, phi bạo lực và chấp nhận lẫn nhau) thì dân chủ sẽ không thể tồn tại. Khuyến khích và trợ sức cho xã hội dân sự và cấu trúc của nó, vì vậy, đóng một vai trò chính trị xã hội mang tính chiến lược.

*Phạm Việt Vinh* (Berlin, 04-2003)

☞ were ordered by the Beijing government. We don't know if the central government was aware, but we assume it was").

Trong cùng bài báo này, John Pomfret đã thuật khi phái đoàn WHO thăm một quân y viện thì họ đã chuyển mấy chục bệnh nhân SARS qua một khách sạn trong khuôn viên bệnh viện vào buổi sáng. Đến tối, sau khi phái đoàn đi rồi, thì đưa họ trở lại giường bệnh. Việc này được làm theo lệnh của Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân.

Từ Hongkong, nơi giao lưu thương mại giữa Đông và Tây cũng như giữa Trung Hoa với thế giới bên ngoài, người ta tin rằng bệnh SARS đã được lây lan sang nhiều nước khác. Những quốc gia này đều ở Châu Á, ngoại trừ Gia Nã Đại. Hãy thử tưởng tượng nếu không có một nước Bắc Mỹ nằm trong danh sách này thì các chính phủ ở Châu Á sẽ phản ứng như thế nào trước những lời cảnh giác du lịch "đừng nên đi nước này nước nọ..." của các chính phủ tây phương ? Chắc chắn là sẽ có người nhanh tay lả lá bài kỳ thị Châu Á thảy lên bàn ngay.

Con số tử vong và các trường hợp tình nghi bị lây nhiễm SARS tại các nước nói trên đều gia tăng, ngay cả Gia Nã Đại và Tân Gia Ba, hai nước có hệ thống y tế vượt xa các nước khác. Nhưng chuyện SARS ở SRVN thì có vẻ như không tới nỗi tệ như vậy !

Theo các con số chính thức, lúc căn bệnh mới bị phát hiện ở Việt Nam có 62 trường hợp lây nhiễm. Trong đó có 33 nhân viên bệnh viện - kể cả bác sĩ Carlo Urbani. Tất cả đều có tiếp xúc ít nhiều với Johnny Cheng, một bệnh nhân đến từ Hongkong, hay ra vào bệnh viện Việt-Pháp. Từ cuối tháng 2-2003 con số này chỉ có giảm chứ không tăng !

Đọc báo trong nước : ngày 27-3 : "Bệnh viêm đường hô hấp cấp tính ở Việt Nam đã được khống chế" ; ngày 31-3 : "Chỉ còn 20 bệnh nhân SARS", nhưng đến 2-4 thì "Việt Nam có thể huy động tổng lực để đối phó dịch SARS" !

Sao kỳ vậy ? SARS đã được khống chế rồi mà : chỉ còn 20 bệnh nhân thôi nè... sao tự nhiên lại đòi "huy động tổng lực" chi vậy ?

Trong bài huy động tổng lực này nhà báo Quảng Hạnh có chép một câu hình như đã nghe đâu đó rồi : "*Theo chỉ thị này, các tỉnh, thành phố nói trên sẽ thành lập khẩn cấp ban chỉ đạo Phòng chống dịch, chuẩn bị thuốc men và trang thiết bị phòng và dập dịch*". Cùng một câu này nếu thay chữ "dịch" bằng chữ "lụt" thì chỉ thị này có thể... xài lại được vào mùa mưa tới.

Tối ngày 10-4 thì báo chí trong nước càng phần khởi hơn. Nhà báo Xuân Hòa viết cái tí bực tí : "Việt Nam đã có thuốc phòng bệnh SARS". Loại thuốc ngừa này gọi là "*chế phẩm Superferon*" được bài báo mô tả như sau : "*theo hướng dẫn, Superferon được dùng dưới dạng tiêm, để điều trị các bệnh viêm gan virus A, B, C cấp mãn tính, các trường hợp nhiễm virus và một số bệnh ung thư...*". Để có tính thuyết phục cao bài báo tiếp : "*Theo cuốn Miễn dịch học của giáo sư Phạm Văn Ty, kết quả thí nghiệm cho thấy dùng Interferon để nhỏ mũi có hiệu quả cao chống virus gây bệnh đường hô hấp*". Như chưa đủ, bài báo thêm : "*Theo tài liệu*

*của giáo sư Đoàn Xuân Mượu, dùng Interferon có thể phòng được nhiều bệnh virus một lúc, kể cả những biến dạng mới của virus cúm mà ta chưa biết và chưa có vaccin phòng ngừa*".

Đọc các công dụng của "thuốc ngừa SARS" này nghe giống những viên Xuyên Tâm Liên màu xanh xanh trị được từ cảm cúm, nhức đầu, ghẻ ngứa cho tới ung thư ngày xưa quá !

Xem qua chủ đề các bài báo về SARS trong nước thì chúng ta chỉ thấy tin về số người viêm phổi cấp tính bình phục, số người sắp được xuất viện, số người đang chờ xuất viện hay là tin bệnh viện Việt-Pháp không còn bệnh nhân SARS... Báo trong nước cũng cẩn thận tô đậm phần tin về bản tiêu chuẩn xuất viện của Bộ Y Tế Việt Nam. Theo họ thì các chuyên gia WHO (?) tại Việt Nam đã khen ngợi bản tiêu chuẩn đó là "chặt chẽ hơn cả bản tiêu chuẩn do chính các chuyên gia WHO vừa soạn thảo". (WHO nào là WHO thật, và WHO nào là "ai đây" ?)

Các báo cũng đề cập tới những trường hợp đầu tiên ở Ninh Bình dưới các tựa đề : "Ninh Bình đối phó khẩn cấp với bệnh SARS" và "tập trung khống chế dịch mới ở Ninh Bình" (8-4-2003). Nhưng qua ngày hôm sau (9-4-2003) thì có tin "bệnh nhân SARS người Ninh Bình đầu tiên hồi phục" !

Ngày 22-4 Việt Nam khuyến cáo công dân của họ nên hạn chế việc đi lại các nơi như Quảng Đông, Hongkong, Đài Loan và Tân Gia Ba. Bộ Y Tế Việt Nam cũng đề nghị tạm đóng cửa biên giới Việt-Hoa, một đề nghị rất ít có cơ hội được chấp thuận, để ngăn ngừa dịch SARS.

Cùng lý do này, đúng một tháng trước, ngày 22-3-2003, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã yêu cầu công dân của họ nên hoãn lại các chuyến viếng thăm Việt Nam. Chính Bộ này cũng đã tạm hủy bỏ các chuyến đi vì công vụ của nhân viên ngoại giao đến Việt Nam. Phát ngôn nhân nữ của Bộ Ngoại Giao Việt Nam lúc ấy đã hốp báo lên án lời cảnh giác trên của Hoa Kỳ. Họ cho là Hoa Kỳ đã phản ứng thái quá một cách không cần thiết.

Tính tới nay, Việt Nam - theo các con số chính thức - không được kể là nước có tỷ lệ lây nhiễm SARS trầm trọng. Các con số này, cho dù lấy từ các tổ chức quốc tế, hay là chính Việt Nam cũng chẳng khác gì nhau. Tất cả đều xuất xứ từ con số chính thức do Việt Nam cung cấp.

Tất cả các tin về SARS được nói tới trong bài này cũng đều lấy từ các báo điện tử của nhà nước Việt Nam. Các báo này, Việt Nam Net (www.vnn.vn), hay Tin Nhanh Việt Nam (vnexpress.net) đều là những cái muỗng bạc để "spoon-feed" tin cho các tờ báo Việt ngữ đối tin quốc nội ở hải ngoại.

Đọc những tin này mà sáng mắt sáng lòng thì phải coi chừng. Thử lấy các tin về y tế làm ví dụ. Ai từng chẳng may bị bệnh ở Việt Nam thì tất biết tại sao có người gọi hệ thống bệnh viện ở Việt Nam là "cái máy cướp của giết người". Sau khi đã trả trước tiền bệnh viện "trọn gói" rồi thì phải... trả thêm tại chỗ người ta mới thay cho tấm trải giường ; phải trả thêm tại chỗ bác sĩ mới dừng lại ở giường thân nhân của bạn ; phải trả thêm tại chỗ thì mới có thuốc

do... bác sĩ cung cấp ; phải trả thêm tại chỗ y tá mới ghé vào... Với hệ thống này mà hết tiền thì chỉ có chết.

Ấy thế mà các báo Việt ngữ hải ngoại vẫn hân hoan đăng lại những tin về các thành quả y khoa như lắp ráp đầu mình chân tay thành công mỹ mãn cho... những trẻ em, cụ già nghèo ở xã Bù Đốp, huyện Bù Đăng, tỉnh Bù Sít vậy. Loại tin này vài ngày lại có, mà chẳng ai thắc mắc gì hết.

Cũng theo những thông tin chính thống này, thì gần đây không hề có ông Vũ Cao Quận, Phạm Quế Dương, Phạm Hồng Sơn, Lê Chí Quang... nào bị bắt hết. Và Việt Nam không hề nhốt ai vì lý do chính trị. Và Việt Nam không hề cấm ai nói lên ý kiến của mình. Và không hề có ông Nguyễn Xuân Tú nào ở Đà Lạt, hết sức lương thiện và uyên bác mà cứ bị nhốt trong nhà từ năm này qua tháng nọ. Và người Việt trong nước được bảo đảm mọi quyền tự do hiến định như tự do ngôn luận, tự do lập hội, tự do hội họp, tự do cư trú... Cho dù báo nào cũng có mục "Luật Pháp", nhưng theo thứ luật pháp này thì không hề có những bản án man rợ mà họ đã áp đặt lên những Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Văn Lý bao giờ hết.

Xưa hơn một chút thì là không hề có quân chính qui Bắc Việt dưới vĩ tuyến 17 đâu à nghe.

Chính vì thế, cho dù mong rằng cái dịch vật SARS nó xéo đi sớm chừng nào tốt chừng đó trên thế giới, trên cả cái quê hương buồn nhiều hơn vui của chúng ta, nhưng lòng vẫn cứ ngai ngại về những éo nhem vốn luôn luôn có ở Việt Nam về số liệu của SARS.

Dĩ nhiên là để khuyến khích du lịch.

Các con số này có trung thực hay không khi cộng sản Việt Nam có truyền thống bắt chước đàn anh Trung Quốc của họ rất lâu đời. Dù là những cái bắt chước vô cùng ngu xuẩn, nhưng họ vẫn tiếp tục. Thủ thuật khôn vặt đầu đường xó chợ đánh lừa phái đoàn ngoại quốc để trục lợi, hay để bịp vẫn là thành tích và niềm hãnh diện sáng chói của cộng sản Việt Nam.

Bạn và tôi biết rõ điều kiện vệ sinh của Việt Nam ra sao, cuộc sống chung đụng xô bồ hỗn độn ra sao. Nhiều người còn biết rõ tình trạng khử trùng ở các bệnh viện ở Việt Nam được tuân thủ như thế nào. Tỷ lệ những ca mổ bị nhiễm trùng cao hơn đỉnh cao trí tuệ của họ rất nhiều. Chính vì thế, không có gì quá đáng khi đặt nghi vấn là bức tranh SARS ở SRVN có thể tồi tệ hơn là chúng ta được cho biết rất nhiều.

Bạn và tôi có quyền hồ nghi các con số này. Nhưng chúng ta không có quyền hỏi bạn ạ. Vì sao ? Quyền chất vấn chính phủ đã bị những nhà cách mạng lão thành gói ghém tươm tất để dâng cúng hết cho Đảng mấy mươi năm trước rồi. Mà con quái vật Đảng thì, dù hay khắc ra rồi liếm lại, nó không hề có thói quen nhả ra món tuyệt ngon đã ngọam.

*Trà Bông* (Sydney)

**Tìm đọc Thông luận và nhiều tiết mục khác trên internet :**  
**<http://www.thongluan.org>**

## CỨU TÔI VỚI !

*"Địa chủ là những thằng nào ?*

*Thằng Đinh thằng Chính, thằng Đào Đình Quang".*

Tôi sinh ra và lớn lên với câu hò đó và có lẽ cũng là một câu hát đầu tiên mà tôi thuộc từ lúc còn nhỏ xíu. Đáng ra tôi phải thấm nhuần tư tưởng đấu tranh giai cấp lắm vì mới bé tí mà đã được giáo dục để gọi những bậc cha chú (nhưng là địa chủ) là thằng. Rồi tôi cũng cấp sách tới trường, được đào tạo dưới mái trường xã hội chủ nghĩa, rồi học đại học... Bấy nhiêu năm trời chỉ được giáo dục theo một chiều, theo một lý thuyết, theo một tư tưởng duy nhất.

Vậy mà cái lý thuyết mác xít đó không thể vào đầu tôi được. Có nhiều lý do :

- Vốn là người ham học, ngoài chuyện học tập theo chương trình của nhà trường, tôi thường xuyên tìm hiểu và đọc những sách báo khác luồng.

- Thực tế cuộc sống đã làm tôi hoàn toàn mất tin tưởng vào lý tưởng cộng sản. Chuyện này có thể viết ra thành sách, nhưng không phải mục tiêu của bài viết này.

- Bạn bè là nguyên nhân sâu xa nhất.

Tôi nhiều bạn lắm. Mỗi đứa một vẻ, một hoàn cảnh, nhưng chúng tôi cùng một tư tưởng. Chúng tôi không bao giờ đấu gièm nhau những suy nghĩ của mình và thường xuyên trao đổi với nhau các vấn đề chính trị, tư tưởng, mặc dù những chuyện đó có thể nguy hiểm đến tính mạng trong một chế độ cộng sản hà khắc những năm 70 và 80.

Người có ảnh hưởng nhiều nhất đối với tôi là Tài, một kinh tế gia hơn tôi một vài tuổi. Khi tôi mới lớn và hoàn toàn bị mất phương hướng trong cuộc đời, thì tôi gặp Tài. Chán ghét chế độ đến cực độ, nhưng vẫn phải sống trong chế độ đó, vẫn phải tán tụng nó nữa nên tôi bị rơi vào tình trạng chán đời. Không biết các bạn trẻ bây giờ ra sao, nhưng khi tôi không có lý tưởng thì tôi không thiết sống nữa. Tôi gặp Tài, hai kẻ, tư tưởng giống nhau, nhưng Tài hơn tôi ở chỗ hấn tin tưởng ở sự sụp đổ sắp tới của chủ nghĩa cộng sản và Tài đã truyền được niềm tin đó cho tôi để tôi tiếp tục sống. Tài đã cho tôi đọc rất nhiều sách báo nước ngoài. Khi còn ở trong nước tôi đã có thể đọc được sách báo bằng tiếng nước ngoài.

Người bạn thứ hai mà tôi muốn nói đến là Hoàng, một bác sĩ giỏi. Hoàng có ông anh cũng là bác sĩ thường xuyên xuất ngoại và mang về cho chúng tôi nhiều sách báo tài liệu nước ngoài.

Người bạn thứ ba là Trần Bình, học toán tổng hợp ra và làm nghề tin học. Người bạn thứ tư là Quảng, học ngoại giao ở nước ngoài về.

Tất cả bọn chúng tôi đều chán ghét chế độ đến cực độ và chỉ mong cho nó sụp đổ. Sự chờ đợi của chúng tôi rồi cũng đến hạn hết chịu nổi. Ở lại trong nước thì cũng không thể làm được gì vì họ đàn áp thẳng tay những trí thức có ý định phản kháng. Cuối cùng một số người trong nhóm bạn bè chúng tôi cũng phải tìm đường vượt biên như hàng triệu người khác. Tài là người đi trước sang Hoa Kỳ. Tôi đi sau sang Đức và Hoàng thì sang Pháp.

Khi còn ở trong nước, Tài là một tay rất ngang ngược, rất mong được tranh đấu chống chế độ. Vậy mà khi sang tới Mỹ thì lại thất vọng hoàn toàn. Lý do chính là do sự lố bịch của một số tổ chức chống cộng ở bên Mỹ. Tài không thể nào chấp nhận được những vụ chụp mũ đánh phá lẫn nhau. Ai cũng cho mình là người yêu nước chân chính nhất để được quyền thóa mạ người khác. Từ đó Tài đâm ra chán đời giống như tôi lúc ở trong nước. Cuối cùng, Tài cũng tìm được một giải pháp cho mình là đi học đạo Phật. Vốn là một tay thông minh nên Tài đã mau chóng trở thành một người rất am hiểu và sùng đạo Phật. Mỗi lần gọi điện cho tôi Tài đều cố gắng thuyết phục tôi học đạo và đã gửi cho tôi vô số sách về đạo Phật. Lần nào Tài cũng hỏi tôi là đã đọc quyển nào chưa. Tôi thì cứ kiếm cớ để chưa đọc.

Tôi hoàn toàn không dám chê đạo, nhất là đạo Phật. Một ngày nào đó, nếu phải chọn cho mình một loại đạo, thì chắc chắn đó là đạo Phật. Chẳng có lý do gì khiến tôi không thích đạo Phật. Tôi biết là nó hay lắm, dính vào là mê liền. Nhưng tôi cứ hay tự hỏi đạo nói chung có giúp được cho dân mình trừ được cái họa độc tài cộng sản không? Có một lần tôi viết một bài báo trong đó có câu : "đã có ai, dân tộc nào, từ ngàn đời nay, nhờ có cầu trời cầu Phật mà cứu được dân tộc mình khỏi một thảm họa nào không?". Bài báo đã gây nhiều phản ứng cho rằng nói như vậy về đạo là quá đơn giản là không hiểu gì về đạo. Đúng lắm, tôi chẳng hiểu gì về đạo cả. Nhưng điều tôi muốn nói ở đây và qua thí dụ của người bạn là phải chăng đến với đạo cũng là một giải pháp cá nhân.

Trở lại với những người bạn khác của tôi. Bác sĩ Hoàng sang Pháp học lại và lấy lại được cái bằng bác sĩ của Tây làm ăn cũng khá khá. Lúc đầu Hoàng cũng rất hăng hái trong các hoạt động vì dân chủ cho Việt Nam, nhưng rồi gần đây Hoàng cũng thấy mệt mỏi, tình hình đấu tranh cho dân chủ ở Việt Nam càng khó khăn hơn do chính quyền đàn áp mạnh mẽ hơn. Hoàng xoay ra uống rượu giải sầu cho quê hương và không hoạt động gì nữa. Cuối tuần nào cũng đi nhẩy đầm và uống rượu. Lại một giải pháp cá nhân ?

Năm 2002, tôi có về thăm quê hương và gặp lại tất cả các bạn bè cũ. Thằng nào cũng làm ăn khá khá hơn trước rất nhiều. Nhưng suy nghĩ và hành động của họ đã thay đổi rất nhiều theo trào lưu của xã hội. Nếu ngồi nói xấu chế độ thì chúng nó vẫn cứ là bậc thầy của tôi. Chúng còn khẳng định là chế độ bây giờ còn thối nát hơn nhiều cái ngày mà tôi bỏ nước ra đi. Nhưng về mặt kinh tế thì khá hơn rất nhiều. Điều đó là một thực tế tôi cũng công nhận. Nói như vậy không có nghĩa là Việt Nam mình bây giờ ngon lành cả rồi. Thực tế là chỉ có một bộ phận người dân, đặc biệt là ở các thành phố lớn có làm ăn khá khá hơn trước còn đại bộ phận người dân vẫn còn rất đói khổ vì nhiều chuyện.

Bọn bạn tôi bây giờ đều chung một discours : "Đời mình đã khổ quá vì nhiều chuyện rồi. Bây giờ, nó cho mình "thở" một chút thì mình lợi dụng làm ăn, rồi hưởng thụ". Cứ sau giờ làm việc là rủ nhau đi chơi thể thao, uống bia... Mọi chuyện khác biết vậy, makeno (mặc kệ nó).

Cuộc đấu tranh vì dân chủ hiện nay đang ở một khúc quanh quan trọng. Chế độ cộng sản vừa mở thêm một vụ đàn áp thô bạo nữa với những người dân chủ trong nước. Ngày càng có nhiều người bị xử án nặng nề và bị bắt.

Vấn đề dân chủ trong một xã hội chỉ được đặt ra khi trong xã hội đó bắt đầu hình thành những điều kiện có thể dẫn tới một cuộc đấu tranh hữu hiệu cho dân chủ. Cộng sản hiểu rõ điều này nên sẽ còn làm tất cả để những điều kiện đó không hình thành.

Kiến thức của tôi thì hạn hẹp nên không có tham vọng giải thích nhiều về dân chủ, nhưng tôi có dịp may là đã được sống, học tập và làm việc ở nhiều nước cộng sản (xã hội chủ nghĩa thì đúng hơn) và các nước tư bản. Do vậy, tôi có thể so sánh hai nền dân chủ đó. Tôi hiểu dân chủ một cách đơn giản như tôi đang thấy ở nước mà tôi đang tỵ nạn là : tự do tư tưởng, tự do báo chí ; bầu cử tự do ; đa nguyên.

Những quyền tự do cơ bản này ở các nước phương Tây, người dân đã được hưởng từ lâu lắm rồi. Vậy mà ở nước Việt Nam ta chưa có cả những điều kiện có thể dẫn tới một cuộc đấu tranh hữu hiệu cho dân chủ. Những người dấn thân cho dân chủ thì như "lá mùa thu". Những người ủng hộ cho cuộc đấu tranh này thì như lá mùa đông. Đa số người dân hiện nay đều nói : "thời buổi này không lo làm ăn, mà lại đi đòi dân chủ là dở hơi, điên...". Một số người hiểu được tầm quan trọng của dân chủ thì lại tìm đến một giải pháp cá nhân. Đây rõ ràng là biểu hiện của ý thức con người ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc đấu tranh dân chủ.

Tôi hoàn toàn không dám chê bai ai cả trong việc lựa chọn lối sống của mình. Tự do mà. Nhưng tôi chỉ đưa ra một nhận định là ở ta chưa có các điều kiện để dẫn tới một cuộc đấu tranh hữu hiệu cho dân chủ và nguyên nhân chính chưa chắc đã phải là sự đàn áp của chế độ. Bản thân tôi cho đến nay, cũng chẳng làm được gì to tát cả, nhưng ít ra, tôi không quên các chiến sĩ dân chủ, tìm mọi cách để đóng góp một phần nhỏ bé của mình vào công cuộc đấu tranh này.

Tuy vậy, sự lựa chọn lối sống của số đông cũng không khỏi làm tôi băn khoăn. Ngay cả ở hải ngoại này tìm được người muốn tranh đấu cho dân chủ ở Việt Nam cũng không phải dễ. Đa số cũng an phận, thờ ơ với đất nước. Tôi đang băn khoăn lắm giữa ba con đường :

1. Tiếp tục đóng góp cho cuộc đấu tranh vì dân chủ cho Việt Nam. Hơi bị mệt.

2. Đổi hẳn cách suy nghĩ : dân chủ là không cần thiết cho Việt Nam lúc này. Tức là suy nghĩ theo số đông người Việt Nam. Biết đâu họ lại có lý hơn tôi.

3. Chọn một giải pháp cá nhân. Cách này có vẻ ngon lành đây. Nhào dzô.

Tôi viết bài viết này vào ngày 1-1-2003. Như thường lệ, điện thoại réo liên tục, khi đang viết những dòng cuối cùng này thì ông bạn đạo Phật của tôi gọi từ Mỹ sang chúc Tết và nói luôn một hồi hơn một giờ về đạo Phật và hỏi tôi xem đã đọc sách về đạo Phật chưa. Tôi đang suy nghĩ lung tung quá. Tôi bị giằng xé mảnh liệt lắm. Thú thật tôi đang mất ăn mất ngủ về chuyện này.

**CÚC TÔI VỚI !**

*Wang Sĩ (Paris)*

Tản mạn

## Ca khúc chiến thắng ?

*Bưu Sao*

O say, can you see ? "Này, đã thấy ta chưa ?", "M'as-tu vu ?", một lối dịch bài quốc ca Hoa Kỳ theo kiểu nói khích của người Pháp diễn tả cái nghịch ý chống Hoa Kỳ nhân trận chiến Iraq.

Ngay tại xứ Mỹ, lắm người cũng dùng kiểu dịch này, một lối dịch của hạng dân tứ chiếng. Thật ra, ai không là dân tứ chiếng khi đến xin cư ngụ trên đất Mỹ ? Khi đến, họ nài nỉ, van xin được "chọn nơi này làm quê hương". Nhưng sau khi được chấp nhận, họ lại "lên nước", làm tàng, tự mãn... và ới ới đòi hỏi được quyền lợi. Sự đời là thế. Xét dưới khía cạnh tâm lý, mọi công dân Mỹ đều áp ủ hai tâm trạng của hai cái "tôi" trong lòng mình, hai cái tôi đối nghịch : một đảng là tư thế công dân Mỹ quyền năng vô hạn, đảng kia là dư tích quê nghèo mặt vắn còn đeo đẳng bên lưng, bám chặt vào người như một quả cân nặng trĩu. Đến khi nặng quá chịu hết nổi nó sẽ bung ra thành những lời dè bủ, châm chọc, chỉ trích, khi sai, khi đúng, khi quá thể, tùy cái uất khí còn chứa chất trong mình. Cái uất khí này nếu không được khéo điều vận quản lý, nó sẽ phát nổ như một quả mìn. Có bao trường hợp đã xảy ra như tại Oklahoma City dạo nọ. Cho hay Hoa Kỳ là một quốc gia đầy quyền năng, đầy mâu thuẫn và cũng đầy những mầm mống phản trắc.

Trước tiên xét về tư thế, quyền năng mà mọi công dân Mỹ đều có thể lấy làm tự hào, đắc chí. Là công dân Mỹ, tôi được Hiến Pháp bảo vệ, với 26 điều luật tu chính khiến tôi hầu như được toàn quyền hành động như ý muốn : tôi có thể đem lá cờ hoa ra đốt, tôi có thể đưa vị tổng thống đương nhiệm ra hỏi tội. Thế cái bí quyết của quyền năng kể như vô hạn của người Mỹ nằm ở đâu ? Thưa, nó nằm ở trong khả năng hội vận bè nhóm (lobbying). Khả năng hội vận của cộng đồng Do Thái đã có đủ sức mạnh để khiến chính phủ Hoa Kỳ phải dùng một cân hai lượng trong vụ giải quyết vấn đề tranh chấp với Palestine. Khả năng hội vận của cộng đồng người Việt tị nạn thuộc hai quận Garden Grove và Westminster đã gây được áp lực trên hội đồng thành phố hai quận này khiến họ phải chấp nhận lá cờ quốc gia Việt Nam làm lá cờ chính thức của người Việt, mặc nhiên phế chỉ lá cờ đỏ sao vàng của chính quyền cộng sản, bất chấp quy tắc quốc tế công pháp.

Nhưng xin hỏi : quốc tế công pháp là cái gì đứng trước quyền tự do áp đặt của Hoa Kỳ ? Tại xứ này, quyền tự do không phải là một khái niệm trừu tượng, quyền tự do tại Mỹ là quyền đặt trước sự đã rồi, là thực trạng được khắc phục bằng tranh đấu, bằng thách thức. Chắc mọi người vẫn còn nhớ vụ sứ quán cộng sản Việt Nam dùng Trần Trường để thách thức cộng đồng người Việt tị nạn tại Quận Cam chứ ? Nếu vào thời ấy cộng đồng người Việt bị chia năm xẻ bảy thì có lẽ bây giờ lá cờ máu đã được giương cao phát phới trên các tòa nhà rồi đấy ! Còn người đứng tiểu tiện

trước bàn thờ Quốc Tổ Hùng Vương tại Washington bị đánh chết mà không xảy ra vụ kiện nào cả là do ai, nếu không là do sức mạnh của hội vận Cộng Đồng người Việt tị nạn ?

Ông Alexis de Tocqueville ca ngợi tinh thần thượng tôn dân chủ, tự do tại Mỹ, nhưng ông ta cũng thừa biết : tại xứ này, dân chủ, tự do, kể cả vấn đề công lý và công bằng xã hội chỉ là vấn đề quân bình đối trọng giữa các khối hội vận trên chính trường mà thôi. Tại đây, quyền hội vận có khả năng gây tác động trên công lý, hoặc sửa sai công lý. Vị giáo sư Edward Said, người Mỹ gốc Palestine, có đưa ra nhiều thí dụ. Nhưng nước Mỹ không phải chỉ có thế.

Như ông Edward Said, người viết này cũng là công dân Mỹ, cũng thuộc hạng người dân tứ chiếng đến xin cư ngụ. Nhưng một điều khác ông Edward Said : tuy là dân gốc Việt, tôi muốn đứng vào cương vị một người Mỹ chính cống, nghĩa là loại người Mỹ bất chấp gốc gác của mình, loại người Mỹ vừa vỗ ngực tự hào, vừa ra mặt chống đối, loại người không có lưỡi gổ, thoải mái dùng cái "lưỡi không xương" để lác léo nguy hiểm về mọi giá trị luân thường đạo lý do nền văn minh gọi là của người Âu phương mang lại.

Cái chất Mỹ chính cống là gì ? Chất Mỹ chính cống là một tập hợp lẫn lộn tác phong nghiêm nghị và cách thức lỗ mãng, cốt cách đạo đức và bản tính lằng loàn : đấy là tác phong người công dân *Xứ Hoa Kỳ Muôn Mặt*, như tiêu đề một cuốn kim chỉ nam cho người mới đến. Trên xứ Mỹ này, tôi không ý niệm được tự do, bình đẳng, tình người như những khái niệm trừu tượng : tự do, bình đẳng, tình người ở đây là những hiện thực - tự nhiên có, được sửa soạn có - những hiện thực mà các luật sư đem dùng sau khi được cải dạng để nguy bác hầu thắng cuộc : đấy là trường hợp O.J. Simpson mà mọi người còn nhớ.

Nước Mỹ cổ xúy hai loại công bằng : một bên là công bằng dân sự, một công bằng rất tử mỉ, vụn vặt, và bên kia là loại công bằng chính sự, với bản chất hoạt đầu, tùy cơ, tùy tiện. Trên hơn 16 năm bị nhào nặn trong cái cối xay nhân chủng này, tôi đã khám phá được loại công bằng đó. Thế nhưng mà tự do, bình đẳng, tình người, vốn là sản phẩm quốc nội, một khi được kỹ nghệ hóa để xuất cảng, lại biến thành những ý niệm trừu tượng, những phạm trù triết lý, đấy là những ý niệm tự do, bình đẳng, tình người mà tôi đã thấy qua 20 năm tha phương cầu thực trên đất Pháp. Công bằng dân sự một đảng, công bằng chính sự một nẻo. Một cân, hai lượng. Hiện trạng thay hình đổi dạng này, người Việt quốc nội cũng đã bao phen trần trở vì nó.

Kế hoạch Hoa Kỳ "giải phóng" Việt Nam, hồi năm 1972 đã được đem trả giá tại Bắc Kinh giữa hai cụ Richard Nixon và Mao Zénh Záng vào năm 1973, được ngấm ngấm thực hiện trong các vụ đi đêm giữa Kissinger và Lê Đức Thọ. Thành quả là từ 27 năm qua Việt Nam đã được "giải phóng" trong kèm kẹp, với những món quà độc lập, tự do, hạnh phúc : những giá trị được chinh phục trong các cuộc cách mạng Tây Phương gửi đến Việt Nam đã biến thành những chiếc bánh vẽ ! Thế là xong phần việc, Hoa Kỳ phải tay ra đi : một cơ hội "giải phóng" thật sự đã bị đánh mất.

Phải, mất thật đấy, nhưng đâu có mất cho tất cả mọi người ? 58.000 người lính Mỹ đã thí mạng để giải phóng 150.000 người Việt ! Không đúng hẳn thế ! Vì có đến 420.000 người Việt được giải phóng khỏi hỏa ngục cộng sản cơ ! Đây xem : 150.000 người được trục thăng và tàu bè Mỹ ra tay cứu vớt vào ngày 30 tháng tư năm 1975. Sau đó từ 1976 đến 1987 đã có đến 270.000 người tìm đường tự cứu, trong số này 150.000 đã vùi mình dưới đáy biển, số 120.000 người còn lại đã cập bến tự do. Vị chi là đến 270.000 người đã thoát nạn cộng sản - còn sống. Số 270.000 người này, gần 30 năm sau, xứ Mỹ đã có một cộng đồng người Việt tị nạn trên hai triệu người. Bây giờ đã hoàn toàn hội nhập, trên hai triệu người người Mỹ gốc Việt đã cung cấp cho địa phương ngót một triệu nhân công rẻ tiền, cần cù, cật lực, với trên 400.000 chuyên viên thượng thặng trong nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa.

Rốt cuộc, nhờ sự hy sinh mạng sống của 58.000 GI, nước Mỹ đã tạo ra trên hai triệu người Việt Nam sung sướng. Số người Việt sung sướng này, trong cuộc đại viễn du lịch sử, nay đang gởi về quê mẹ mỗi năm cũng tính đến ngót ba tỷ đô la tiền mặt, tức là vào khoảng 1/3 GDP. Số tiền khổng lồ này đã được chuyển về nước để gọi là bù đắp sự thua thiệt của các bà con bị kẹt lại. Trong hiện thực là để nuôi dưỡng cái chế độ mà họ đã bán mạng chạy trốn : một tình trạng vô cùng ngang trái mà ai cũng am tường nhưng vẫn bó tay cho bà con bên ấy chịu trận. Tại sao ? Tại vì số phận của nước Việt Nam thật ra đang được mặc cả giữa hai cụ Bush và Wen Jiabao. Chính quyền cộng sản Việt Nam chỉ là con chốt trên bàn cờ mà thôi.

Đạo luật Vanik vốn cấm mọi liên hệ buôn bán giữa người Mỹ và quân thù nay đã được sự "công bằng chính sự" phé chỉ để Hoa Kỳ có thể bình thường hóa liên hệ ngoại giao với cựu thù địch là chính quyền cộng sản Việt Nam. Cái chế độ mà trước kia Hoa Kỳ đã tốn bao nhiêu công, hao bao nhiêu của, thiệt bao nhiêu nhân mạng để triệt phá, thì nay lại được Hoa Kỳ bảo vệ và nuôi dưỡng, chỉ do sự đòi hỏi của quyền lợi kinh tế Hoa Kỳ mà thôi. Đây là một bài học chính trị cho mọi quốc gia về óc thực dụng của người Mỹ trong công cuộc giải phóng các dân tộc bị bách bức.

Việc bình thường hóa giao thương với quốc gia cựu địch này đã gia giảm hay gia tăng sự hối hận của người Mỹ đối với Việt Nam ? Thưa vấn đề gia giảm hay gia tăng hối hận là vấn đề lương tâm. Nhưng làm sao có được lương tâm khi làm chính trị ? Tại đây chỉ nên nói đến khía cạnh tàn nhẫn của một chính sách ma giáo mà thôi. Và giờ đây, liệu chính sách Hoa Kỳ về hậu trạng chính trường Iraq sẽ khác đi chăng, chính sách này cũng dựa vào chiêu bài tranh đấu cho quyền tự do, quyền làm người, quyền dân chủ ?

Chiều ngày 9 tháng 4 năm 2003, cảnh người dân thành phố Baghdad nhờ quân đội Mỹ giúp đập đổ được bức tượng Saddam Hussein cao 10 mét tại công trường Al-Ferdaous ngay trung tâm thành phố khiến tôi nghĩ đến tượng ông Hồ Chí Minh từ 45 năm nay vẫn còn đó, trên công trường Ba Đình Hà Nội. Việt Nam và Iraq : hai nước cùng chung một số phận, dưới quyền sinh sát của hai đảng Baath và Cộng

Sản. Nhưng chỉ khác một điều là các sự việc lệ thuộc những điều kiện kinh tế khác nhau, khiến Hoa Kỳ phải dùng một cân, hai lượng trong công cuộc tranh đấu cho quyền tự do, quyền làm người, *quyền dân chủ*.

Vào năm 1960, trong hai tháng được đến thăm nước Mỹ, cảm tưởng đầu tiên của tôi là như được vào cảnh thiên cung trên trần thế. Bây giờ, sau 16 năm cư ngụ, bức họa tuyệt vời này đã dần dần được tô lại. Xứ Cờ Hoa vẫn còn là nơi quyến rũ thuộc lớp người Mỹ da trắng. Tôi vốn xem người Mỹ trắng như là loại người trầm lặng, đạo đức, có văn hóa cao, đầy ắp tình người, làm rạng danh xứ Mỹ. Cảm nhận này vẫn còn có phần đúng. Nhưng khi dần dà len lỏi vào cõi xay, chảo trộn này thì những loại cỏ đắng chen vào. Nếu không tậu được một mái nhà trong khu vực an ninh thì mối liên hệ giữa người và tha nhân chóng trở thành căng thẳng, nhứt nhối.

Trên đường xe chạy trong lối xóm, khi phải giáp mặt bọn trẻ nít số đông gốc Phi thì nên "tránh voi đi, chẳng xấu mặt nào" ! Chúng trò chuyện ngay giữa đường, bắt chập làn xe qua lại ; hôm nọ chúng còn vất cả cặp sách ngay giữa trục lộ để bắt người lái xe phải tránh chọi ! Nếu không tránh thì ắt sẽ có chuyện. Lại còn những chú lái xe không quen dùng đèn báo hiệu ! Đi đến đàng kia lại gặp phải hai chiếc xe dừng ngay trên mặt đường, song song chiếm hẳn hai làn xe, hai chú tài đang bàn chuyện, bắt chập luật lệ. Tốt hơn là lách nhanh xe sang làn trái, quẹo gấp lại và... chào thua cú thẳng, nếu còn muốn bảo mạng.

Còn nói về cái *quality of life*, bạn có thể vui hưởng được nếu bạn có khả năng tậu nhà trong khu an toàn dành cho người có của. Ở đây bạn sẽ được thành quách che chở, lối vào có hệ thống điện tử kiểm soát chặt chẽ. Cũng may, từ mấy năm qua, những khu nhà được thành quách che chở không còn là nơi dành riêng cho hạng dân Trắng-Âu-Đạo (WASP) nữa. Bạn chỉ cần có được mức lương 70.000 USD/năm trở lên thì bắt chập gốc gác, đen trắng vàng, cà phê sữa, dân màu nào cũng có thể chen vào đấy được. Chính nơi này mới có thể tìm thấy những tinh hoa của dân Mỹ chính cống : văn hóa cao, căn bản đạo đức, đầy ắp tình người. Tổng thống G.W. Bush chắc đã dựa vào các chốn này để bảo vệ tình quê hương mặn mà, để vang lên ca khúc tự do, để hát bài *God Bless America* trong chiến dịch chống Saddam quỷ dữ.

Những chốn cư dân đặc biệt này như là áp chiến lược trên đất Mỹ. Có lúc tôi tự hỏi : phải chăng những chốn này được tạo ra nhằm bảo tồn được sắc thái văn hóa đặc thù của xứ Mỹ này ? Thế giới sử quan đáp lại : thưa rằng không một nước nào có thể đi ngược lại tiến trình lịch sử. Hoa Kỳ vào đầu thiên kỷ thứ ba không còn là Hoa Kỳ của hai thế chiến trước đây nữa. Bây giờ xứ Cờ Hoa không còn là của người "Mỹ trắng". Nó đã dần dần hóa thành thế giới Babel, một thế giới đại đồng đa văn hóa. Cứ xem : sắc dân Xi nay đã vượt quá dân số sắc dân Anh-Xác rồi, lại vượt luôn cả dân số người da đen nữa. Nay hai sắc dân Xi và Á-Mỹ da vàng đang tranh nhau trong sinh hoạt văn hóa, trong lĩnh vực sinh tồn. Nơi giới công chức Liên Bang nay đã lộ diện những thống đốc da vàng, những quan tòa da

đen, những chuyên viên đủ mọi màu sắc chủng tộc. Nay lại còn phải tính chuyện với số người nhập cư bất hợp pháp nữa.

Biên giới Hoa Kỳ là một chiếc rây người trong hoạt cảnh "lọt ăn, không lọt đèn" với người dân xông đến từ những chốn buông tuồng man dại. Rồi đây nạn kỳ thị không còn là chủng tộc nữa, nó sẽ biến thành một loại kỳ thị nguy hại hơn : kỳ thị giàu nghèo. Nhưng còn có cơ may: cuộc cách mạng tin học đã thiết lập một trật tự xã hội mới, khiến giấc mơ Hoa Kỳ có thể trong tầm tay của mọi người. Chỉ cần có một khối óc bình thường, hay một cơ bắp chắc, vững, thì muốn gì chả được ! Trong giới bàn dân, nếu muốn nhà cao, cửa rộng thì cả gia đình cứ việc ra tay tìm một, hai, ba job. Hoa Kỳ là xứ của những người tự do và dũng cảm, *the land of the free, and the home of the brave*, như bài quốc ca đã tuyên cáo. Chỉ những loại người lười biếng hay vô học mới chịu cảnh thua thiệt mà thôi. Chính số người này đã làm hoen ố hình tượng của xứ Cờ Hoa này.

Hình tượng xứ Cờ Hoa có muôn màu, muôn mặt, nên cũng cần được sửa chữa đôi chút. Tại đây có rất nhiều chốn thờ phụng, nhưng cũng lắm tà đạo, môn phái lẫn lộn với hội đen, hội đỏ. Một vài giáo phái chuyên môn đến gõ cửa từng nhà, rao truyền chân lý, với nhiệm vụ loan báo các hiện tượng xa tăn, quỷ dữ. Nhằm lúc đang xảy ra các vụ khủng bố kinh hồn của các nhóm quá khích, họ cảnh báo trên chính trường hình tượng xa tăn, quỷ dữ xuất hiện dưới các khuôn mặt Bin Laden, Saddam Hussein đang chủ trương tàn sát hàng nghìn nhân mạng.

Là một quốc gia siêu cường, Hoa Kỳ mang nhiệm vụ bảo vệ thế giới đã áp dụng nguyên tắc ăn miếng trả miếng, bất chấp đạo lý luân thường. Ba nghìn người chết trong vụ tấn công Twin Tower đã được đáp lại bằng ba nghìn tù binh Taliban chết trong sa mạc Dasht-Leili (miền bắc Afghanistan), nêu lên một vấn nạn cho lương tâm thế giới.

Trong việc quản trị thế giới, Hoa Kỳ đòi hỏi nhiều đặc quyền đặc miễn về luật pháp. Trước tiên là quyền đặc miễn ngoại giao cho quân đội trong các cuộc hành quân tại nước ngoài. Rồi Hoa Kỳ còn yêu sách quyền đặc miễn trước tòa án quốc tế về các tội phạm chiến tranh, luôn cả về danh xưng tội ác chống nhân loại. Giờ đây, nhận thấy sức mạnh siêu cường của mình, Hoa Kỳ đã bất chấp quyết định của Liên Hiệp Quốc trước vấn đề Iraq, đã tự lãnh lấy trách nhiệm khai chiến.

Trên thực tế, Liên Hiệp quốc là một tập hợp 160 quốc gia không chung một quyền lợi nào để có một nền tảng hợp nhất, trong khi đó Hoa Kỳ là một tập hợp 50 tiểu bang cùng chung một quyền lợi, một ý hướng. Thật ra, làm sao có được những quyền lợi chung cho tất cả mọi quốc gia trên thế giới, trong khi của cải trong tay các nước giàu là thành quả sự bóc lột các nước nghèo ?

Một quy luật tự nhiên vừa bất công vừa tàn nhẫn, thô bạo đã được đặt thành nền móng của nền kinh tế toàn cầu hóa, đặt dưới quyền quản lý của siêu cường quốc Hoa Kỳ. Nắm trong tay vận mệnh của thế giới, Hoa Kỳ bàn soạn, quyết định và ban bố tùy theo những tiêu chuẩn của riêng

mình. Thế giới cứ việc phản kháng, Hoa Kỳ lên tiếng thanh minh : các người chưa thấy được sao? Nếu không có chúng tôi thì các người sẽ làm được gì ? Thi sĩ Howard Schaubert đã viết *Ca Khúc Tự Do* để trả lời.

Thơ rằng:

*Ta đây lá cờ : lá cờ Mỹ quốc.*

*Tên ta là Vinh quang muôn thuở, ta phát phối tốt đỉnh mọi cao tăng.*

*Uy lực ta ngự trị trên dương thế. Nhìn ta đây !*

*Ta biểu tượng cho an ninh, danh dự. Ta bày tỏ công bình và tự do.*

*Ta tự tin, ta tự hào, ta ngạo nghễ, không cúi mình trước bất cứ một ai.*

*Dù được kính nể, được chào đón, được trân trọng, hay bị ghét bỏ !*

*Vốn đã từng bị trét bùn, bị đốt, bị chà đạp trên công lộ, ngay trong nước.*

*Từ hai trăm năm qua ta đứng vững, ta có mặt trên hết mọi chiến trường :*

*Từ bãi cát Normandie đến hầm núp vùng Beauce.*

*Tại Guam, Okinawa, Cao Ly, Khe Sanh. Việt Nam không lấy ta làm xa lạ.*

*Đi trước đoàn binh, ta dơ bản, ta mệt lử, ta khốn cực.*

*Từng đã bị xé từng mảnh làm băng cứu thương ;*

*Ta bao bọc xác binh hùng tử chiến, người quả phụ tay run rẩy đón nhận ta.*

*Được binh sĩ quý trọng, ta kiêu hãnh.*

*Bị quân thù truy diệt, ta tất thắng.*

*Ta đây biểu hiệu độc lập, tự do, công chính cho mọi người.*

*Bưu Sao (Orlando)*

### *Nguyệt san* **THÔNG LUẬN**

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số

(tháng 7 & 8 chỉ ra một số)

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

**Tại Pháp** : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Giá một năm báo là 33 Euros. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité*.

**Tại Đức** : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Giá một năm báo là 33 Euros. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Konto nr : 00 77 70 82 94 - Bankleitzahl : 50 19 00 00.

**Tại Hòa Lan** : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Giá một năm báo là 33 Euros. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

**Tại Hoa Kỳ** : Thong Luan, P.O. Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 40 USD. Ngân phiếu xin đề : *Quan My Lan*. E-mail : qml@juno.com

**Tại Úc** : Sơn Dương, 36 Clarence Street, Condell Park, NSW 2200. Giá báo một năm là 60 AUD. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (Báo Thông Luận).

## Nghĩ gì qua một lối nói ?

*Phước Thịnh*

Đứa cháu gái đưa cho tôi xem một bài báo cháu in ra từ trang internet, và nói : "Ông xem này, tên Chirac bắt tay tên Mugabe !".

Tôi ngạc nhiên hỏi cháu sao lại gọi người ta là tên họ tên kia. Đứa cháu trả lời gọn lỏn : "Tên cũng như là *Mister* thôi mà, ông !".

À ! Thế là rầy rà rồi đây! Cháu tôi đang học tiếng Việt, và áp dụng rất chính một từ chỉ loại danh đứng trước một tên riêng chỉ người. Chính quá. Nhưng lại không đúng với cách nói của tiếng Việt của người có văn hóa mới.

Chẳng là cháu học từ một bản tin trên một trang báo điện tử nói về vụ án "tên Lê Chí Quang". Mỗi lần liếc mắt qua trang báo nọ, tôi lại không kìm được nổi bực mình. Khi đọc bản tin, nhà tôi hỏi : tên Lê Chí Quang này là ai thế? Chắc phải là một tên tội phạm nguy hiểm lắm, đáng để xã hội phải xa lánh ? Nhưng khi xem chi tiết vụ án thì mới hay là chàng thanh niên bị xử phạt bốn năm tù vì "tội" phổ biến đôi ba bài viết. Tôi cho là người viết báo nói trên đã dùng một thứ tiếng Việt rất lạch hậu khi viết một bản tin có những tên họ tên kia như thế.

Trong tiếng Việt, mỗi khi chúng ta nói về một người, tùy theo cương vị, tùy theo cách đối đãi, chúng ta có thể dùng nhiều tiếng chỉ định khác nhau đi trước danh từ chỉ người mình muốn nói đến : đức, ông/bà, anh/chị, tên,... Thông thường, người Việt mình vẫn nói : ông Trương Vĩnh Ký, anh chủ nhà, bà huyện Thanh Quan... Những lối nói trên đều theo một cấu trúc như nhau : loại danh + biệt danh. Thì chúng ta vẫn nói : Đức Phật, Đấng toàn linh, ông Trương Vĩnh Ký, tên Lê Văn Đố, gã công an... Khi quan tòa gọi "tên Lê Chí Quang" ra đối chất, chắc anh ta cũng bị nhìn như là một thứ "tên Lê Văn Đố" gồm ghiếc trong tiểu thuyết *Ngọn cỏ gió đùa* của Hồ Biểu Chánh...

Mỗi lối xưng hô như thế đều mang sắc đặc biệt của lối nói Việt Nam : trước hết, xưng hô với nhau như trong một gia đình, trong đó mỗi người có một cương vị trong một tập thể gắn gũi ; sau nữa là người ta đối đãi nhau qua những thái độ lượng giá hoặc phán định lẫn nhau, từ đó lời xưng hô với nhau hàm chứa sự tôn kính, sự thân thiện, hay sự khinh rẻ, miệt thị... Đây là hai mặt tích cực và tiêu cực của lối nói Việt Nam trong truyền thống. Mà trong trường hợp này thì truyền thống chưa hẳn đã là hay.

Ai cũng biết rõ mười mười là trước khi đổi mới, trong thời kì Việt Nam còn trung thành với lí tưởng cộng sản, nhà cầm quyền và báo chí truyền thông rất chuộng lối nói "chuyên chính giai cấp", nghĩa là phân biệt địch/ta, bạn/ thù rất triệt để. Ta là tốt đẹp, còn địch thì tồi tệ. Ngày nay chúng ta vẫn còn có thể nhậ ra dễ dàng những dấu vết của thái độ phân biệt đối xử như thế trong ngôn ngữ hằng ngày: Một người cầm súng chiến đấu của "ta" thì được gọi bằng cái tên trù mến là "bộ đội", nếu ở phe đối lập thì chỉ đáng gọi là "lính", mà còn tệ hơn thế, "lính Mỹ nguy".

Sự kì thị, thái độ chà đạp nhân vị thật là trắng trợn và

đáng ghi vào sử sách của thái độ phân biệt đối xử, của chủ nghĩa kì thị. Người ta chỉ gọi nhau là nguy khi thù oán nhau đến xương tủy, như Gia Long đã trút hận lên triều Tây Sơn khi ông gọi họ là nguy Tây. Chẳng lẽ người cộng sản Việt Nam thù hận người đồng bào Việt Nam đến thế ư ?

Lối nói nặng tính cách phân biệt, nặng phần cảm tính thường vẫn được sử dụng trong ngôn ngữ hằng ngày. Nhưng khi nó được dùng làm một thứ công cụ cho cuộc đấu tranh xã hội thì những kiểu nói nặng màu sắc kì thị trở thành một "vấn đề" trong thời đất nước cần mở cửa đón gió dân chủ đấy.

Có người sẽ cho rằng đó là chuyện quá khứ. Ngày nay, nhà nước cộng sản Việt Nam đã bắt tay giao hảo với Mỹ rồi, còn đâu là kẻ thù để mà "chuyên chính giai cấp" nữa! Cũng mong là như thế, nhưng thực tế dường như không phải như vậy. Có thể là Đảng "ta" buông bỏ những tư tưởng chủ yếu của chuyên chính giai cấp để bắt tay với kẻ thù cũ đấy. Nhưng đảng "ta" vẫn giữ nguyên những biện pháp chuyên chế bạo lực để trừng trị những kẻ nào dám trái ý với nhà nước "ta". Kẻ nào rơi vào trường hợp như thế sẽ bị thẳng tay đẩy về phía kẻ thù (cũ), và bị hành hạ, bị đày đọa, bị tước bỏ nhân vị (nghĩa là quyền làm người đúng nghĩa), bị đẩy xuống một chỗ rất thấp trong các nấc thang giá trị làm người.

Lê Chí Quang là trường hợp như thế đấy. Đây là một thanh niên trưởng thành trong xã hội cộng sản, nhưng chỉ vì muốn học kịp đà tiến của tư trào dân chủ phương tây nên đã tìm đọc và phổ biến một tài liệu về dân chủ. Lòng thiết tha với đất nước đã dẫn anh đến một bản án tù, và bị nhà nước «ta» gọi tên mình như thế đấy.

Hãy dừng lại một chút để nhìn lại những ý nghĩa của lối nói như thế. Trước hết, khi người ta gọi "tên Lê Chí Quang", người ta chỉ còn xem anh như một cái tên, một thứ đồ vật vô tri. Lê Chí Quang đã bị hạ xuống khỏi thang giá trị làm người trong cái xã hội mà anh ta yêu thương và muốn nó tiến bộ theo kịp người về sự tôn trọng quyền con người. Thế là khiêu khích chế độ của đảng "ta" rồi !

Chỉ có thể hiểu như thế mới cắt nghĩa được tại sao anh ta bị gọi là "tên Lê Chí Quang" sắc mùi kì thị. Anh bị tước bỏ hết, chỉ còn là một thứ đồ vật không hồn, và chỉ còn lại một cái tên : tên Lê Chí Quang. Chẳng còn gì khác ngoài một thân phận bị giản lược xuống chỉ còn là một cái tên, không phải một con người với đầy đủ quyền con người của anh ta nữa. Nhưng mà anh ta không phải chỉ là một cái tên trống rỗng, một đồ vật vô hồn.

Quái ! Cặm cụi dịch một bài báo ra tiếng Việt rồi phổ biến trên mạng lưới điện tử thì có tội gì nhỉ ? Trong khi xã hội đang lao vào cuộc đua tiền bạc và danh lợi thì anh thanh niên kia lại làm việc ngược đời là lao động trí óc không công, chắc cũng chỉ nghĩ là góp thêm một chút công lao nhỏ nhoi vào sự nghiệp tiến bộ của đất nước. Thế mà bị ghép tội phạt tù !

Giá mà anh cũng biết làm như những quan chức mang chức danh nghiên cứu chỉ mải xoay xử dự án này, chương trình nọ để xoay tiền nhà nước, thì có phải sung sướng hơn không ! Là tôi muốn nói tới chuyện báo chí hải ngoại có



## **Đại Hội Truyền Thông Việt Nam Hải Ngoại Kỳ 1**

*Quản Mỹ Lan*

đăng tin một nhóm chín mươi quan viên sĩ và tiến sĩ ở Hà Nội đang thực hiện một dự án nghiên cứu về "hai mươi năm văn học miền Nam" trị giá hàng chục triệu đồng. Mỗi ngài sẽ chia nhau chừng bạc triệu để viết quá quắt một bài tổng luận - mà chưa đọc thì ta cũng biết sơ sơ lối nhìn nhận và đánh giá của các quan sẽ như thế nào ! (Cái thông báo về chuyện nghiên cứu kia còn "chương" ở một chi tiết nhỏ nữa, là các quan kêu gọi nhà văn hải ngoại gửi sách báo về để các quan đọc. Chắc là các quan nghĩ sách văn học ở ngoài này đều là sách thực dân Mĩ in phát không !). Trong khi người có chữ nghĩa người ta làm ăn như thế mà "tên" Lê Chí Quang lại không biết noi theo gương cha chú anh ta !

Nhưng sẽ là không phải nếu tôi chê trách tiếng Việt là nó thiên nặng cảm tính, là nó nặng tính cách kì thị. Không, ngôn ngữ chỉ là một công cụ diễn đạt tư duy của con người mà thôi.

Người ta suy nghĩ thế nào thì dùng lối nói như thế. Nếu người cầm quyền biết tôn trọng quyền con người thì họ đã không bao giờ gọi một con người - cho dù đó là một bi can kiểu như Lê Chí Quang - bằng lối nói xé rách mé hoặc khinh miệt tên họ tên kia như thế.

Trong một xã hội tiến bộ, nhà cầm quyền có trách vụ bảo vệ và phát huy quyền con người. Mọi người công dân có trách nhiệm đều phải tự nhận nghĩa vụ góp phần thúc đẩy sinh hoạt các mặt trong xã hội được phát triển, như Lê Chí Quang đã cố gắng làm trong khả năng và kiến thức của mình. Một nhà cầm quyền xứng đáng không bao giờ có thể đàn áp một công dân như thế bằng những thái độ bất xứng trong một kỉ nguyên thế giới mà dân chủ là một thứ giá trị không thể đem hạ giá và bán rẻ được chứ đừng nói gì là thủ tiêu trắng trợn như nhà nước Việt Nam đang đối xử đối với những người dân chủ trong nước hiện nay.

Không hiểu được thời thế, nhà cầm quyền hiện tại đã tự xếp đặt chỗ của mình bên cạnh những chế độ độc tài, chà đạp quyền con người tồi tệ nhất trong lịch sử hiện đại. Chính là lối xưng hô với một bi can như Lê Chí Quang đã tố cáo thái độ khinh thị con người nghiêm trọng của những người đứng ở vai trò xử án người trẻ tuổi ấy.

Ngày hôm nay, thế hệ trẻ Việt Nam ở trong nước cũng như tại hải ngoại đang ra sức học tập dân chủ. Những thái độ phân biệt đối xử với nhau trong lễ thói ứng xử cần được chế ngự để không cản trở phong cách ứng xử dân chủ.

Con người cần phải được nhìn nhận là thứ vốn quý nhất của một quốc gia. Khinh miệt, kì thị con người thì nhà cầm quyền sống và làm việc với ai, và cho ai ?

Thiết tưởng tiếng Việt thông dụng hoặc trong pháp lí đều không nên dung dưỡng những kiểu nói sắc mùi phong kiến, miệt thị con người như kiểu "tên Lê Chí Quang".

Ngày nay, truyền thống cần phải được gạt đục khơi trong. Những nét tiêu cực trong lối nói Việt Nam có lẽ cần phải được đem ra mổ xẻ để tiếng Việt có thể được tiến kịp theo nhịp tiến bộ của thế giới dân chủ. Nói một cách cụ thể thì tiếng Việt phải dứt khoát trút bỏ những lối nói khinh miệt hoặc hạ giá con người.

*Phước Tịnh (London)*

Đại Hội Truyền Thông Việt Nam tại Hải Ngoại kỳ thứ nhất được Hội Ký giả Việt Nam Hải Ngoại, phối hợp với các cơ quan truyền thông Việt ngữ, tổ chức tại Little Saigon, Orange County, Nam California, Hoa Kỳ, trong ba ngày, từ 18 đến 20-4-2003. Đại Hội được khai mạc và bế mạc tại tòa soạn nhật báo *Người Việt*, số 14771 Moran Street, thành phố Westminster. Phần thảo luận được tổ chức tại hội trường nhà hàng Regent West, số 4717 W. First Street, thành phố Santa Ana.

Được mời tham dự là những người hoạt động chuyên nghiệp trong ngành truyền thông tại miền Nam Việt Nam trước kia và tại hải ngoại sau 1975. Họ đến từ khắp nơi : Nhật Bản, Ba Lan, Đức, Pháp và đông nhất là tại Hoa Kỳ, với sự hiện diện của đại diện các tờ báo lớn tại miền Đông (Washington, Virginia), miền Đông Nam (Houston, Dallas), miền Tây Bắc (Seattle) và hai vùng Nam Bắc Cali. Ngoài ra còn có sự tham dự của đại diện các đài phát thanh Việt ngữ BBC, VOA... Tổng cộng có 143 đại diện cơ sở truyền thông Việt Nam tham dự Đại Hội.

Chương trình thảo luận được tổ chức tại Regent West ngày 19-4-2003. Buổi sáng chủ đề thảo luận xoay quanh bốn đề tài : 1. vai trò truyền thông trong cuộc vận động tự do và dân chủ tại quê nhà ; 2. nhiệm vụ của truyền thông đối với các cộng đồng Việt Nam hải ngoại ; 3. quyền tự do báo chí và tự do phát biểu ; 4. giới trẻ Việt Nam hải ngoại trong truyền thông.

Cựu chủ nhiệm báo *Thông Luận* và ban biên tập báo *Đàn Chim Việt* (Ba Lan) cùng tham dự đề tài 1, do nhà báo Tú Gàn (tức Lữ Giang hay cựu thẩm phán Nguyễn Cần) hướng dẫn. Trong buổi thảo luận này, nhiều vấn đề quan trọng về truyền thông đã được đề cập tới.

Chẳng hạn như làm cách nào để vượt bức tường lửa mà chính quyền cộng sản dựng lên để ngăn chặn luồng thông tin đến từ các nước tự do dân chủ và cộng đồng người Việt hải ngoại vào trong nước đã được bàn tới. Sự an nguy của người trong nước sử dụng những phương tiện thông tin hiện đại như Internet qua e-mail, Paltalk, Yahoo messenger, điện thoại... cũng được đào sâu.

Cộng đồng người Việt tại Campuchia đã được nhắc tới. Đây là cộng đồng người Việt hải ngoại sát cạnh Việt Nam chưa được chú ý tới một cách triệt để. Một vài diễn giả đề nghị khai thác khả năng truyền thông của cộng đồng này để chuyển lượng thông tin về trong nước hay ngược lại.

Về cộng đồng người Việt tại Đông Âu, như Nga, Ba Lan, Tiệp Khắc, Hung..., nơi mệnh danh là sân sau của Việt Nam, thì công tác truyền thông tương đối dễ dàng hơn vì người Việt tại đây đã thấy rõ sự khác biệt giữa nền truyền thông tự do và nền truyền thông bịp bợm. Vấn đề là một số người Việt hải ngoại, nhất là tại Hoa Kỳ, chưa có cái nhìn chính xác về cộng đồng này nên sự cảm thông

chưa được thiết lập. Tất cả chỉ vì lập luận "những ai đã từng sống dưới chế độ cộng sản đều là cộng sản". Thật ra những người này chưa biết giá trị ẩn tàng của cộng đồng người Việt tại Đông Âu, đây mới chính là nơi truyền bá thông tin về trong nước hữu hiệu và nhanh chóng nhất.

Ý kiến vận dụng báo chí ngoại quốc để đưa tin vào Việt Nam hay ngược lại cũng đã được nêu ra trong cuộc thảo luận này, vì chính quyền Hà Nội rất lo ngại phương tiện truyền thông này. Điển hình là trường hợp của Bùi Tín, những bài viết hay phỏng vấn ông đăng trên các báo *Newsweek, Time, FEER, Express...* thường bị Hà Nội xé đi những trang nói tới Bùi Tín trước khi đến tay độc giả trong nước. Nhưng dù có bị ngăn cấm đến đâu chăng nữa, những bài viết, tạp chí hay sách báo có chất lượng vẫn được chuyển về nước hay tải ra hải ngoại như thường.

Cách sử dụng ngôn từ trong thông tin cũng được bàn thảo rộng rãi. Những người làm báo tại hải ngoại thường lẩn tránh giữa những "danh từ quốc gia", "danh từ cộng sản" và các "từ ngữ chính trị"; sự lẩn tránh này đã gây ra nhiều cuộc tranh cãi vô ích, đôi khi còn thóa mạ hay chửi mắng lẫn nhau trên các phương tiện truyền thông.

Việc tiếp cận với các học sinh, sinh viên từ trong nước du học tại nước ngoài cũng được nhiều người chú ý, vì đó là những người lãnh đạo quốc gia Việt Nam tương lai. Vai trò của giới truyền thông Việt Nam hải ngoại rất là quan trọng trong việc phổ biến những giá trị tự do, dân chủ và nhân quyền đến những thanh niên này.

Chương trình thảo luận buổi chiều tập trung vào bốn chủ đề khác : 1. xây dựng quy ước đạo đức trong truyền thông ; 2. tương trợ giữa các đồng nghiệp ; 3. gia tăng nội dung và kỹ thuật cho một cơ sở truyền thông ; 4. thành lập nhóm thảo luận về vai trò người làm báo tại Hoa Kỳ.

Mở đầu, nhà báo Đỗ Thái Nhiên (tức cựu luật sư Nguyễn Phương Minh) dẫn nhập đề tài "tu chính án số 1 của hiến pháp Hoa Kỳ và truyền thông Việt Nam hải ngoại", dưới khía cạnh luật học. Ông yêu cầu chính quyền cộng sản Việt Nam tôn trọng nội dung Hiệp ước Thương mại Việt-Mỹ, chấp nhận cho lưu hành tự do những tác phẩm của người Việt trong và ngoài nước, vì chính quyền Hà Nội cũng có quyền thành lập các đài truyền thanh và truyền hình cho cộng đồng người Việt tại hải ngoại.

Tiếp theo là đề tài "khác biệt giữa người làm báo cũ và mới", do ông Nguyễn Đức Quang (chủ nhiệm nhật báo *Viễn Đông* tại Little Saigon) dẫn nhập. Chúng tôi rất mừng khi bàn về đạo đức trong truyền thông vì ai cũng thấy sự cần thiết có một quy ước, dù là đơn giản, để công tác truyền thông tại hải ngoại có quy củ hơn. Giáo sư Trần Ngọc Ninh nói "chúng ta cần làm luật cho chính chúng ta, luật ấy dựa trên tinh thần tôn trọng tự do, có trách nhiệm, có đạo lý". Nhà báo Trần Việt Tân kêu gọi giới làm truyền thông phải luôn luôn trau dồi kiến thức vì thiếu kiến thức thì không thể làm truyền thông. Trong phần kết thúc, mọi người đồng ý là phải lấy sự thật làm phương châm, lấy tương kính làm thái độ trong công tác truyền thông.

Về "tương trợ giữa các đồng nghiệp", ông Nguyễn Ý Đức (*Đài Tiếng Nói Việt Nam Hải Ngoại*, Washington) đã

gửi tới một bài tham luận bàn về các loại tương trợ (vật chất và tinh thần) để tạo sự thông cảm, ông cũng đề cập tới tương trợ nghề nghiệp (mở các lớp huấn luyện nghề nghiệp), để hướng dẫn những người mới vào nghề.

Về những "người Mỹ gốc Việt" thế hệ thứ hai, mọi người đều đồng ý là nhờ được đào tạo trong môi trường Hoa Kỳ, những thanh niên này đã hội nhập vào sinh hoạt truyền thông của Mỹ một cách dễ dàng. Đó là trường hợp của Trần Đệ, một thanh niên trẻ, gần 40 tuổi, tốt nghiệp về báo chí tại Đại học San Francisco, hiện là chủ nhiệm tờ *Việt Mercury*, tuần báo rất có uy tín và có số ấn bản cao nhất tại Vịnh San Francisco.

Đại Hội bế mạc ngày 20-4-2003 tại phòng Sinh hoạt của báo *Người Việt*. Ban tổ chức cảm ơn những người đến tham dự, nhất là cơ sở VNI và những người đã tận tình giúp tổ chức Đại Hội Truyền Thông Hải Ngoại kỳ 1 này thành công. Kết thúc Đại Hội là một bản thông cáo chung được mọi người tán đồng, nội dung như sau :

- Về công tác truyền thông, Đại Hội kêu gọi phá vỡ sự bưng bít truyền thông của chính quyền Hà Nội bằng những kỹ thuật mới của tin học và báo chí quốc tế ; khuyến khích giới trẻ tích cực dấn thân vào sinh hoạt truyền thông nhằm làm sáng tỏ lịch sử và văn hóa dân tộc ; duy trì và phát huy văn hóa Việt Nam tại hải ngoại bằng tiếng Việt và thận trọng trong việc sử dụng từ ngữ chính trị và văn hóa trong truyền thông ; phổ biến rộng rãi tin tức của cộng đồng người Việt tại các quốc gia phương Tây đến các cộng đồng người Việt tại Đông Âu và Campuchia ; tố cáo những vi phạm nhân quyền tại Việt Nam và yêu cầu tu chính một điều trái luật trong Hiệp định thương mại Việt-Mỹ.

- Đại Hội đòi hỏi chính quyền Hà Nội chấm dứt đàn áp, bắt bớ những người tranh đấu cho tự do, dân chủ và nhân quyền trong nước ; thực thi quyền tự do ngôn luận và truyền thông tại Việt Nam.

- Đại Hội quyết định thành lập một ban liên lạc nhằm chuẩn bị đại hội truyền thông Việt Nam hải ngoại kỳ 2 trong tương lai thành lập một định chế chung cho ngành truyền thông Việt Nam tại hải ngoại.

Điểm son của Đại Hội Truyền Thông Việt Nam Hải Ngoại kỳ 1 này là đã qui tụ được những con người, những cơ quan truyền thông rất khác nhau về lập trường cũng như chính kiến cùng về tham dự. Nếu sau Đại Hội này, quy ước đạo đức truyền thông vừa bàn thảo được áp dụng, cộng đồng người Việt hải ngoại tiến thêm một bước rất xa.

*Quản Mỹ Lan*

San Jose, tháng 4-2003

## **Đàn Chim Việt**

Nguyệt san thông tin, văn nghệ, bình luận thời sự.  
Bìa màu, giấy láng, trình bày trang nhã, 56 trang, khổ A4. Phát hành mỗi năm 12 số, giá 30 USD.

Đặt mua và liên lạc : **Đàn Chim Việt E-Club**  
Stryjenskich 6 UH2 str., 02-796 Warsaw, Poland.

Email : [danchimviet@post.pl](mailto:danchimviet@post.pl)

ĐT : 00 48 22 446 3457 - Fax : 00 48 22 637 3042

### Chả lẽ Cách mạng lại có thể nhẫn tâm ăn thịt những đứa con đẻ của mình ?

Tôi tên là Phạm Thu Hiền, 59 tuổi, giáo viên PTTĐ đã về hưu, hiện đang sống với con tại Cộng hòa Liên bang Đức. Tôi có một người bạn gái rất thân tên là Đặng Thị Thanh Biên, hiện đang sống tại địa chỉ 4E Bùi Thị Xuân, thành phố Đà Lạt. Chị Biên cũng là giáo viên như tôi, quen biết nhau rất tâm đắc. Chị Biên xung phong tình nguyện đi B trong đội ngũ tăng cường ngành giáo dục của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam [...] Từ ngày tôi ra nước ngoài sống với con, xa xôi ít có điều kiện liên lạc nhưng vẫn nhớ đến bạn.

Địp Tết Quý Mùi vừa qua, tôi có về nước thăm gia đình. Nhớ đến bạn cũ nhưng không có điều kiện vào chơi Đà Lạt, tôi gọi điện cho chị Biên, nhưng số máy đó nay không còn nữa, do đó địa chỉ thì có nhưng không biết chị còn ở đó nữa hay không ? [...] Nhân một buổi họp mặt với các em học sinh cũ của tôi và chị Biên, tôi đã nhờ mấy em học sinh gái gửi hộ qua bưu điện ; trong trường hợp chị Biên không còn ở đó nữa thì quà của tôi sẽ được chuyển trả lại tới các em mà không bị mất.

Sau khi trở lại Đức, tôi được biết không rõ vì sao các em học sinh mà tôi nhờ bị công an Việt Nam làm rầy rà và cũng không biết quà và thư của tôi có đến được tay người nhận hay không ? Tôi vô cùng thắc mắc vì chuyện này và đã tâm sự với các bạn bè. Tình cờ một trong những người bạn của tôi cho biết : số 4E Bùi Thị Xuân Đà Lạt là một địa chỉ cấm, vì chồng chị Biên - anh Nguyễn Xuân Tú (tức Hà Sĩ Phu) đang bị công an quản thúc sau một thời gian giam giữ. Lý do : anh ấy nằm trong số những người đấu tranh đòi tự do dân chủ và có những chính kiến trái ngược với chính quyền và bị qui là phản động ! Tôi thật không ngờ rằng sự việc rất bình thường mà hóa ra lại rắc rối như vậy và do vô tình mà tôi đã làm phiền hà cho các em học sinh của mình.

Cho đến thời điểm này, tôi mới thấy lâu nay mình thật quá vô tư ! Qua báo chí và truyền hình tôi vẫn luôn nghĩ rằng đất nước ta đang tiến lên, mọi điều đều tốt đẹp, nhưng sự thực thì đã không hẳn như vậy, từ trước tới nay tôi chỉ được đọc, được nhìn, được nghe những thông tin một chiều, có rất nhiều điều chưa đúng với thực tế. [...] Chỉ vì những chính kiến bất đồng, những tư tưởng tự do dân chủ của chồng chị, mà họ đã phạt tù người ta, nay chị vẫn phải gánh chịu những hậu quả đó cho đến chết hay sao ? [...]

Trong sự bức bách về đầu óc, tôi chợt nghĩ ra rằng sẽ viết bức thư ngỏ này gửi cho tất cả mọi người đều biết, tố cáo sự độc ác nham hiểm vẫn đang còn hiện hành đối với người dân bình thường và cũng lưu ý các bạn bè là : nếu có gửi thư, gửi quà hoặc hỗ trợ gì cho chị Biên thì cần cảnh giác ! Những thứ đó sẽ không thể đến tay chị, thậm chí không quay trở lại được mà còn bị rầy rà to, không chừng còn bị qui kết là tiếp tay cho "phản động" !

Tôi chỉ là một giáo viên bình thường, không quan tâm đến chính trị, nhưng vô cùng bất bình trước sự việc này. Tôi xin được đặt ra một câu hỏi để kết thúc bức thư này : Chả lẽ Cách mạng lại có thể nhẫn tâm ăn thịt những đứa con đẻ của mình như chị Đặng thị Thanh Biên ?

Xin những người đọc trong và ngoài nước, những người biết rộng hiểu nhiều hãy trả lời hộ cho tôi câu hỏi này !

*Phạm Thu Hiền* (Đức)

### Cướp ngày trắng trợn đến thế là cùng !

Chủ nhật 27-4-2003 vừa qua vợ chồng chúng tôi đáp chuyến máy bay Air Vietnam từ Hà Nội về lại Paris. Phải nói rõ là từ Hà Nội về lại Paris, vì thân nhân và nơi tạm trú của chúng tôi là ở Sài Gòn. Sở dĩ phải ra Hà Nội là vì mọi chuyến bay từ thành phố Hồ Chí Minh về Pháp trong tuần qua đều bị hủy bỏ vì không đủ khách, có lẽ do dịch bệnh viêm phổi lạ SARS gây ra. Chúng tôi được hãng Hàng Không Việt Nam gửi ra Hà Nội, bằng máy bay của hãng Aeroflot Nga, kết hợp với những hành khách khác về lại Paris. Chiếc Ilouchin này thật là tồi tệ, chúng tôi rất lo sợ cho mạng sống của mình ; nó vừa thiếu an toàn vừa thiếu tiện nghi. Nhưng điều làm cho chúng tôi bức mình nhất là thái độ khinh miệt người Việt của những người Nga trong chuyến bay. Tôi thấy một nữ hành khách Nga gọi cô tiếp viên cũng người Nga đến đuổi một nữ hành khách Việt Nam ngồi chung dãy ghế với bà ra dãy ghế phía sau, vì không muốn ngồi chung. Vợ chồng tôi cũng bị mời ra dãy ghế phía sau nhường chỗ cho một cặp vợ chồng người Nga khác nhưng chúng tôi không chịu. Sau một hồi cãi vã, họ biết chúng tôi là có quốc tịch Pháp nên mới thôi.

Khi làm thủ tục lên máy bay Air Vietnam về lại Pháp, tất cả hành lý của chúng tôi mang từ Sài Gòn ra đều bị hải quan Nội Bài bắt mở ra khám. Chúng tôi phản đối vì hải quan Sài Gòn đã kiểm soát rồi nhưng họ bất chấp, đồ đạc trong các vali bị đổ ra bừa bãi trên sàn nhà. Nhân viên hải quan hạch hỏi từng món đồ (áo quần, quà cáp, băng nhạc, tranh ảnh) để đánh thuế. Tất cả thực phẩm (lạp xưởng, tôm khô, mắm thái, bánh kẹo, hạt điều...) đều bị tịch thu. Chúng tôi rất bức mình vì khi làm thủ tục hải quan Tân Sơn Nhất không nói gì cả ; như vậy là chúng tôi bị tịch thu gần 20 kilô thực phẩm.

Chưa hết, một nhân viên hải quan khác, có lẽ cao cấp hơn, mời vợ chồng chúng tôi vào một phòng nhỏ khai báo tiền bạc và ngoại tệ mang theo. Chúng tôi ngoan ngoãn móc hết ra trình, tổng cộng hơn 300.000 đồng Việt Nam, 175 đô la và hơn 200 euros. Người này nói: "Anh chị mang tiền Việt Nam về Pháp làm gì nhiều thế, chỉ được giữ lại 20.000 đồng làm kỷ niệm thôi, số còn lại bị tịch thu. Lần này chúng tôi phạt anh chị 175 đô và 200 euros về tội mang theo hàng cấm". Tôi liền cự nự, người này nói nếu anh chị không chịu thì chúng tôi giữ giấy thông hành và chuyển lên cấp trên giải quyết, như vậy sẽ trễ chuyến bay. Sau một hồi bàn tán, vợ chồng chúng tôi chấp nhận bị lấy hết tiền để về lại Pháp. Cướp ngày trắng trợn đến thế là cùng !

*Phan Trần Tuấn* (Emerainville)

## Thời sự quốc tế và Việt Nam

### Bê tắc về chính sách ngoại giao và phòng thủ chung

Ngày 2-5-2003, bộ trưởng ngoại giao của 25 quốc gia thành viên và sắp là thành viên của Liên Hiệp Châu Âu đã họp trên chiếc tàu hoàng gia tại Kastellorizo, một đảo nhỏ thuộc Hy Lạp trong biển Egée, trong hai ngày để bàn về một thái độ chung trước các vấn đề tái thiết Iraq, quan hệ với Hoa Kỳ và chính sách an ninh và phòng thủ chung trong Liên Hiệp.

Cuộc thảo luận đã diễn ra rất sôi nổi giữa hai phe ủng hộ (do Anh cầm đầu) và phe chống (do Pháp đại diện) cuộc chiến tại Iraq. Các cuộc thảo luận tuy đã kết thúc nhưng không có quyết định nào được đưa ra vì chia rẽ về quan điểm giữa các quốc gia trong Liên Hiệp Châu Âu vẫn còn sâu rộng. Hoa Kỳ và đồng minh trong cuộc chiến tại Iraq chỉ đồng ý cho Liên Hiệp Quốc phụ trách phần tổ chức cứu trợ nhân đạo, trong khi phe chống chiến tranh yêu cầu giao Iraq cho Liên Hiệp Quốc quản lý, được trực tiếp tham gia tái thiết và bãi bỏ từng phần lệnh cấm vận ; tất cả những đề nghị này đều bị Hoa Kỳ từ chối.

Quan hệ giữa Washington và đồng minh với các quốc gia chống chiến tranh tại Iraq không lấy gì làm sáng sủa hơn. Pháp và Đức còn không được mời tham dự buổi họp của 12 quốc gia trong khối NATO và 4 quốc gia có quân tham chiến tại Iraq, tổ chức tại London ngày 30-4 vừa qua, để trả đũa vụ nhóm "Bốn" (Pháp, Đức, Bỉ và Lục Xâm Bảo) đề nghị thành lập một lực lượng an ninh và phòng thủ Liên Hiệp Châu Âu tại Bruxelles một ngày trước đó. Lý do được nêu ra là không cần thành lập một lực lượng quân sự kép vì đã có NATO rồi. Trong nhóm "Bốn" này, chỉ có Pháp có quyền nói về vấn đề này vì Bỉ và Lục Xâm Bảo không phải là những quốc gia quân sự, còn Đức thì không có quyền đưa quân ra ngoài lãnh thổ.

Hy vọng cuộc họp thượng đỉnh giữa các bộ trưởng tư pháp của nhóm G8 ngày 5-5-2003 sẽ giải tỏa phần nào căng thẳng giữa hai phe đối lập trong cuộc chiến tại Iraq.

### Liên Hiệp Quốc bao che các chế độ hung bạo

Ủy Ban Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc đã họp trong một tháng, tháng 4-2003, để kiểm điểm tình trạng nhân quyền trên thế giới. Đây là dịp lý tưởng để Liên Hiệp Quốc xác nhận tính chính đáng của mình như tổ chức bảo vệ luật pháp và đạo đức quốc tế bởi vì trong thời gian qua nhiều nhà nước độc tài đã lợi dụng tình trạng căng thẳng tại Iraq để chà đạp nhân quyền một cách thô bạo. Miến Điện, Việt Nam, Nam Dương, Trung Quốc, Cuba đều vi phạm nhân quyền một cách trắng trợn. Riêng tại Việt Nam, giai đoạn cuối năm 2002, đầu năm 2003 đã là giai đoạn của những bắt bớ tùy tiện và các phiên tòa lố mắng. Nguyễn Khắc Toàn và Lê Chí Quang bị xử nặng nề. Phạm Quế Dương, Trần Khuê, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn, Trần Dũng Tiến, Nguyễn Đan Quế bị bắt giam.

Tuy nhiên, Cuba đã phá mọi kỷ lục, bắt giam và xử án thô bạo 80 người đối lập ôn hòa trong đó có ba người bị xử tử. Thế giới chờ đợi ở khóa họp của Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc một sự lên án dứt khoát và nghiêm khắc. Nhưng than ôi, Liên Hiệp Quốc đã tỏ ra hoàn toàn bất lực, không dám lên án một hành động vi phạm nhân quyền nào cả. Ngay cả vụ Cuba cũng không bị lên án, chỉ bị nhắc nhở một cách rất nhẹ nhàng. Tệ hơn nữa, Cuba còn được bầu vào Ủy Ban Nhân Quyền. Ủy ban này lại do một chế độ hung bạo khác là Libya làm chủ tịch. Sự kiện này lại xảy ra vào giữa lúc Cuba tỏ ra cực kỳ côn đồ. Một nhóm biểu tình do ông Robert Ménard, tổng thư ký Hội Ký Giả Không Biên Giới (Reporters Sans Frontière) trước sứ quán Cuba tại Paris, đã bị nhân viên sứ quán xông ra đánh đập dã man ngay trước ống kính truyền hình Pháp. Chính ông Robert Ménard cũng bị đánh xùm mặt.

Chưa bao giờ Liên Hiệp Quốc tỏ ra tồi tệ đến thế. Ủy Ban Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc trên thực tế đã trở thành một ủy ban bảo vệ những chế độ vi phạm nhân quyền. Trong lúc Pháp, Nga, Đức và một số nước đòi Mỹ trao cho Liên Hiệp Quốc chủ trì sứ mạng tái thiết và dân chủ hóa Iraq thì Liên Hiệp Quốc đã chứng tỏ nó chẳng còn một nền tảng đạo đức nào đáng kể.

### SARS vẫn hoành hành và đe dọa

Ngay cái tên của nó, SARS, cũng đã chứng tỏ sự bối rối của thế giới. SARS (Severe Acute Respiratory Syndrome) có nghĩa là hội chứng nặng và mạnh về đường hô hấp, không giải thích gì cả. Nhưng nó nguy hiểm vì dễ làm chết người và dễ lây lan. Không đầy hai tháng sau khi xuất hiện đã có hơn 450 người chết và gần 7.000 người mắc bệnh mặc dù các chính quyền, nhất là tại các nước có bệnh SARS, đã cố gắng hết sức chống đỡ với rất nhiều phương tiện. Nếu xuất hiện trong thế kỷ 19 hay đầu thế kỷ 20, SARS có thể tiêu diệt gần hết loài người và xóa bỏ nền văn minh.

Cũng may là thế giới đã tiến bộ nhiều. Nhưng SARS cũng sẽ gây thiệt hại lớn về mặt kinh tế, có lẽ còn hơn cả cuộc chiến Iraq. Một số chuyên gia ước lượng SARS cho đến nay đã gây thiệt hại cho Trung Quốc và Hoa Kỳ khoảng 2% GDP.

Đại diện mười nước Châu Á đã gặp nhau tại Bangkok cuối tháng 4-2003, để tìm cách cùng phối hợp đối phó. Nhưng cho đến nay vẫn chưa có được kế hoạch cụ thể nào vì vẫn chưa tìm được thuốc trị và ngừa bệnh dịch nguy hiểm này.

### Bắc Triều Tiên : bản cùng sinh đạo tặc

Theo hãng thông tin Reuter, ngày 20-4-2003, một tàu buôn Bắc Triều Tiên bị bắt trong hải phận Úc với 50 kg bạch phiến. Trên tàu có 30 thủy thủ Bắc Triều Tiên, hai người Mã Lai, một người Singapore và một người Trung Quốc.

Chính quyền Úc lo ngại rằng đây là hành động nằm

trong chính sách kinh tài của Bắc Triều Tiên vì nước này chỉ toàn những công ty quốc doanh, tất cả đều nằm trong tay nhà nước. Một trong những thủy thủ là đảng viên Đảng Lao Động (tức đảng cộng sản) Bắc Triều Tiên. Bộ trưởng ngoại giao Úc Alexander Downer tuyên bố một cách giận dữ: "Một điều rất quan trọng là họ (chính quyền Bắc Triều Tiên) phải hiểu rằng việc một quốc gia buôn lậu thuốc phiện sang nước chúng tôi để đầu độc thanh niên chúng tôi là hoàn toàn không thể chấp nhận được".

Chính quyền Bắc Triều Tiên đã bị nghi ngờ là buôn lậu thuốc phiện từ hơn 30 năm nay, nhưng đây là lần đầu tiên họ bị bắt quả tang. Cảnh sát Úc cho hay thử nghiệm cho thấy đây là loại thuốc phiện sản xuất từ khu Tam Giác Vàng thuộc Miến Điện.

Đại sứ Bắc Triều Tiên đã bị triệu tập đến bộ ngoại giao Úc. Úc là một trong những nước ít ỏi nhìn nhận và có quan hệ ngoại giao với Bắc Triều Tiên. Các thủy thủ Bắc Triều Tiên đã tỏ ra rất xứng đáng với nhà nước còn đồ mà họ đại diện. Dù bị bắt quả tang, họ vẫn lập đi lập lại một câu trả lời ngắn gọn trong cuộc thẩm vấn: "Chúng tôi vô tội".

## Già mồm

Báo *Quân Đội Nhân Dân* số ra ngày 23-4-2003 đã đăng trên tranh nhất một bài đả kích dữ dội một phúc trình của bộ ngoại giao Mỹ, trong đó bộ ngoại giao Mỹ nhận định chính quyền Việt Nam đang tăng cường kiểm soát mạng Internet để kiểm soát đối lập dân chủ, trái với chính hiến pháp của Việt Nam.

Theo báo *Quân Đội Nhân Dân*, đây chỉ là chuyện hoàn toàn bịa đặt của phía Mỹ để yểm trợ các phần tử phản động loan truyền tin xấu đầu độc. Báo *Quân Đội Nhân Dân* cũng đả kích một dự luật vừa được đệ trình quốc hội Mỹ do dân biểu Chris Smith, theo đó Hoa Kỳ sẽ ngừng các khoản viện trợ, ngoài viện trợ nhân đạo cho Việt Nam, nếu Hà Nội tiếp tục vi phạm nhân quyền.

Nhưng việc Hà Nội khủng bố những người dân chủ sử dụng Internet là điều quá hiển nhiên. Nguyễn Khắc Toàn, Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình và mới đây Nguyễn Đan Quế đều đã bị bắt vì sử dụng mạng Internet mặc dù những điện thư của họ không tiết lộ bất cứ một bí mật nào và cũng không kêu gọi nổi dậy chống chính quyền mà chỉ là những trao đổi rất bình thường.

## Từ hội chứng Việt Nam đến hội chứng Iraq ?

Mới cách đây không lâu, thế giới còn nghĩ rằng Hoa Kỳ vẫn chưa thoát khỏi cái gọi là "hội chứng Việt Nam", nghĩa là sợ không dám can thiệp bằng quân sự sau thất bại tại Việt Nam.

Nhưng cuộc chiến Iraq đã chấm dứt nhanh chóng, chỉ sau ba tuần lễ, với sự toàn thắng của Hoa Kỳ. Quân đội của Saddam Hussein, có lúc được coi là quân đội mạnh thứ tư trên thế giới, đã bị đánh tan nhanh chóng, Hoa Kỳ chỉ bị những thiệt hại không đáng kể. Giờ đây nhiều người lại sợ ngược lại là Hoa Kỳ sẽ lâm vào "hội chứng Iraq", nghĩa

là thừa thắng xông lên, sẵn sàng can thiệp quân sự vào khắp nơi, xâm lăng và đánh đổ những chính quyền không hợp với mình.

Thực ra thì cả hai «hội chứng Việt Nam» và «hội chứng Iraq» đều không có và chỉ là sản phẩm của những nhà phân tích chính trị giàu tưởng tượng. Thất bại tại Việt Nam đã không ngăn cản Hoa Kỳ đổ bộ vào Granada năm 1983, vào Panama cuối năm 1989, vào Tahiti năm 1993, và gần đây Kosovo, Afghanistan và Iraq. Ngược lại, «hội chứng Iraq» cũng không có cơ sở. Cuộc chiến Iraq đã là kết quả của những thảo luận gay go từ sau tháng 9-2001, khi tổ chức khủng bố Al Qaeda dùng phi cơ hành khách lao vào đánh sập Trung Tâm Thương Mại Thế Giới (WTC) tại New York và bộ quốc phòng Mỹ. Hoa Kỳ đã cân nhắc rất kỹ và đã chỉ đi đến quyết định tấn công Saddam Hussein vì tầm quan trọng của Iraq quá lớn đối với Trung Đông. Nhưng nếu các chính quyền bạo ngược nghĩ rằng Hoa Kỳ có thể tấn công họ thì cũng là điều tốt.

## Đảng cộng sản đặt lại chính sách sau chiến tranh Iraq

Từ tháng 9-2001, sau cuộc khủng bố của tổ chức Al Qaeda, Hà Nội nhận định rằng quan tâm của thế giới, và Hoa Kỳ nói riêng, sẽ tập trung rất lâu vào cuộc chiến chống khủng bố và đây sẽ là cơ hội thanh toán đối lập dân chủ. Cuối năm 2001, cuộc chiến Afghanistan diễn ra và kết thúc thật mau chóng. Tuy nhiên Al Qaeda chưa bị tiêu diệt, khủng bố vẫn diễn ra tại Pakistan, Indonesia và Philippines. Vùng Palestine lại ngày một sôi động thêm và vấn đề Iraq ngày càng sôi nổi. Hà Nội cho phân tích của mình là đúng và bắt đầu thả tay đàn áp từ đầu năm 2002. Nguyễn Khắc Toàn, Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, bị bắt. Cuối năm 2002 đến lượt Phạm Quế Dương và Trần Khuê. Việc bắt giam Phạm Quế Dương, một nhân vật rất có uy tín và được cảm tình không những trong nhân dân mà cả đối với một số rất đông đảo sĩ quan và viên chức nhà nước, chứng tỏ chính quyền Hà Nội không còn kiêng nể gì nữa. Đầu năm 2003 đến lượt Trần Dũng Tiến và Nguyễn Đan Quế.

Sau khi Baghdad thất thủ, một viên chức cao cấp Hà Nội yêu cầu được dấu tên, đã cho Thông Luận hay là cuộc chiến Iraq kết thúc nhanh chóng đã là «cú sốc lớn» đối với ban lãnh đạo đảng và đã có quyết định xét lại toàn bộ chính sách nội trị, kể cả đối với những người dân chủ.

Nếu đúng như vậy thì quả là một tin vui. Nhưng liệu ban lãnh đạo đảng còn khả năng quyết định nữa không? Quyền lực tại Việt Nam hiện nay không biết ở trong tay ai. Các tư sản đồ có rất nhiều quyền, họ có thể dùng đồng tiền để áp đặt lên cả những quyết định của bộ chính trị. Và đám tư sản đồ này ngoan cố chống dân chủ đến cùng.

## Kinh tế tăng trưởng 6,9% trong quý I

Thủ tướng Phan Văn Khải đã cho biết ngày 1-4-2003 rằng kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng 6,9% trong ba tháng đầu năm, trong đó nông nghiệp tăng 1,7%, công nghiệp

15%, dịch vụ 7,1%.

Những con số do chính quyền Việt Nam đưa ra thường thiếu chính xác. Đây cũng là cũng là chỉ số tăng trưởng trung bình trong vùng. Phải dự trù rằng quý II sẽ không thể giữ mức độ tăng trưởng này. Đặc biệt ngành du lịch và khách sạn sẽ bị thiệt hại nặng vì dịch SARS. Tuy nhiên hy vọng Việt Nam sẽ không đến nỗi bị thiệt hại như Trung Quốc, Hongkong và Singapore.

### Sáu án tử hình về tội buôn lậu bạch phiến

Báo *Lao Động*, số ra ngày 15-3-2003, cho biết đã có sáu người bị án tử hình trong vụ xử một đảng buôn lậu lớn. Tổng cộng 25 can phạm bị đem ra xét xử vì đã buôn lậu một lượng bạch phiến lên tới 87,5 kg trong vòng 10 năm tại tỉnh Lai Châu. Bạch phiến được nhập từ Lào vào Lai Châu rồi phân phối xuống Hà Nội và Sài Gòn. Họ bị bắt từ tháng 8-2001.

Trong số sáu người bị án tử hình có bốn người đã bị một phiên tòa trước xử án tử hình vào tháng 6-2002. Mười một can phạm khác bị xử tù chung thân, các can phạm còn lại chia nhau 107 năm tù. Theo báo *Lao Động*, đa số các bị can đều mù chữ và thuộc sắc tộc thiểu số.

Theo luật Việt Nam thì những người buôn lậu bạch phiến từ 100 gam trở lên có thể bị án tử hình. Dĩ nhiên chẳng ai phản đối việc trừng trị nghiêm khắc những kẻ buôn lậu bạch phiến, nhất là nghiện hút đang là tai họa cho thanh niên Việt Nam, nhưng một luật như vậy quả là quá thô bạo. Nhà cầm quyền cộng sản hình như coi án tử hình là liều thuốc trị bá chứng, mặc dù nó đã chứng tỏ là không có hiệu lực. Hầu hết các nước văn minh đều bãi bỏ hình phạt man rợ này.

Ngoài ra, trong trường hợp đặc biệt này, các can phạm đều là những người thuộc sắc tộc thiểu số với một văn hóa trong đó buôn và tiêu thụ bạch phiến không phải là một tội. Họ cũng là những người chưa hề được hưởng một giáo dục nào. Đây đáng lẽ phải được coi là một lỗi của nhà nước. Những người này đáng được giáo dục hơn là trừng trị, chưa nói tới xử tử.

Và dù sao đi nữa thì án tử hình cũng phải được bãi bỏ. Một xã hội văn minh không thể sử dụng sự man rợ làm dụng cụ cai trị.

### Ngoại thương Việt-Mỹ gặp khó khăn

Báo *Miami Herald*, thuật lại một buổi họp giữa đại diện bộ thương mại Mỹ và giới doanh nhân, cho hay bộ thương mại Mỹ đang điều tra và có thể sẽ trừng phạt bằng cách áp đặt một quota để giới hạn hàng xuất khẩu từ Việt Nam sang Mỹ nếu có đối trá. Quan chức này đã làm cử tọa ngạc nhiên khi đưa ra bằng chứng là nhiều quần áo và nhãn hiệu "Made in Vietnam" thực ra là hàng Trung Quốc.

Phía Việt Nam dĩ nhiên đã lên tiếng phản đối. Tuy nhiên phía Mỹ cho là họ có bằng cứ cụ thể. Đây sẽ là một thiệt hại lớn cho Việt Nam, vì hàng xuất cảng của Việt Nam đã gia tăng hơn 15 lần trong năm 2002. Biến cố này

đe dọa một thị trường đang đầy triển vọng. Nhưng câu hỏi đặt ra là tại sao Việt Nam lại xuất khẩu sang Mỹ quần áo Trung Quốc? Không có giải thích nào khác ngoài tham nhũng, vì nhiều công ty sản xuất quần áo Việt Nam đang khốn khổ vì không bán hết được sản phẩm.

Một số doanh nhân Mỹ cũng yêu cầu trừng phạt kinh tế Việt Nam vì chính quyền cộng sản Việt Nam đã công khai bênh vực chính quyền Saddam Hussein.

### Người chết cũng không được yên nghỉ

Ngày 2-4, khoảng 500 nông dân làng Mỹ Định, huyện Mễ Trì, đã nổi giận ẩu đả với công nhân công ty xây dựng Sông Đà khi những người này ngăn cản việc chôn cất một người quá cố trong làng, viển cố nghĩa trang sẽ được giải tỏa để làm khu công nghiệp. Có năm công nhân bị dân làng bắt giữ, một người bị thương.

Mỹ Định cách Hà Nội khoảng 20 cây số về phía Đông. Chính quyền dự trù thành lập một khu công nghiệp rộng 30 hecta, bao gồm cả nghĩa trang Mỹ Định trong đó có hơn 3.000 ngôi mộ.

Cũng nên biết là chính quyền cộng sản Việt Nam không có bất cứ một nỗ lực nào đối với các nghĩa trang. Tại nhiều nơi các nghĩa trang bị giải tỏa, thân nhân vắng mặt hoặc cải táng không kịp, thi thể người quá cố được quật lên và vất đi; có khi thi thể người chết bị để giữa trời nhiều ngày, chuột và chó đói tha những mảnh thịt chưa kịp rửa sạch đi khắp nơi gây ô nhiễm môi trường.

Mồ mả ông cha là sợi dây nối liền con người với quê hương đất nước, nhưng chính quyền cộng sản hoàn toàn không quan tâm tới yếu tố tình cảm này. Sau biến cố này, chính quyền địa phương tuyên bố sẽ trừng trị những người chủ mưu phản kháng, tức dân làng Mỹ Định.

### Phong trào dùng thuyền vượt biên sông lại?

Cuối tháng 4 vừa qua, cảnh sát Indonesia đã bắt giữ 73 người Việt Nam trên hai chiếc tàu nhỏ nhập cư trái phép, chiếc đầu chở 31 người, chiếc thứ hai chở 42 người tại Lembata.

Khi bị bắt, những thuyền nhân này cho biết họ dùng thuyền trốn khỏi Việt Nam để sang Úc xin tị nạn. Lý do là để có cuộc sống khá hơn tại Việt Nam. Sau khi được biết chính phủ Úc từ chối cho nhập cư và chính phủ Indonesia sẽ giao trả họ về lại Việt Nam, phần lớn những thuyền nhân đi từ đồng bằng sông Cửu Long này xin được tị nạn tại Indonesia, chỉ một ít (đa số là phụ nữ và người lớn tuổi) muốn được trả về nước.

### Trần Văn Sơn ra mắt sách tại Paris

Khoảng 70 thân hữu đã tham dự buổi ra mắt "*Tuyển Tập Bình Luận Chính Trị, tập 4*" của Trần Bình Nam ngày chủ nhật 13-4-2003 tại Paris.

Đây là buổi họp ra mắt sách không bình thường, vì sách đã xuất bản từ gần một năm trước và hầu hết cử tọa đều

đã có. Đúng hơn đây là cơ hội để ông Trần Văn Sơn, bút hiệu Trần Bình Nam, tiếp xúc với những thân hữu của ông.

Các ông Nguyễn Văn Hòa và Trần Thanh Hiệp đã lần lượt giới thiệu tác giả, tác phẩm. Kế tiếp là ông Nguyễn Gia Kiểng phát biểu về nhận định của một người đọc thường xuyên các tác phẩm của Trần Bình Nam. Giáo sư Vũ Quốc Thúc, học giả Thái Văn Kiểm và nhiều quan khách khác đã phát biểu sau phần nói chuyện của ông Sơn.

Ông Trần Văn Sơn, dưới bút hiệu Trần Bình Nam, là người viết bình luận chính trị đều đặn nhất tại hải ngoại, và có lẽ cả tại Việt Nam từ sau ngày 30-4-1975. Ông viết về tất cả mọi vấn đề liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến sinh hoạt chính trị Việt Nam và thế giới. Ông đã cho xuất bản bốn tập bình luận chính trị chọn lọc trong số những bài viết của ông. Ông Trần Văn Sơn có kiến thức bao quát, lời trình bày giản dị, bình luận chính xác. Những cuốn bình luận chính trị của ông là những tài liệu tham khảo quý báu khi cần nhớ lại những biến cố chính trị đã qua. Đó là những tác phẩm mà giá trị và công dụng tăng lên với thời gian.

Trần Văn Sơn là một người hoạt động không ngừng nghỉ cho dân chủ. Xuất thân là một kỹ sư cơ khí hàng hải, ông gia nhập quân lực Việt Nam Cộng Hòa, lên tới cấp trung tá tham mưu trưởng trường sĩ quan hải quân, rồi giải ngũ, ứng cử và đắc cử dân biểu quốc hội Việt Nam Cộng Hòa cho tới ngày 30-4-1975. Ông là phó chủ tịch khối đối lập dân chủ tại quốc hội Việt Nam Cộng Hòa, do luật sư Trần Văn Tuyên làm chủ tịch. Xuất ngoại sau ngày 30-4-1975, Trần Văn Sơn thành lập và lãnh đạo một trong những tổ chức chính trị lâu đời và đứng đầu nhất tại hải ngoại, Tổ Chức Phục Hưng Việt Nam. Từ hơn mười năm nay ông không còn là chủ tịch tổ chức này nữa nhưng vẫn tiếp tục giữ một vai trò lãnh đạo hàng đầu. Trần Văn Sơn đã không thành công như ông muốn nhưng đó không phải là lỗi tại ông mà là vì người ta đã không nhìn đúng giá trị của người dân chủ đáng tin nhiệm này.

### **Đàn Chim Việt bị ngăn chặn bay đến mọi nhà**

Ngày 28-4-2003, nguyệt san *Đàn Chim Việt* bị nhân viên quản lý trung tâm thương mại Sapa, còn gọi là "chợ vòm", Praha 4, thủ đô Cộng Hòa Tiệp, ngăn chặn không cho bày bán trên các sạp, theo lời yêu cầu của ban an ninh sứ quán Hà Nội tại Tiệp. Sapa là khu buôn bán lớn nhất của người Việt tại Cộng Hòa Tiệp sau 1990. Chủ chợ là một người Việt, rất có uy quyền trong giới buôn bán tại đây và có nhiều quan hệ mật thiết với sứ quán, do quyền lợi song phương. Dưới tay người này là hàng chục thủ hạ, sẵn sàng làm bất cứ điều gì để bảo vệ quyền lợi. Năm 2002, một chủ chợ tên Dũng Híp đã bị bắn chết, những người phát hành báo *Tia Chớp* cũng đã bị hành hung.

*Đàn Chim Việt* là một nguyệt san phát hành tại Warsaw, Ba Lan, từ cuối năm 1999, đến nay đã phát hành trên 40 số. Tờ báo có mặt trên 14 quốc gia, nhiều nhất là tại Đông Âu. Tại Tiệp, tờ báo đã có trên hai tuổi đời. *Đàn Chim Việt* được in và trình bày rất đẹp, giấy láng, bìa màu, 56 trang, giá 2,5 USD/số. Nội dung rất phong phú, nhiều

*Thơ*

## **Tâm sự**

Các bạn ạ, tôi đọc bài thơ cũ,  
Để thấy lòng dâng nhiều nỗi xót xa,  
"Tôi vẫn đi giữa phố giữa nhà,  
Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ"  
Thơ Trần Dần trong buổi trăm hoa,  
sau này tôi mới rõ,  
với đảng cộng cầm quyền,  
không cần có nhân dân.  
Mỗi người dân một hình bóng âm thầm,  
Không có lưỡi, không có tai và không có mắt !  
Có cái đầu, chỉ được dùng để gặt ;  
Có đôi tay, chỉ để nắm cuốc cày,  
Có đôi vai để gánh nặng đắng cay,  
Đôi chân cứng, để lê đời gian khổ.  
Cuộc sống nhân dân chỉ là thế đó,  
Nên Trần Dần trong buổi trăm hoa,  
Đi giữa thủ đô, không thấy phố thấy nhà,  
Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ !  
Ông Trần Dần ơi,  
ở Việt Nam ta,  
hơn nửa vòng thế kỷ,  
Ông có đi cũng không thấy phố thấy nhà,  
chỉ thấy một làn mưa sa  
chảy mãi trên màu cờ đỏ !  
Các bạn ơi, sau cuộc đổi đời,  
Cuộc sống dân ta có gì thay đổi ?  
Các bạn chắc hẳn thấy rồi,  
tôi chẳng cần phải nói,  
mình cứ âm thầm nuốt nỗi đắng cay  
như những ngày 30 tháng tư đã qua.  
Như ngày 30 tháng tư năm nay,  
lại thêm một lần dòng lệ chảy dài !

*Như Đình Hùng*  
(Valence, Pháp)

hình ảnh, gồm các tiết mục : xã hội, văn hóa, phân tích thời sự, tin tức. *Đàn Chim Việt* còn là phương tiện truyền bá tư tưởng tự do, dân chủ và đa nguyên của những cây viết uy tín trong nước cũng như tại hải ngoại.

Sự hiện diện của một tờ báo đối lập ngay trong địa bàn hoạt động của các sứ quán là cái gai cần phải nhổ đi. Hà Nội rất sợ phong trào dân chủ ảnh hưởng tới cộng đồng người Việt Đông Âu, vì đây là đầu cầu chuyên chở những tư tưởng dân chủ trực tiếp về trong nước. Tờ báo hiện đang bị cấm bán trong khu chợ Sapa, trong tương lai sẽ bị cấm bán trong những khu đông người Việt khác do các sứ quán quản lý. Tại Ba Lan, Hà Nội còn e ngại nhưng đã cử một sĩ quan an ninh văn hóa đến sứ quán để theo dõi hoạt động của ban biên tập báo *Đàn Chim Việt*.

## HÃY GIÚP ĐỠ NHỮNG NGƯỜI NÀY

Có những con người sinh sống âm thầm... trong chốn rừng sâu, nhưng việc làm của họ thật là cao cả. Linh mục Phan Văn Bình, 62 tuổi, thuộc số người đó. Từ hơn ba năm qua, ông đã ngày đêm lặn lội trong vùng bắc Kontum, trên dãy Trường Sơn, vào tận thôn làng của những nhóm Thượng ít được nhắc tới, để an ủi và giúp đỡ những người tật nguyền, mắc bệnh khó chữa.

Những người kém may mắn này là ai ? Đó là những người Thượng mắc bệnh tâm thần (điên, khủng), thuộc các sắc tộc Sedang Halang và Djê, sinh trú trong 124 bản làng thuộc bốn huyện Đắc Hạ, Đắc Tô, Ngọc Hồi và Đắc Glei, bắc Kontum. Hiện nay khoảng 5% dân số Thượng không nhiều thì ít mắc bệnh khủng, điên, lãng trí hoặc câm nín (autism). Số phận của những người này rất là bi đát : bị gia đình và xã hội hắt hủi. Nhiều gia đình phải giấu họ vào rừng sâu để không bị người đời trêu chọc hay làm trò cười cho thiên hạ ngoài đường phố. Tuổi thọ trung bình của những người này không cao, nọ chỉ có thể ngắn đi chứ không dài thêm, vì đời sống của một người Thượng khỏe mạnh vốn đã khó khăn, đời sống những người mắc bệnh tâm thần lại càng khó khăn và thiếu thốn hơn.

Linh mục Phan Văn Bình vừa lập được danh sách 130 người mắc bệnh tâm thần tại bắc Kontum, trong đó sắc tộc Sedang : 112 người, sắc tộc Bahnar : 15 người, sắc tộc Kinh : 3 người. Trong thực tế số người mắc bệnh tâm thần còn nhiều hơn nữa nhưng vì ở những nơi quá xa xôi nên ông chưa thống kê được.

Quyết tâm giúp người khốn khó của vị tu sĩ này rất cao nhưng khả năng của ông thì rất hẹp. Mặc dù là chánh sở giáo phận bắc Kontum, linh mục Phan Văn Bình không có cả giáo đường để cử hành lễ, tất cả thánh lễ đều được cử hành ngoài trời. Ông chỉ có chiếc xe 4x4 cũ kỹ, hiệu Musso của Nga, làm phương tiện di chuyển và sẵn sàng cho mượn để chuyên chở bệnh nhân từ cao nguyên xuống đồng bằng chữa trị. Công tác từ thiện của vị tu sĩ này không thể tiếp tục dài lâu nếu không có tiếp ứng của cộng đồng người Việt hải ngoại.

Hoàn cảnh của những người kém may mắn này chất vấn lương tâm chúng ta. Nếu chính quyền cộng sản bỏ rơi những đứa con bất hạnh của họ, chúng ta - cộng đồng người Việt hải ngoại - phải nhanh tay giành lấy. Không gì vinh dự bằng được giúp đỡ đồng bào mình bởi chính mình. Yêu nước, yêu đồng bào chính là lúc này, giúp đỡ những người bất hạnh, những người kém may mắn là thể hiện lòng yêu nước. Phải giành lại trên tay chính quyền độc đoán quyền chăm sóc đồng bào của mình. Đó vừa là một vinh dự vừa là một trách nhiệm.

Thật ra khả năng giúp đỡ này ở trong tầm tay của mỗi chúng ta, mỗi gia đình, vì chi phí chữa trị một bệnh nhân tâm thần trong một năm là 150 USD. Trong đó chi phí chữa trị tích cực tại bệnh viện tâm thần Qui Nhơn trong hai tháng đầu là 70 USD (nhập viện và chữa trị:

## Mục lục

1. *Iraq sau Saddam Hussein* *Thông Luận*
2. *Mọi sự không còn như trước* *Bùi Tín*
3. *Thơ : Phản chiến* *Bài Minh Quốc*
4. *Hai bài học lớn cho Việt Nam từ Iraq* *Tôn Thất Thiện*
6. *Iraq : lịch sử và trầm tích* *Nguyễn Ước*
9. *Tiến tới một văn hóa tổ chức* *Nguyễn Gia Kiểng*
12. *Trí thức phải dám nói* *Thích Tuệ Sĩ*
13. *Về Thiên Đường và Quyền Lực* *Loanh Sơn*
15. *Xã hội dân sự và phát triển quốc gia* *Phạm Việt Vinh*
17. *SARS và SRVN* *Sông Lô*
19. *Cứu tôi với !* *Vương Sĩ*
21. *Ca khúc chiến thắng ?* *Bửu Sao*
24. *Nghĩ gì qua một lối nói ?* *Phó Tịnh*
25. *Đại hội truyền thông Việt Nam hải ngoại kỳ 1* *Quản Mỹ Lan*
27. *Thư độc giả* *Phạm Thu Hiền & Phan Trần Tuấn*
28. *Thời sự quốc tế và Việt Nam*
31. *Thơ : Tâm sự* *Nhũ Đình Hùng*
32. *Hãy giúp đỡ những người này* *Nguyễn Văn Huy*

20 USD, người nuôi dưỡng : 20 USD, xăng nhớt và tài xế: 30 USD); chi phí điều trị tại gia trong 12 tháng là 80 USD. Linh mục Phan Văn Bình có tham vọng được cộng đồng người Việt hải ngoại giúp ông chữa trị ít nhất cho 100 người mắc bệnh tâm thần, tức 15.000 USD, trong năm nay. Bài viết này chuyển đến từng người và từng gia đình người Việt hải ngoại phong trào cứu giúp người mắc bệnh tâm thần và ước muốn được hưởng ứng.

Quý ân nhân và mạnh thường quân có thể liên lạc thư từ hay gửi tiền trực tiếp cho linh mục Simon Phan Văn Bình về địa chỉ : Nhà Thờ Chính Tòa Kontum, 13 Nguyễn Huệ, thành phố Kontum, Việt Nam. Đề nghị nên gửi tiền bằng bưu phiếu hay nhờ người mang thẳng tới.

Cũng nên biết những người mắc bệnh phong cùi đã và đang được nhiều tổ chức từ thiện trong và ngoài nước giúp đỡ, tương lai và đời sống của họ đã bớt phần âu lo; ngược lại tương lai và đời sống của những người mắc bệnh tâm thần chưa hề được đề cập tới. Đây là bài viết đầu tiên tại hải ngoại đề cập tới số phận những người Thượng mắc bệnh tâm thần với hy vọng được nhiệt liệt hưởng ứng.

*Nguyễn Văn Huy*